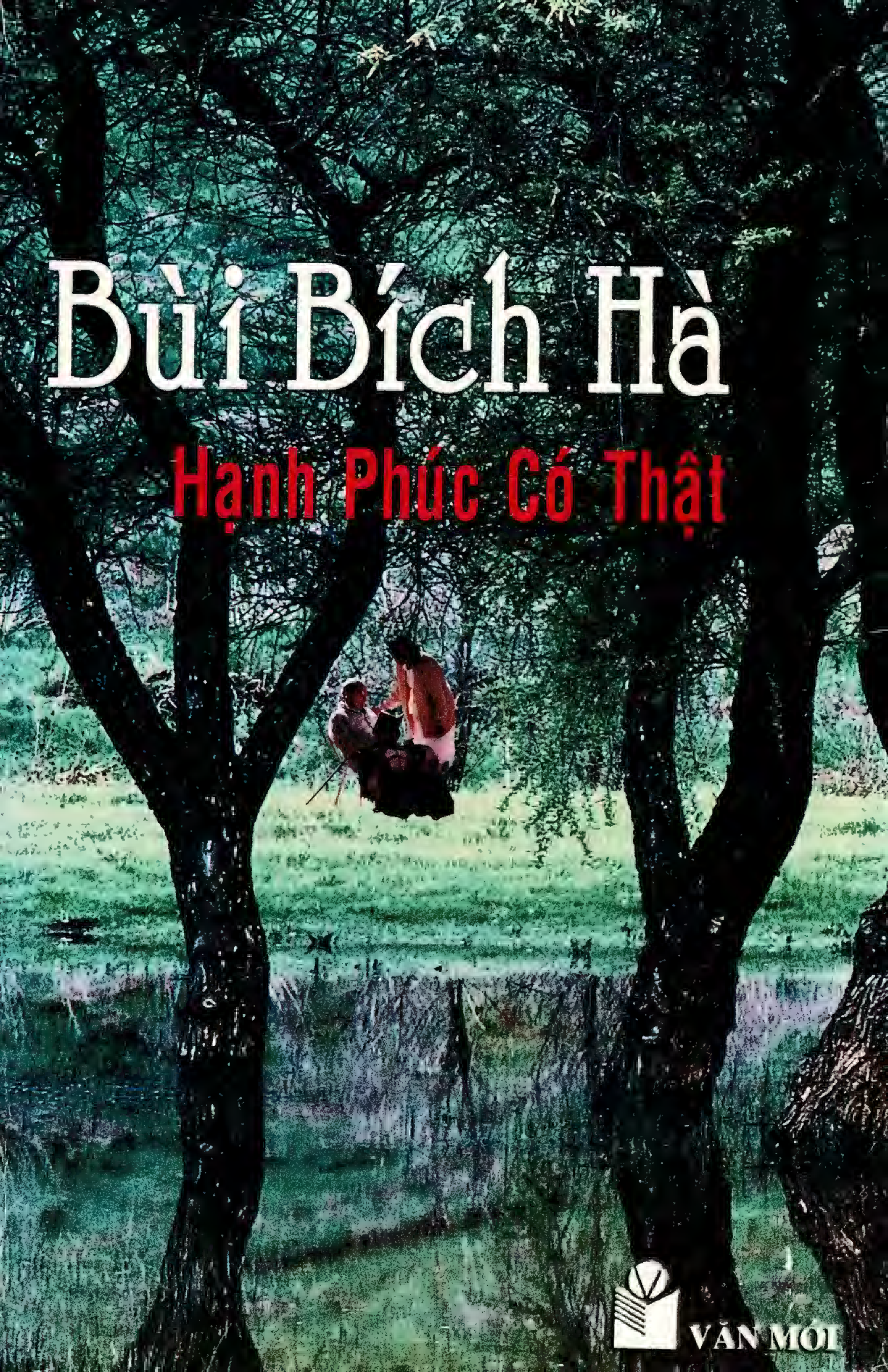

Bùi Bích Hà

Hạnh Phúc Có Thật

VĂN MỚI

HẠNH PHÚC CÓ THẬT

BÙI BÍCH HÀ

HẠNH PHÚC
CÓ THẬT

VĂN MỚI

HẠNH PHÚC CÓ THẬT
tập truyện Bùi Bích Hà
trình bày bìa Lâm Huyền Vi
Văn Mới
California USA
2001

Copyright © 2001 by Bùi Bích Hà

MỤC LỤC

Thay lời tựa 9
Thuyền 19
Hạnh phúc có thật 39
Bi kịch 55
Nắng Cali 71
Hai người trong buổi chiều 79
Chị Thúy 89
Những cái thùng giấy 99
Cánh đồng nước bạc 105
Chỗ về 115
Cái địa chỉ cũ 121
Bẫy rập 131
Buổi sáng có mùi hoa hồng 141
Cá nước ngọt 153
Mùa Phục Sinh 163
Dở dang 169
Phép lạ 177
Dọn nhà 195
Đoạn cuối một chuyện tình 209

TẠI SAO CHỊ VIẾT VĂN?

Trả lời tạp chí Thế Kỷ 21,
thời anh L.Đ.Đ

Tôi là đứa con gái út trong một gia đình phong kiến chỉ quí trọng con trai. Mẹ tôi là vợ thứ ba của bố tôi, vai vế xếp ngang hàng với người ăn, kẻ ở trong nhà. Thời thơ ấu của tôi lăn lóc giữa đám con cái của những người này. Tuy nhiên, chúng nó và tôi có những chỗ không giống nhau. Tôi được đi học, chúng nó thì không. Ngoài giờ đi học, tôi được tự do rong chơi, chúng nó phải làm việc phụ giúp cha mẹ. Vì vậy, có những khoảng thời gian trong ngày tôi chỉ có một mình. Dần dần, khoảng cách về trí tuệ khiến tôi trở nên ít thân cận hơn với chúng nó, chán những trò chơi tắm rửa con búp bê làm bằng cái chầy giã cua hay vặt quả non trong vườn nấu nướng làm cỗ, có hôm ăn phải quả độc, suýt chết.

Tôi có bà chị hơn tôi mười tuổi. Chị hay bị bố và mẹ già tôi mắng vì chị mê đọc tiểu thuyết. Bị mắng thì bị mắng, chị không chừa. Chị sai anh xe ra tiệm cho thuê sách ở đầu phố, mang về cho chị hết quyển nọ đến quyển kia. Có một quyển mà cái tựa ở mãi trong trí nhớ tôi cho tới bây giờ là cuốn Tắt Lửa Lòng, hình như của tác giả Nguyễn Công Hoan.

Chị hay ngồi bên cửa sổ, yên lặng đọc. Thỉnh thoảng, chị ngẩng đầu lên khỏi trang sách, đôi mắt mơ màng nhìn ra khoảng không. Có lúc chị khóc, ướt đẫm những sợi tóc mai bay phơ phất bên gò má. Tôi nấp ở một chỗ kín nhìn chị, ngạc nhiên và thích thú vì sự thay đổi trên khuôn mặt chị. Cả người chị gợn lên vẻ đắm đuối gợi cảm ở đôi mắt long lanh, đôi môi hé mở, đôi má hồng lên từng chập.

Tôi tò mò muốn biết chị đọc gì trong cuốn sách nên tôi lấy trộm một cuốn, đem dấu trên cái hộp nước ở nhà cầu. Buổi trưa lúc nhà vắng vẻ, tôi lẻn vào phòng vệ sinh, lấy cuốn sách ra đọc. Từ đấy về sau, tôi đọc bất cứ quyển truyện nào của bất cứ ai trong nhà, bằng cách dấu nó trong phòng vệ sinh hoặc ở gầm bàn thờ trên tầng lầu hai. Có nhiều tựa sách tôi còn nhớ, như Lệ Hằng Phục Thù, Tố Tâm. Cũng có khi tôi chỉ nhớ tên tác giả, như Lưu Thị Hạnh, Phạm Cao Củng, Lê Văn Trương. Đọc riết rồi tôi giả làm nhân vật nào trong truyện mà tôi thích. Tôi nhái lại lời nói của họ, làm bộ điệu như sách mô tả. Mỗi buổi trưa tôi ngồi hằng giờ trong nhà cầu chơi trò diễn kịch này. Lâu dần, có lúc tôi nhìn thấy thật sự ở ngoài đời cái cảnh tôi đã đọc thấy trong truyện, như chị Nụ đứng khóc bên cạnh cái chuồng lợn và anh Xã Cu đứng bên cạnh chị van lơn một chuyện gì. Một lát, anh Xã Cu đặt một bàn tay lên bụng chị Nụ, rồi, như người bị điện giật, anh quỳ thụp xuống bên chân chị, áp má anh vào bụng chị. Đến đây, tôi sợ bị người lớn bắt gặp tôi đang nhìn trộm cảnh tượng ghê gớm ấy nên tôi bỏ ra chỗ khác. Ít lâu sau, một đêm đã khuya, tôi thức giấc vì tiếng khóc rấm rứt của một người đàn bà xen lẫn tiếng quát tháo ghìm sau hai hàm răng của mẹ già tôi. Tôi tụt khỏi giường, rón rén đi đến nơi tiếng động vẳng ra. Tôi thấy mẹ già tôi và chị Nụ trong căn nhà chứa củi. Bà đang ngoai tay xoắn mớ tóc mây của chị Nụ, tay kia bà cầm một thanh củi dài. Chị Nụ khom người, chúi đầu ra phía trước để các chân tóc đỡ bị dằng, chắc hẳn làm chị đau đớn. Hai tay chị ôm bàn tay mẹ già tôi đang giật tóc chị từng cơn, miệng chị vừa rên khe khẽ, vừa van lạy mẹ già tôi, xin tha. Tôi sợ quá, nước mắt trào ra, hai chân ríu lại.

Ngày hôm sau, tôi không bao giờ còn nhìn thấy chị Nụ và anh Xã Cu lần nào nữa. Người làm xì xào là mẹ già tôi đuổi cả hai người vì họ dám trăng hoa, dan díu với nhau ngay trong nhà của bố mẹ tôi.

Những cuốn truyện tôi đọc làm tôi nhận ra mặt trời hoàng hôn nhuộm đỏ chân mây, tiếng những hạt mưa rơi băn khoăn trên tàu chuối, cơn gió thổi nhẹ qua vườn đem hương hoa bưởi và hương dạ lan vào nhà.

Bên hiên phòng học của tôi, bố tôi làm dàn cho hoa thiên lý leo. Cửa sổ phòng trông ra một phía là cái giếng nước với các bồn hoa lài trắng nõn, một phía là rặng sầu đông.

Tôi đọc Liêu Trai Chí Dị của Bồ Tùng Linh, tưởng tượng có giai nhân hiện ra từ khóm hoa dạ lan bên cái bể nước mưa long lanh dưới ánh trăng. Tôi đọc thơ Hàn Mạc Tử, tưởng tượng mình cũng mắc bệnh nan y rồi làm thơ tiếc thương vu vơ rất cải lương. Bài luận tả con mèo rình chuột của tôi năm lớp nhì được thầy giáo đọc cho cả lớp nghe vì trong đó có câu *"con mèo lao vút vào bóng tối"*.

Cũng giống như mọi cô gái mới lớn, tôi bắt đầu viết nhật ký, kể lể một trăm thứ chuyện đầu cua tai nheo, phịa ra nhiều tình tiết ảo não như một trò chơi cô đơn. Các bạn cùng lớp thấy tôi làm luận được điểm cao thì tín nhiệm văn tài của tôi nên thường nhờ tôi trau chuốt dùm các cô những lá thư tình hoặc những lá thư gửi cho cha mẹ ở xa để xin tăng viện. Cuối năm học, tôi là người nhận được nhiều tập lưu bút ngày xanh nhất, bạn nào cũng muốn tôi viết ở trang đầu.

Một hôm, có đứa bảo tôi *"mày gởi bài đăng báo đi"*. Tôi nhờ người gởi dùm. Bữa hai anh Thanh Nam và Tô Kiều Ngân, đại diện tuần báo Thẩm Mỹ, đem giải thưởng một truyện ngắn trúng tuyển của tôi ra tận Huế (gồm mấy trăm bạc và mười bức tranh lụa mô tả mười phong thái đánh đàn của Cô Kiều), bố tôi trịnh trọng mặc áo the, đội khăn xếp, pha trà tàu tiếp khách văn phương xa thay cho con. Khách về rồi, bố ngồi lặng trên tràng kỷ, một lúc mới khẽ khàng bảo con gái *"con tập tành viết lách lăng nhăng như thế đủ rồi, phải dốc lòng lo việc học. Người viết văn ở nước ta nghèo rớt, vả chăng, con gái, đàn bà mà viết văn thì rồi thân thế long đong lắm con ạ"*. Bố tôi thở dài. Mặc dầu vậy, tôi không thể không viết, như một cách thế chuyện trò, giãi bày, trang trải với chính mình, vào một lúc nào đó, trong ngày hay trong đêm. Cho nên, những điều tôi viết ra không có qui mô một tác phẩm mà chỉ là những mảng vỡ của đời sống, những góc cạnh đôi khi lóng lánh, đôi khi ảm đạm của thiên nhiên và con người nơi tôi ở hay đi qua.

Trò chơi cô đơn của tôi chấm dứt khi tôi lên xe hoa về nhà chồng. Phu quân tôi có thói quen, nếu không đi đánh phé hay nhảy đầm, đi ngủ vào lúc 9 giờ tối. Khi chàng lên giường, đèn đóm trong phòng phải tắt hết. Chàng không bao giờ đọc sách, bất luận sách gì. Vì vậy, tôi làm cô giáo để mưu sinh, làm vợ, làm mẹ, làm chị sen để phục vụ hạnh phúc gia đình, không có hoàn cảnh hay điều kiện để làm nhà văn.

Hơn hai mươi năm sống giữa Sài thành hoa lệ, tôi lẩn khuất như một con chuột ngày ở mấy con hẻm chật, xếp mấy cái tên quen thuộc thời con gái vào các ngăn kéo ký ức: Tô Kiều Ngân, Thanh Nam, Túy Hồng, Nguyễn Thị Hoàng, Giang Tân, Tạ Ký, Duy Lam, Thế Uyên v.v... Sau cơn lũ lụt, con cá nhỏ rạt lên bãi cạn, mắc kẹt trong sỏi đá, chết khô.

Một hôm, phu quân của tôi ở ngoài phố về, cười bảo tôi *"Em nói hồi xưa em viết báo, làm văn chương. Bây giờ bộ Dân Vận Chiêu Hồi mở cuộc thi truyện ngắn, giải thưởng hai mươi lăm ngàn* (tương đương ba lạng vàng vào năm Mậu Thân) *đây này, có giỏi thì viết đi"*. Lòng tê tái, tôi tìm cách thoái thác *"em không có máy đánh chữ"*. Chiều hôm sau, phu quân tôi tan sở về, xách theo cái máy đánh chữ của sở. Hơn cả lời thách thức của người bạn đường, hơn cả sự hấp dẫn của ba lạng vàng, tôi ôm lấy cơ hội được cầm lại cái bút đã nhiều năm không còn viết một điều gì cho riêng tôi. Trong mấy đêm liền, khi con cái đã ngủ yên, tôi ngồi viết như một người mê sảng. Truyện ấy gửi đi dự thi dưới mỹ danh của phu quân tôi. Ít lâu sau, một thư của bộ Dân Vận Chiêu Hồi gởi đến nhà, báo tin truyện ngắn dự thi của chàng được chấm giải nhất, mời chàng tới lãnh giải tại trụ sở trên đường Thống Nhất. Hôm đi nhận thưởng, chàng đem tôi theo. Tôi nhìn chàng được nồng nhiệt bắt tay và khen ngợi, như chuyện đó không liên quan gì đến tôi. Sau này, bất cứ lúc nào nhớ lại kỷ niệm buồn cười ấy, tôi chỉ nhớ hình ảnh bà Nguyễn Cao Kỳ lộng lẫy trong chiếc áo dài hàng đũi Thái Lan màu cốm non. Bà mang giầy, ví tay và đeo hoa tai làm bằng cùng một thứ vải, trông bà tươi mát như một tầu chuối nõn (Hôm đó, ông bà N. C. Kỳ chủ tọa lễ phát giải thưởng).

Sau biến cố giống như "một ly nước giải khát màu bạc hà" này, những chiếc bút bi màu đen hoặc xanh dương của tôi lại nằm mốc rêu trong ngăn bàn sữa của tụi nhóc. Cô giáo chỉ xài bút đỏ để chấm bài. Một phần tư đời người trôi qua, âm thầm, nhạt nhẽo, vô vị. Những cơ hội làm văn chương hiếm hoi của tôi chỉ là vài khi đứng trên bục giảng, vận dụng chút vốn liếng ít oi về văn học và thi ca Việt Nam vào các bài giảng ngữ pháp hoặc văn phạm tiếng Pháp để sinh động hóa bài học, giúp các em học sinh tiếp cận dễ dàng hơn môn ngoại ngữ này thông qua tiếng mẹ đẻ.

Sau 75, nhà văn Huỳnh Phan Anh được bổ dụng Hiệu phó học vụ trường tôi đang dạy. Vào dự lớp của tôi một hai lần theo qui định của chế độ mới, anh cười cười bảo tôi *"lẽ ra chị dạy Văn thì phải hơn"*. Thế nhưng tôi lại không hề làm cái việc phải lẽ ấy mà tôi lênh đênh trôi tuốt ra chợ Trời. Thỉnh thoảng, anh H. P. Anh đạp xe qua chỗ hè đường tôi ngồi, trước cổng nhà thờ Tân Định, anh dừng lại, đến cạnh tôi, quấn xong điếu thuốc rê to gần bằng ngón tay cái, thè lưỡi liếm tờ giấy mỏng cho dính rồi là phủi quần đứng dậy. Một đôi lần cùng đi với anh có nhà văn Nguyễn Xuân Hoàng và nhà thơ Nguyễn Đông Ngạc. Về sau, tôi còn gặp N. X. Hoàng vài bận nữa trong lớp lý luận Mác Xít do Sở Giáo Dục thành phố cưỡng bách đám giáo viên lưu dung phải học. Lớp tổ chức vào buổi tối, trong ngôi biệt thự lớn ngào ngạt hương hoàng lan của một nhà giàu đã di tản, trên đường Phan Đình Phùng, gần ngã tư Mạc Đĩnh Chi. N. X. Hoàng thường đến trễ. Anh ngồi ở cuối lớp, cùng bàn với tôi. Anh cười khẽ, nói bông đùa mấy câu, vẽ lằng nhằng lên giấy một chốc là thăng. Tôi để ý từ lúc đến tới lúc biến, N. X. Hoàng không bao giờ nhìn lên chỗ bục giảng. Được vài buổi, anh lặn mất tăm. Qua đường Đồng Khởi, gian hàng tơ lụa và áo thêu của bà xã anh cửa đóng then cài, cảnh tượng đẹp đẽ ít lâu trước biến mất như truyện Liêu Trai. Hỏi thăm Huỳnh Phan Anh, người bạn thiết của N. X. Hoàng, anh lớ ngớ trả lời *“chắc nó vượt biên bị cum rồi”*.

Sự nghiệp viết lách của tôi đã ngắc ngứ sẵn, nay lại càng ngắc ngứ hơn nữa cùng với cục xương khó nuốt mắc nghẽn trong cuống họng dân tộc tôi. Ngày qua tháng lại, thấm thoát mười một năm nữa trôi tuột vào hư không, chỉ còn lưu dấu đôi ba bài thơ nhỏ viết cho mấy đứa con, đứa chìm sâu đáy nước, đứa lưu lạc phương trời.

Qua tới Mỹ đầu năm 86, ở một thành phố ven núi, những ngày đầu định cư chưa phải làm gì, tôi lại muốn mượn giấy bút vỗ về nỗi đau riêng. Chỉ là viết vào hư không, không địa chỉ, không mục đích gì rõ rệt, cho tới khi bắt được liên lạc với người bạn cũ là chị Cỏ Tháng Giêng định cư từ 75 ở vùng Ngũ Đại Hồ. Chị viết cho tôi như sau *"hồi ở Đồng Khánh, tưởng sau ni mi sẽ làm văn sỡi, viết văn cho tụi chị đây đọc, ai dè vô tang vô tích, nỏ hề thấy mi mô, trời Nam chỉ lừng lẫy Túy Hồng, Nguyễn Thị Hoàng và Nhã Ca. Thờ chồng, nuôi con đủ chưa em? Chừ ráng mà viết đi chớ?"* (Chị đâu biết rằng tôi có ráng cách mấy thì cũng không sao bì kịp các bạn tôi có tên bên trên).

Những gì tôi viết gởi cho chị đọc, chị gởi tứ tung đi các báo thường đăng bài của chị. Chị ký một chục cái bút hiệu khác nhau, trong đó vô tình cầm nhầm một cái của chị Đỗ Quí Toàn bên Canada, báo hại ông Lê Đình Điểu bị vạ lây vì đã đăng bài ký cái tên cầm nhầm ấy. Ngoài nhuận bút trả rất sòng phẳng, báo Văn Nghệ Tiền Phong còn gởi cho tôi một trăm đô la về một truyện được chọn là truyện ngắn hay nhất năm 87 của tạp chí này. Hạnh phúc của tôi không ở chỗ có bài đăng báo hay được đám đông khen ngợi. Hơn tất cả mọi thứ khác, tôi nhâm nhi thưởng thức cái lạc thú được lựa chọn đời sống và con người theo những ao ước hoặc mong đợi riêng như một cách thế đền bù sự khiếm khuyết và bất ưng của chính mình.

Tuy nhiên, niềm vui thỏa ấy cũng không được bao nhiêu. Trong dòng sống áo cơm chật chội ở đây, yếu tố để lựa chọn cứ ít dần đi, cũ mòn, nhàm chán. Mặt khác, sự náo nhiệt trôi chảy ngoại vi như một con ngựa bất kham, lồng bốn vó, mạnh và nhanh như vũ bão. Tôi đứng ngẩn ra nhìn, ý thức sâu xa về khả năng chế ngự và tái tạo yếu kém của tôi nay ví như một con dao cùn.

Than vãn điều này với một bạn viết, người ấy nhếch mép cười *"thì đem dao mài đi chứ kêu ca gì!"*.

Vấn đề là *"ai chả biết thế nhưng mài cách nào đây?"*

Quận Cam 11-93
Bùi Bích Hà

THUYỀN

Trong xã hội tỵ nạn Việt Nam ở đây, Thuyền là một khuôn mặt phụ nữ trung bình mà nhiều người ao ước.

Nàng có đôi mắt sâu, tròng mắt màu hạt giẻ, hơi xếch ở đuôi. Khi nàng cười, cái màu nâu trong mắt nàng ánh lên một hạnh phúc nồng đượm, quyến rũ, như ánh đèn sáng bên sau một khung cửa sổ kéo rèm khiến người ta mơ màng đoán được đời sống gần gũi và thân mật phía trong nó. Thuyền có nụ cười tươi, đôi môi hơi mỏng kéo lên ở hai khóe miệng, tưởng như nàng sẵn sàng bóc ruột ra với mọi người. Nhìn kỹ, đôi môi ấy lúc nào cũng đậy khít hai hàm răng đều và nhỏ của nàng, là tướng diện của một người đàn bà tự chủ, biết rõ điều gì mình muốn hoặc có thể làm (khi làm thì không ngập ngừng).

Thuyền cao, da nâu hồng. Nàng thường mặc quần áo màu xậm, cổ áo mở sâu có những cái khuy bỏ không cài. Ngực nàng nhỏ so với bộ mông nở, chắc. Lúc nàng bước đi bằng những bước chân hơi nhún nhẩy, trông nàng có cái khêu gợi của nhục cảm tỏ lộ. Giọng Thuyền trầm mà không đục, những âm chậm có khi nghe thanh và khao, như tiếng một cái chuông đồng có một đường rạn nhỏ. Giọng nói kéo dài ra, quấn vào người nghe, ngân nga ở phần cuối, như thể lúc nàng nói, nàng ý thức về sự hấp dẫn của chính mình hơn là nội dung câu chuyện nàng kể.

Thuyền làm mọi người chú ý ngay khi nhìn thấy nàng.

Lúc biến cố 30 tháng 4 năm 1975 xảy ra, chồng Thuyền là một sĩ quan tác chiến cao cấp mắc kẹt ở đơn vị. Chàng cho người cận vệ về Sài Gòn lo liệu đưa Thuyền và hai con nhỏ di tản trước. Bản tính mềm mỏng và phục tùng xưa nay, Thuyền vẫn quen làm điều gì chồng nàng muốn hoặc sắp đặt. Hơn nữa, lúc bấy giờ Sài Gòn hoang mang, nhốn nháo tột độ. Người ta mê đi vì lo âu và sợ hãi. Thuyền bị cuốn theo dòng người hối hả rời Sài Gòn. Bên trong nỗi xúc động làm cồn cào ruột gan, Thuyền mơ hồ có chút bằng lòng ra khỏi được sự bối rối, tắc tị ở xung quanh nàng. Nàng cũng mơ hồ có cái vui náo nức được đi xa, được sống những cảm xúc mới và một cảnh đời mới. Tuy nhiên, sự háo hức của Thuyền nguội lạnh dần khi nàng không tìm thấy chồng trong những đợt người di tản đến đảo chậm hơn nàng. Thuyền bắt đầu cảm thấy cô đơn và lo sợ với hai đứa con nhỏ bên nách.

Thuyền còn trẻ, mới hai mươi lăm tuổi, lại nhan sắc. Nhiều người đến hỏi han, tìm cách giúp đỡ nàng những việc lặt vặt. Thuở con gái, Thuyền được nhiều con trai theo đuổi, tán tỉnh nhưng lúc bấy giờ Thuyền sợ, không thấy vui. Mẹ Thuyền thường nói một cách nghiêm trang *"con trai con gái cứ cầm tay nhau là đẻ con"*. Có hôm thằng bạn nhỏ học cùng lớp Thuyền rủ nàng xuống biển bắt còng còng và nhặt sao biển, Thuyền quên, cứ để nó cầm tay dắt nàng đi dựa theo mé nước, lúc về sực nhớ lời mẹ, Thuyền sợ hãi cả tháng không dám nói với ai.

Lớn lên một chút, Thuyền không thích con trai đến gần vì chúng cứ làm chân tay nàng luống cuống, mặt mũi, thân thể nàng nóng bừng, đầu óc nàng nghĩ ngợi vẩn vơ. Bọn con trai càng vây quanh nàng đông đảo, chúng càng khiến Thuyền khổ sở, như thể có một cái gì nơi Thuyền không giống những đứa con gái khác.

Giữa lúc Thuyền đang bối rối vì những xao xuyến kỳ lạ, đến rồi đi trong lòng nàng, Thuyền được gia đình nhà chồng chính thức đánh tiếng với bố mẹ nàng xin cưới nàng cho con trai họ. Ngày đó, Huân vừa tu nghiệp ở một trường Không quân bên Mỹ về. Huân cao lớn, đẹp hoang dã ở đôi lông mày rậm, khuôn mặt xương, hai mắt sáng với những tia nhìn hừng hực, bồn chồn. Đối với Thuyền, Huân là hiện thân của một thế giới rực rỡ, gồm những người và việc hoàn toàn mới lạ trong nhận thức của nàng. Thuyền ngưỡng mộ Huân, sung sướng làm vợ Huân và rất bằng lòng về những điều nàng có do cuộc hôn nhân đem lại.

Huân ân cần, dịu dàng. Thuyền không bao giờ bận tâm để biết tình yêu hay tình vợ chồng thế nào mới là đúng, thế nào là không đúng. Nàng cũng không bận tâm để biết những người khác hay những đôi vợ chồng khác yêu nhau như thế nào, giống hay không giống nàng? Thuyền đơn sơ, hiền hậu. Cuộc sống chung của họ êm đềm như mặt hồ chiều hè. Thuyền sinh con, nuôi con và chờ đợi chồng, không bận tâm về bất cứ một chuyện gì khác. Trong cái bóng trùm phủ của Huân, Thuyền an nhàn quên hết những khao khát, ngờ vực, dày vò thời con gái mới lớn, được con trai thèm muốn và săn đuổi.

Bây giờ, bỗng dưng Thuyền bị ném trở lại giữa đám đông. Tuy Thuyền đã có hai con, nàng vẫn còn trẻ. Đàn ông lại đến chờn vờn xung quanh nàng. Thuyền không còn nỗi sợ hãi của một cô bé được dạy dỗ khắt khe trước đây mười năm. Thuyền chỉ hơi buồn tủi vì không có Huân bên cạnh nàng nên hình như ai cũng có thể thương xót và làm ơn cho nàng cả.

Từ những câu chào hỏi làm quen lúc đầu đến một đĩa thức ăn xếp hàng lấy dùm, từ những sáng những chiều qua lại chuyện vãn cho nguôi bớt nỗi bồn chồn đợi mong trong lòng Thuyền, Thuyền bắt đầu cảm thấy tâm hồn nàng giống như một bông hoa êm đềm nở. Thuyền nhận ra đời sống bên ngoài có nhiều hương vị, nhiều nỗi vui dễ dàng. Thuyền nhận ra nàng có sức hấp dẫn người xung quanh. Thuyền nhận ra người ta có thể sống vui đùa và hạnh phúc một cách giản dị, như một người cứ việc tha hồ duỗi hết chân tay, nằm soãi mình bất cứ lúc nào và ở bất cứ đâu họ thích, khác với cái luân lý ăn trông nồi ngồi trông hướng của mẹ mà nàng mang theo về nhà chồng.

Thuyền nhớ cái giường ngủ rộng của nàng ở Việt Nam. Những đêm Huân ngủ nhà, Thuyền thường nằm áp vào Huân theo thói quen như lúc mới cưới. Những đêm Huân vắng nhà, Thuyền thức giấc nửa khuya có hôm thấy nàng nằm chèo ngoeo, chân tay co quắp, như một con tôm luộc. Tuy nhiên, Thuyền không thắc mắc gì về thói quen này của nàng. Hình như hai đầu gối đưa cao lên khỏi bụng làm Thuyền đỡ cảm giác chông chênh của người nằm một mình. Hình như Thuyền che đậy nàng kỹ nhưng vẫn có một khoảng trống đâu đó nơi Thuyền mà nàng chưa ý thức. Cái bóng của Huân vừa rạt đi, khoảng trống ấy lờ mờ hiện, với những bâng khuâng, ẩn ức lắng đọng ở đấy như một thứ mầm bệnh bị ức chế vì thuốc men. Thuyền có cảm tưởng nàng như một người vừa ốm khỏi, ăn trả bữa, từ tốn, chậm rãi, khoan khoái, để tự phục hồi những năng lực đã mất. Thật ra, đấy chỉ là cái chậm rãi của một bắt đầu lúc khởi hành. Bánh xe đã lăn rồi, Thuyền không làm chủ được tốc độ nữa. Nàng lăn theo, càng lúc càng nhanh.

Qua đến Mỹ, Thuyền làm đủ thứ công việc, những công việc đến với nàng thường không do khả năng hoặc sự chọn lựa của nàng mà do một liên hệ quen biết nào đấy. Lúc Thuyền đang làm tạp dịch ở văn phòng quản hạt nơi nàng cư ngụ, một người Mỹ thích nàng, đề nghị giúp nàng đi học thêm ở đại học. Thuyền nắm ngay lấy cơ hội đầu tiên ấy và bằng lòng trả cái giá người Mỹ muốn. Nàng đi ăn, đi chơi, nhận quà, nhận tiền và nhận đến nhà Tom nghỉ cuối tuần. Thuyền ngạc nhiên nhận ra người đàn bà không cần phải có sự ràng buộc mới có thể quan hệ xác thịt với một người đàn ông, như trước kia nàng vẫn nghĩ. Thuyền cũng ngạc nhiên nhận ra người ta có thể ăn nằm với nhau ở bất cứ đâu và bất cứ lúc nào, như thú hoang. Chỉ cần một mồi lửa châm khẽ đâu đó trên da thịt nàng là Thuyền lăn lộn, biến thành một cây đuốc cháy lên vì lạc thú. Cái ý nghĩ nàng có thể làm tình với một người không phải là Huân đem lại cho Thuyền ý thức mãnh liệt về tự do, nó làm Thuyền lạc quan và sung sướng, như người thức dậy thấy buổi sáng tràn đầy ngoài cửa sổ.

Tuy nhiên,hình như bây giờ Thuyền cứ hay phải lý luận với chính mình để giải thích điều này, điều nọ, nên Thuyền chợt thấy bên trong nàng còn một con người tỉnh táo khác. Con người này không hòa nhập trọn vẹn vào những cảm xúc hàng ngày đến trong đời sống Thuyền. Vẫn có một khoảng cách, một khoảng trống đôi lúc khiến Thuyền chới với, lạ lẫm, buồn phiền. Vì vậy, nhiều lần Tom đề nghị cưới nàng, Thuyền nhất định lắc đầu. Những cảm giác mê đắm mà hai người đã nhiều lần cùng chia sẻ hết mình với nhau, trôi tuột khỏi Thuyền theo với những tia nước dưới cái vòi sen nàng vẫn tắm gội sau khi làm tình. Ra khỏi giường, Thuyền lại như một người mới, một người lạ, với Tom, với chính mình, như nàng vẫn phân biệt rõ mùi xà phòng cạo râu thơm nhẹ với mùi những sợi lông vàng đục, rối tít, nhám và hăng hắc trên người Tom.

Thuyền học xong, nàng nhận được một công việc cao hơn ở ngay văn phòng quản hạt nơi nàng làm tạp dịch bốn năm về trước. Nàng đem kiến thức tham gia các sinh hoạt của cộng đồng Việt Nam tỵ nạn và mau chóng trở thành cái đinh trong nhiều buổi họp mặt văn hóa, xã hội, nghệ thuật hay chính trị của cộng đồng. Nàng là cái biểu tượng điển hình của tầng lớp phụ nữ Việt Nam di tản hội nhập uyển chuyển vào xã hội Mỹ, quyến rũ về cả thể xác lẫn trí tuệ. Ở nàng, có cái lóng lánh của chút kiến thức về nhiều vấn đề phổ thông hay trừu tượng, có cái duyên dáng, ý nhị của một người đàn bà có khả năng nghe và nói đúng lúc, có cái lửng lơ gợi thèm của một thứ trái cây nồng chín tự do trên cành, có cái mông lung lãng mạn của một tâm hồn nhậy bén mà thâm trầm.

Lần đầu khi Lâm gặp Thuyền trong một buổi họp mặt văn nghệ, Lâm bị thu hút ngay vì phong cách đĩnh đạc của Thuyền. Tối hôm đó, Thuyền mặc một cái váy dài màu nâu đất, thắt lưng to bản. Nàng đi ủng cao, sơ mi cùng màu với váy, khuy cổ mở trễ xuống một khoảng da ngực đỏ hồng. Trông nàng có cái hoang dại của những phụ nữ sống ở vùng sa mạc. Thuyền đi lại tự nhiên, linh hoạt giữa đám đông, ly rượu bằng thủy tinh trong suốt có một cái chân dài như chân cò, móc hờ hững giữa những ngón tay thon dài móng sơn đỏ. Mắt Thuyền ướt, mi mắt kẻ chì đen thẫm làm cho tia nhìn trong bóng tối, bên dưới hàng lông mi đánh cong, có một chút bồn chồn, rạo rực. Thuyền cười với người đối diện, đuôi mắt hơi xếch lờ mờ dấu chân chim, khiến nụ cười nàng trở nên mơn trớn kỳ lạ. Khi Thuyền nói với Lâm, giọng nàng rõ ràng. Nàng phát âm chậm, rành rọt, như một diễn viên thận trọng với những điều mình diễn tả.

Lâm có vợ, có ba con, có việc làm tốt ở một tiểu bang lạnh miền đông bắc Hoa Kỳ. Vợ Lâm đảm đang và thực tế. Nàng quán xuyến việc nhà và chồng con một cách ngăn nắp, trật tự, ít bộc lộ tình cảm. Lâm luôn luôn có cảm tưởng bị cuốn hút vào cái dòng sống khít khao, tẻ nhạt của cái xã hội nhỏ gồm vợ con chàng và cái thành phố khô cứng nơi chàng ở. Trong tâm khảm Lâm, luôn luôn có nỗi xót xa thương tiếc một điều gì rất thiết tha mà chàng không thỏa nguyện. Lâm viết sách, làm thơ, như một trò chơi riêng và một cái cớ để thỉnh thoảng chàng bay đi nơi này, nơi kia tìm một chút thảnh thơi.

Sau lần gặp gỡ đầu tiên ấy, hai giờ đồng hồ sau khi cuộc họp tan và họ chia tay nhau trên cái hành lang hẹp dẫn ra bãi đậu xe, Lâm điện thoại cho Thuyền lúc nửa đêm.

Trong ống nghe, giọng Thuyền ngái ngủ nhưng êm mướt, khiến Lâm cảm nhận được cả cái ấm áp riêng tư của thân thể nàng cuộn trong chăn. Lâm ngây ra một giây đồng hồ, không biết chàng đang làm gì? Đằng kia điện thoại, Thuyền kiên nhẫn im lặng. Bỗng, y như một người bị thốc vào dạ dầy, Lâm bật kêu lên *"Thuyền"*. Đầu dây phía Thuyền vẫn im lặng. Sau này nhớ lại cú điện thoại đêm hôm ấy, Lâm đau đớn nhận ra quả thật chàng đã thua Thuyền ngay từ lúc bắt đầu.

Giữa hai người, im lặng một lúc nữa rồi tiếng Thuyền nghe chắc và rõ:

"Thôi, được rồi anh Lâm. Sẽ gặp lại."

Lâm có cảm tưởng các bắp thịt ở tim, ở ngực chàng cứng ra, ngột ngạt. Mấy tiếng đồng hồ còn lại của đêm hôm đó, Lâm ngồi trong bóng tối hút thuốc lá và uống bia, đầu óc chàng mông lung, đờ đẫn.

Tối hôm sau, Lâm đi ăn riêng với Thuyền. Ngọn đèn nhỏ đặt ở góc bàn ăn rọi qua màu đỏ những cái cánh nhung của một bông hồng đang nở, hắt sáng lên nửa dưới khuôn mặt Thuyền, làm cho ánh mắt nàng sâu thẳm, huyền hoặc. Họ đi ăn với nhau liên tiếp mấy tối sau đó, nói chuyện như hai người bạn quen nhau đã lâu. Buổi tối cuối cùng trước khi Lâm về, Lâm hôn Thuyền, một bàn tay luồn trong ngực áo nàng – Sau này có lúc hồi tưởng lại, Lâm chỉ mường tượng được những cảm xúc bối rối của chàng lúc bấy giờ, như một người biết yêu lần đầu. Chàng không nhớ được Thuyền có hưởng ứng sự sôi nổi của chàng hay không? Điều này khiến Lâm cảm thấy dày vò, phẫn uất và tự giận mình vô cùng –

Rồi Lâm bỏ việc, xách một cái va-li nhỏ về quận Cam, nói dối vợ chàng tìm được việc làm tốt ở vùng nắng ấm này. Chuyện tình Lâm và Thuyền mau chóng vỡ lở. Vợ Lâm dắt ba con về dàn mặt chồng và Thuyền. Lâm buồn rầu nói với vợ *"Em tính sao tùy em. Anh không thể sống không có cô ấy."*

Trong căn phòng khách thoáng đãng và bày biện trang nhã của Thuyền, đối diện Thuyền nét mặt nhởn nhơ, tươi tỉnh, vợ Lâm có ý nghĩ nàng tới lầm chỗ. Nỗi ngao ngán phải đối phó với một địch thủ bỗng dưng, nó kỳ cục, lầy nhầy, đặc sệt, như nước ở một nồi cháo đang tăm, làm vợ Lâm nghẹn cổ, dập tắt cơn tức giận một giờ đồng hồ trước đó còn làm nàng lồng lộn như một con thú bị chọc tiết.

Thuyền nói với cái giọng chậm rãi cố hữu của nàng:

"Vâng, anh Lâm có đến đây chơi, như nhiều bạn khác của tôi, nhưng đây là nhà tôi và tôi sống ở đây một mình."

Vợ Lâm ngồi lặng trong cái ghế bành rộng bằng da, tay chân cứng đơ. Sau lưng Thuyền, cái tủ rượu lấp lánh những dãy ly pha lê xếp thẳng hàng. Vợ Lâm bỗng cảm thấy nôn nao, chóng mặt. Nàng muốn nhổ một bãi nước bọt vào mặt Thuyền nhưng khi nàng chúm môi lại, chỉ có một chút hơi phào vào khoảng không thật ra quá xa giữa nàng và tình địch của nàng. Phía bên kia, Thuyền mở to đôi mắt phảng phất nét thơ dại, miệng hơi há ra vì ngạc nhiên. Nàng có vẻ đang tò mò quan sát người đàn bà đối diện nàng hơn là đề phòng. Vợ Lâm thu hết sức lực rồi nói to, như một người hụt hơi:

"Tao thí chồng tao cho mày, con đĩ ngựa."

Bằng một cử chỉ thật nhanh và bất ngờ, vợ Lâm rút trong túi xách của nàng một con dao nhỏ, mũi nhọn, rạch ngang dọc lên đệm lưng cái ghế bành nàng vừa ngồi. Tiếng mũi dao bén cứa lên mặt da căng nghe xoèn xoẹt, cao su ở trong nứt bung ra, như một vết thương bày mỡ trắng hếu.

Ít tháng sau, vợ chồng Lâm ly dị. Vợ Lâm kết hôn ngay với một người đàn ông Mỹ giàu có. Nàng lăn xả vào xã hội Mỹ để quên quãng đời đã qua.

Đối với Lâm, hình như cùng với việc ly dị vợ, Lâm thấy chàng thoát ra khỏi những vướng mắc, ràng buộc từ một quá khứ có những thua thiệt, những sai lầm nặng nề vẫn đè nén chàng bao lâu nay. Cõi lòng Lâm lâng lâng hạnh phúc. Hình như bây giờ chàng mới thực sự là một người đàn ông khôn ngoan, chín chắn, quyết định sáng suốt và tự chủ về mọi việc trong đời chàng. Hình như từ lúc này, đời sống mới thực sự bắt đầu với chàng, một cách nghiêm túc và có ý nghĩa.

Mẹ Thuyền biết việc vợ chồng Lâm ly dị, bà lo âu hỏi con gái *"Con có ý định lấy nó không? Sao để vợ chồng nó bỏ nhau?"*

Thuyền rúc vào nách mẹ cười khẽ. Nàng để tiếng cười ngân nga một lúc rồi trả lời *"Mẹ ơi, đó là chuyện của họ với nhau, không phải của con."*

Nàng kéo dài âm cuối, như nàng vẫn làm thế mỗi khi muốn nói đùa một điều gì. Không biết từ bao giờ, Thuyền không còn thấy chuyện gì quan trọng và làm nàng phải bận tâm thái quá nữa. Hình như ngoài cuộc sống bình yên hàng ngày mà nàng thụ hưởng tự nhiên như một ân huệ dễ dàng của Thượng Đế, Thuyền nhởn nhơ sắp xếp mọi việc theo sự thuận tiện riêng của nàng.

Thuyền lại nghe tiếng mẹ cất lên, gây gây, lướt qua da thịt nàng như những cái chân li ti, ẩm ướt của một con vật nhỏ

"Nhưng nó yêu con."

Thuyền nghe tiếng nàng cười khanh khách, sảng khoái

"Thì anh ta cũng không thể bắt con trả nợ đậy cho anh ta được, mẹ à."

Thình lình Thuyền thôi cười. Nàng im lặng, hai nếp gấp vòng quanh miệng nàng như hai cái ngoặc đơn tẻ nhạt. Đôi lông mày Thuyền nhíu lại, mắt Thuyền nóng bỏng:

"Mẹ không nói với con như nhiều bà mẹ Việt Nam khác, rằng mẹ chỉ gả chồng cho con một lần. Nhưng con, chính con sẽ nói với mẹ là con chỉ chấp nhận một lần trong đời, một người đàn ông con gọi là chồng, với tất cả cái đẹp lẫn cái xấu, cái hay lẫn cái dở. Đời sống ngắn ngủi, con hút chết một lần, bây giờ con tự do. Con lựa chọn cái đẹp và cái hay của mọi người."

Tiếng bà mẹ gắng gượng

"Nhưng con có nói thẳng với anh ta thế không?"

Thuyền lảng ra chỗ khác

"Con không nói thẳng điều mẹ hỏi, nhưng con nói thẳng nhiều điều khác. Nếu Lâm không hiểu hay hiểu sai thì đó là chuyện của anh ta."

Thuyền yêu vẻ thông minh, dáng điệu khỏe mạnh và tự tin, những kiến thức đại học nơi Tom. Thuyền yêu cái tập quán sống phóng khoáng, không bao giờ đặt vấn đề gì ngoài sự vui chơi những lúc họ ở bên nhau, của Tom. Đi chơi với Tom, Thuyền trang điểm như một phụ nữ Mỹ chính cống. Nàng đánh son đỏ, chải tóc rối bù. Thuyền khoan khoái uống rượu, hút thuốc lá, phục sức tùy tiện mà không bao giờ phải e dè bị người xung quanh hay chính Tom dòm ngó, quan sát, đánh giá ngầm. Nàng thấy nàng đang sống một cuộc đời hoàn toàn khác xưa, như một người mới, luôn luôn có những chờ đợi và thỏa nguyện mới đằng trước mặt. Cảm giác ấy làm Thuyền bớt ngột ngạt trong những thói quen hàng ngày thường vẫn khiến Thuyền có ý nghĩ nàng như một thỏi sắt rỉ bị chôn dính trong cái vũng nước vàng đã đóng váng đặc sệt.

Thuyền cũng thích Sum ở cái nét đàn ông trên khuôn mặt hơi thô của chàng, thích đôi mắt Sum có những cái nhìn mỏi mệt lẫn lộn sự hồn nhiên và ngây thơ, thích đôi môi chàng đầy đặn (của một người tình vừa tham lam vừa đam mê và thành khẩn). Đôi vai Sum hơi xuôi. Thuyền thích cái cử chỉ Sum cứ phải thọc hai bàn tay vào túi quần trước của chàng để chống cho đôi vai ấy cao lên, để làm cho chàng trông chắc chắn và vững chãi hơn một chút.

Thỉnh thoảng Thuyền nhìn thấy Sum đi bên cạnh vợ. Vợ Sum xinh xắn như một con thỏ nhồi bông. Những lúc như thế, Thuyền lại liên tưởng đến đời sống vợ chồng thân mật, gần gũi của họ, lòng nàng bỗng xôn xao một ham muốn khó tả.

Sum đến vài lần trong căn phòng ngủ luộm thuộm đầy mùi đàn bà rất riêng biệt của Thuyền. Ngay khi Sum bước chân vào nhà, Thuyền tháo dây điện thoại và cài chốt cửa.

Khác với dáng vẻ bề ngoài hoang dã của chàng, Sum có cái ngẩn ngơ, rụt rè của một người đàn ông đi tìm lại tình yêu thời tuổi trẻ của mình. Chàng kiểu cách ngay trong những cảm xúc bộc lộ, như một diễn viên hăm hở với vai trò của mình đến độ vụng về. Thuyền thấy nàng tỉnh táo quan sát Sum, với một chút vui xen lẫn chút tò mò. Về phía Thuyền, nàng tự biết nàng cũng đang diễn xuất vai trò của nàng, có lẽ khéo léo và tài nghệ hơn Sum. Hình như cả hai cùng vui đùa hả hê với những suy nghĩ và hoài niệm riêng trong lòng họ. Nhìn bên ngoài, tưởng chừng họ chia nhau cùng một thứ lạc thú, cùng một thứ hạnh phúc. Chỉ có hai người cùng tự biết, trong thâm tâm, họ chẳng có gì để chia cho nhau cả (tuy cả hai cùng có một cách che đậy riêng sự bí ẩn của họ và cùng tưởng rằng người kia không biết gì).

Đến một lúc Thuyền chợt chép miệng *“chỉ có thế mà con thỏ nhồi bông đòi bỏ chồng, chia con”*. Đối với Thuyền, trò chơi hết vui. Đối với Sum, trò chơi tới hồi nguy hiểm. Những giới hạn tuy khác nhau, nhưng cách họ phản ứng giống nhau. Họ không thân thiết với nhau nữa, cũng không hờn giận. Ai cũng nghĩ mình chủ động sự chia tay.

Thỉnh thoảng tình cờ gặp Sum giữa đám đông, theo một phản xạ thói quen, Thuyền nhìn Sum bằng ánh mắt lóng lánh sự bí ẩn riêng của họ. Chạm phải ánh mắt ấy, Sum cảm thấy thân thể chàng rung động, như khi chàng thầm vụng ôm Thuyền trong đôi tay vạm vỡ của chàng, sự rung động pha lẫn một chút dằng xé khiến Sum bằng lòng với cảm giác mơ hồ chàng vẫn có Thuyền ở một nơi chốn hoặc khoảng khắc thời gian nào khác. Cuộc tình giữa hai người tiếp tục và chấm dứt như thế, cùng với nỗi lạnh nhạt ngày càng lớn rộng trong đáy lòng Sum mà chàng không giải thích được vì sao, một vài lúc, nó tựa như nỗi thất vọng và buồn bã.

Cho đến khi Thuyền đi chơi với Đạm thì mọi người đều ngạc nhiên.

Bề ngoài, Đạm trông gầy gò, bạc nhược. Tất cả sức sống của chàng dồn lên đôi tròng mắt có những cái nhìn lúc rừng rực, lúc thăm thẳm. Đạm uyên bác, giao du rộng. Vợ Đạm nết na, trầm mặc. Đời sống của họ ngăn nắp, tinh tươm, như một bức tranh sơn dầu đã lên khung. Thế mà Đạm bỗng say mê Thuyền, quấn quít bên Thuyền như một chàng trai mới lớn lần đầu biết yêu.

Đối với Thuyền, Đạm là hiện thân của trí thông minh mẫn tiệp và những kiến thức tuyệt vời về nhiều vấn đề. Đằng sau lưng Đạm và ở Đạm là cái thế giới quyền lực mơ hồ, rực rỡ, đầy bí ẩn và bất trắc của sân khấu chính trị liên quan đến tổ quốc, lịch sử và kẻ thù. Cùng với Đạm, giấc mơ của lòng yêu nước lãng mạn đập những nhịp nao nức trong trái tim cô đơn của Thuyền. Có nhiều đêm, hai người ngồi bên nhau cho đến gần sáng, một người nói cho một người nghe về những viễn tượng gần xa trên bàn cờ chính trị thế giới, một người vẽ cho một người xem khuôn mặt thứ hai, thứ ba của những nhân vật có hình đăng báo hàng ngày rất trịnh trọng.

Cái không khí tự do, đầm ấm trong phòng khách nhà Thuyền, những ly rượu rót nửa chừng, trong suốt màu hổ phách, sáng lấp lánh thủy tinh dưới ánh đèn khuya tĩnh mịch, thân thể Thuyền hờ hững ẩn nấp dưới lớp lụa áo ngủ buông chùng gót chân nàng lúc nào cũng để trần, câu chuyện họ trao đổi râm ran lẫn với mầu những cái răng trắng muốt và đều tắp của Thuyền, từng ấy thứ phản chiếu trong mắt Đạm một phần cuộc sống tràn đầy sinh lực lúc chàng còn trẻ ở Sài Gòn, một phần quê hương lúc nào chàng cũng muốn quay về, một phần hạnh phúc lứa đôi hình như chàng đã không thực sự tìm thấy hay đã đánh mất trong dòng sống quay cuồng, lạc lõng ở đây. Thường thường, đêm kết thúc bằng giấc ngủ yên lặng của Thuyền trên ghế sofa. Bao giờ Đạm cũng đi tìm một cái chăn mỏng đâu đó để đắp cho Thuyền trước khi chàng ra về, thấy mình vừa lái xe vừa hát nho nhỏ một điệu vui chả có bài bản gì.

Tuy vậy, dư luận đàm tiếu gay gắt xung quanh mối liên hệ giao du giữa Đạm và Thuyền. Đạm bối rối nhưng không rút lui. Vợ Đạm đau khổ hỏi chồng

"Sao anh làm thế? Còn phải giữ thể diện cho con cái, trước mặt mọi người."

"Anh không làm gì cả, không để thiệt thòi cho chúng nó, kể cả mọi người."

Vợ Đạm không vòng vo nữa

"Còn em?"

"Em là vợ. Em có hiểu được anh không? Vấn đề và câu trả lời ở đấy."

Vợ Đạm cứng ra, như một tảng đá. Lần đầu tiên nàng hiểu hết ý nghĩa chua chát của câu tục ngữ "đá chẩy mồ hội". Lần đầu tiên nàng có ý nghĩ cái vinh dự làm vợ của một người đàn bà tử tế thường là một sự bất công quá lớn của xã hội. Nàng cũng biết nỗi đau đớn phải chấp nhận và tất cả khó khăn để từ chối sự bất công ấy nên nàng không nỡ đòi hỏi Đạm. Người ngoài cho là nàng nhu nhược, chỉ có nàng tự biết sức mạnh mà nàng phải đạt đến để giữ cho mọi việc không tan chẩy thành hồ vữa.

Về phía Thuyền, bị nguyền rủa, nàng có cái nhởn nhơ của sự vô tội. *"Tôi nhận ở Đạm một vài thứ, ngoại trừ dục vọng."*

Có những buổi tối đã lái xe đến gần cổng nhà Thuyền, Đạm lại quay về. Chàng tạt qua tiệm rượu, mua một chai cognac rồi ghé vào căn chung cư một phòng ngủ của một người bạn văn sống một mình. Chàng ngồi nhìn bạn uống rượu, yên lặng và cô đơn thưởng thức cái cảm giác chàng thực sự tự do yêu Thuyền và vì yêu Thuyền, chàng yêu cả cuộc sống buồn rầu trải ra trước mắt chàng như một ngày mùa đông ảm đạm.

Cho đến khi người bạn say khướt, gục xuống sàn ngáy thì Đạm cũng nhắm mắt ngả mình lên mấy cái gối vẫn vứt lăn lóc quanh một cái ghế đệm dài có nhiều chỗ đã sờn. Mùi bụi hắc thoảng lên từ mặt vải lâu ngày không giặt rũ khiến chỗ da mặt Đạm áp vào đấy lăn tăn ngứa và lòng Đạm hiu hắt buồn. Trong căn phòng yên lặng có một khoảng sáng mờ mờ lay động bóng những chiếc lá thuôn dài trên một cành bạch đàn đong đưa bên ngoài cửa sổ, Đạm xót xa nhớ Thuyền. Đạm ngọ nguậy đầu trên đống gối nhầu nát, nghĩ đến cái trũng trên ngực Thuyền mà Đạm chỉ tưởng tượng rất mịn màng, ấm và thơm. Đạm thấy mình khao khát Thuyền nhưng lại không có ý nghĩ chiếm đoạt nàng. Hình như Đạm cần để dành cho chính chàng một cái gì rất riêng tư, để nâng niu, hy vọng, để thúc mình đứng dậy và đi tới.

Suốt đời chàng, Đạm đã cố gắng đạt đến biết bao mục tiêu theo đuổi để chỉ thấy sự trống trải, thất vọng, bên trong và đằng sau những mục tiêu ấy. *"Bây giờ không có gì gấp rút nữa, con đường cứ là con đường đi không tới."*

Tiếng ngáy của người bạn nghẽn từng chập trong cổ họng anh ta, khiến Đạm liên tưởng đến trái tim mệt nhọc của những người qua tuổi 50 như chàng. Trong tiếng ngáy khò khè đứt quãng ấy, chắc không có chỗ nào cho tình yêu và tham vọng bình sinh của một con người. Lan man, Đạm nghĩ đến vợ rồi vẩn vơ cười một mình. *"Chắc em tưởng anh phải ở bên cạnh cô ấy hay phải ngủ với cô ấy. Đâu phải lỗi tại anh nếu em không nghĩ được anh đang nằm một mình ở đây."* Rồi Đạm nghĩ đến Thuyền. *"Chắc em nghĩ anh không yêu em đủ nên không tới với em đêm nay. Đâu phải lỗi tại anh nếu em không hiểu được rằng dù anh ở bất cứ nơi nào và làm bất cứ điều gì, với bất cứ ai, anh không bao giờ ngừng yêu em và chỉ vì yêu em mà thôi."*

Đạm quơ một cánh tay trong khoảng không, ý thức về những suy nghĩ trừu tượng và vì thế, hơi diêm dúa, trong đầu óc chàng. Không biết từ lúc nào, hình như Đạm đã tránh né đời sống bằng cách lý luận về nó hơi nhiều. Thật ra, có lẽ sống là ôm chầm lấy hiện hữu cụ thể nơi chính mình và xung quanh mình. Trong khoảng khắc, Đạm cảm nhận sự già nua đã khiến chàng sợ đau ngay cả trong những va chạm nhỏ, đã khiến chàng nhìn ra sự vô nghĩa ở khắp mọi nơi, đã khiến chàng bằng lòng ngồi ở một chỗ an nhàn ngắm tranh treo trên vách hay ngắm một hòn non bộ có cái hùng vĩ giả tạo trong một bể nước cạn.

Đạm ngủ thiếp đi, thần trí lãng đãng cái góc quán nhỏ thấp thoáng nắng mà chàng vẫn ngồi ăn sáng với Thuyền trước khi đến sở làm.

Một ngày đã qua, một đêm chấm dứt với Đạm như thế nhưng ở một nơi cách Đạm chừng năm dặm đường, đêm càng lúc càng đông cứng, ngột ngạt trong lồng ngực Thuyền.

Trên cái bàn nhỏ cách Thuyền một sải tay, chiếc điện thoại chốc chốc lại nhẩy tưng vì một hồi chuông tưởng tượng, làm Thuyền bứt rứt chóng mặt. Sự im lặng thầm thầm của con đường bên dưới khu chung cư lúc quá nửa đêm, sự im lặng rạo rực của không gian mùa xuân với cỏ cây đâm chồi non, lá nõn, sự im lặng ngằn ngặt của đợi chờ làm nghe rõ mồn một tiếng đế giầy gõ lên mấy bậc thềm hoang tưởng. Thuyền cáu giận chính nàng cùng một lúc với nỗi buồn rầu len lỏi ngóc ngách bên trong nàng, tựa như sợi dây cứt đen đủi trên cái lưng còng của một con tôm bắt đầu ươn. Đã có lúc Thuyền nghĩ nàng tự do chọn lựa mọi cảnh ngộ đời sống phù hợp với nàng. Xem chừng Thuyền đã ngộ nhận. Hạnh phúc của một người đàn bà chính là được lựa chọn bởi một người đàn ông. Hạnh phúc của nàng, nếu có, chính là quãng đời với Huân, bắt đầu khi Huân đứng trước nàng, bên dưới vòm nhà thờ lung linh những vùng sáng ngũ sắc, hai bàn tay chàng run rẩy nâng tấm mạng che mặt cô dâu để nhận nàng làm vợ. Sự lựa chọn ấy là tuyệt đối mặc dầu hạnh phúc nhiều khi lại rất tương đối.

Ở khoảng đời này, Đạm cũng yêu Thuyền nhưng chàng chọn cái hạnh phúc tương đối mà ý nghĩa của nó gần giống sự khoái hoạt què quặt của riêng bản thân chàng. Rõ ràng là Thuyền không thể lựa chọn gì ngoài lựa chọn bỏ quên những điều nàng không lựa chọn được.

Ngọn đèn trên cái bàn nhỏ ở một đầu cái ghế dài tóe những ngôi sao như hình chữ thập bằng lửa trong đôi mắt mỏi mệt của Thuyền. Nàng ngồi bất động, như bị may vào đệm ghế. Cho đến lúc ánh sáng bên ngoài tấm rèm cửa sổ chuyển từ màu vàng úa của hàng điện đường sang mầu trắng một ngày mới, Thuyền đứng dậy đi vào phòng rửa mặt, như một hình nộm lên giây cót. Nàng soi mình vào gương, trang điểm tỉ mỉ từ cọng lông nheo, mơ hồ hình ảnh cái góc quán nhỏ mà lát nữa đây, nàng đến đó ăn sáng với Đạm. Chẳng có một ý vị gì, cũng vô lý như sự sống, sự chết, như mọi người vẫn hàng ngày xô lấn nhau vào cõi sinh tử lòng vòng, dưới sự thúc bách của số mệnh họ và sự bất lực kỳ cục nằm trong thân phận người.

Thuyền khóa cửa xe, bỏ chìa khóa vào xách tay rồi bước rảo lên bậc thềm gạch đỏ. Nàng nhìn thấy Đạm ngồi ở cái chỗ mọi khi, đôi tròng mắt kiếng sáng lấp lánh trên vầng trán thông minh của chàng. Tim Thuyền đau thắt. Nàng vịn tay vào bệ cái bồn hoa giả bên lối đi, cố gắng nuốt tí nước bọt cho trôi xuống cổ họng khô khan của nàng, *"mình cũng chỉ là một bông hoa giả"*, Thuyền nghe tiếng nàng thì thầm.

HẠNH PHÚC CÓ THẬT

Cái năm An bước chân vào làm u em cho gia đình ông bà Hoàn, An mới hai mươi tuổi. Từ một làng quê nghèo khó thuộc vùng xôi đậu, thường xuyên chịu sự dày xéo của cả hai phía trong những năm chiến cuộc lan rộng, An được một người bà con có cơ ngơi làm ăn ở thành phố Sài Gòn đem An ra đây, nói là tìm được cho An một việc làm nhàn nhã. Theo lời người bà con tốt bụng ấy, rồi An sẽ được ăn trắng mặc trơn, sẽ có cơ hội lấy được một tấm chồng tử tế để thoát khỏi cảnh đời lam lũ, bùn chua nước mặn và đầy bất trắc ở cái xó xỉnh tối tăm thuộc tỉnh Quảng Tín, là nơi An ra đời và sống qua một thời niên thiếu ảm đạm.

Lúc bấy giờ, ông Hoàn là giáo sư dạy ở trường đại học khoa học. Ông ít nói, dáng nho nhã, trầm mặc. Bà Hoàn là một giai nhân dòng dõi thế gia lệnh tộc, phong cách đoan trang, dung nghi kiều diễm. Dưới đôi lông mày vòng nguyệt tỉa khéo, đôi mắt bà có cái lóng lánh trong trẻo của một hồ nước ngậm đầy trăng sao những đêm hè thanh vắng. Giọng bà nói, sau lúc bắt đầu thoang thoảng, cứ cao dần lên, ríu rít như tiếng chim. Tuy vậy, một vài khi giữa câu chuyện bà đang nói, bỗng dưng có một âm chậm lại, thấp hẳn xuống, làm người nghe bao giờ cũng cảm thấy có một chút gì bứt rứt, vừa ái ngại, vừa khó hiểu. Những người ngang vai vế với bà thường e dè nhìn sâu vào mắt bà, hồi hộp chờ đợi hoặc lắng nghe xem có cái gì bất thường sắp xảy ra chăng? Đối với kẻ ăn người ở như An, những lúc như vậy, An chỉ biết khép nép cúi đầu, chờ cho bà chủ lấy lại giọng nói thanh tao thường lệ của bà.

Kể từ đứa con thứ nhất của ông bà Hoàn, An luôn phải đứng hầu cơm gia đình này trong suốt hơn bốn mươi năm An làm người giúp việc ở đây. Thời gian đầu, bữa ăn đông đủ mọi người, ngày càng có thêm trẻ con. Sau này, khi những đứa con đã lớn, đã trưởng thành, bữa ăn có thêm con dâu, con rể. Cũng có khi bữa ăn chỉ còn hai ông bà, như những năm ở Mỹ. Sau cùng, bàn ăn có hôm chỉ còn một mình bà Hoàn vì ông Hoàn bệnh nặng, không còn ngồi được nữa tuy là ngồi trên một chiếc xe lăn.

Đối với An, hết thời con gái đến thời trở thành một người đàn bà luống tuổi (đằng trước tên An người ta đã thêm vào chữ U) kỷ niệm đáng nhớ nhất là những buổi đứng hầu cơm ấy. Hồi đó ở Sài Gòn, ngay cả những nhà giàu có như nhà ông bà Hoàn, vẫn chưa có máy lạnh lớn đủ mát cho cả nhà. Phòng ăn nhà họ có quạt trần và quạt đứng nhưng bà Hoàn không chịu được gió từ quạt máy. An, U An, có bổn phận vừa trông em vừa quạt hầu bà chủ bằng cái quạt giấy loại to nhất. Cho đến lúc những đứa trẻ có thể tự ăn uống lấy để được xếp ngồi vào bàn của cha mẹ, các đứa con của ông bà Hoàn thường được U An cho ăn trước. Đến giờ cơm, đứa bé nhất được đặt ngồi ở cái ghế cao, được đeo cho cái yếm ăn, được đưa cho cái bát và cái thìa nhựa để chúng vừa nghịch vừa ăn chút cơm trắng hay vài quả đậu luộc do bà Hoàn âu yếm bỏ vào bát của con.

Mãi đến tận bây giờ, U An vẫn còn nhớ như in cái không khí êm ả, thanh sạch và dịu dàng của những bữa cơm trong gia đình ông bà Hoàn. Ông Hoàn ít nói, ông thường đọc một tờ báo hay một quyển sách trong lúc ngồi bàn ăn. Tuy vậy, những khi bà Hoàn nói một chuyện gì với ông bằng cái giọng khởi đầu ríu rít như tiếng chim của bà, bao giờ ông cũng từ tốn ngẩng đầu khỏi trang giấy đang đọc, nhìn bà bằng cái nhìn sâu và chậm, long lanh sự mơn trớn, để lắng nghe hết những điều vợ nói. Ông thường có những câu trả lời hoặc tiếp chuyện với vợ, giọng ôn hòa, chắc và nặng. Cũng có khi ông yên lặng nhưng khuôn mặt lộ rõ vẻ thư dãn, phảng phất một nét cười mơ hồ.

Ông Hoàn rất hiếm khi sai bảo, hỏi han hay trò chuyện với người ăn kẻ ở trong nhà. Trong suốt hơn bốn mươi năm làm tôi tớ gia đình này, chỉ có mười năm sau cùng lúc ông Hoàn ngã bệnh, U An mới được nghe ông nói với U bằng cái tiếng nói bị ngắt quãng vì những hơi thở ngắn, khi ông cần U làm giúp một việc gì. Thời gian đầu, ông Hoàn còn gượng được nhờ cái gậy chống. Ông vẫn tự mình làm lấy mọi chuyện liên quan đến bản thân ông mặc dầu lúc này bà Hoàn còn khỏe và vẫn luôn kề cận bên chồng.

Những buổi sáng mùa hè khô ráo, ông Hoàn thường mặc quần áo tề chỉnh như một người sắp ra phố. Ông đến ngồi ngả lưng trên cái ghế dựa kê ở cái hành lang nhìn ra lối đi lát sỏi từ cổng vào. Bây giờ ông không đọc sách báo nữa. Ông ngồi yên lặng, lắng nghe tiếng vỡ khẽ khàng của những hạt nắng rụng theo chiếc lá buông mình chao xuống mặt đất, tiếng rung những chiếc cánh của một con ong đang hăm hở cong mình hút nhụy trên búp hoa nở tênh hênh, tiếng xe cộ lao xao vọng vào từ con đường nhỏ khuất sau bờ rào như tiếng gọi mơ hồ trong một cơn mơ lạ lùng. Ông ngồi như thế một lúc lâu thì bà Hoàn trang điểm xong. Bà đến ngồi bên cạnh ông, bao giờ cũng dịu dàng đặt vào tay ông tách trà nóng tự tay bà rót ra từ cái bình thủy U An đã châm đầy lúc sáng sớm.

"Mình dùng trà cho ấm bụng."

Hương trà ướp sen Tịnh Tâm thoảng đưa lẫn với mùi hương quen thuộc trên thân thể và xống áo vợ làm rung động đôi cánh mũi của ông Hoàn. Ông uống vội một ngụm trà để đè nén cảm xúc bối rối vì sự yên lặng tê dại theo sau giữa hai vợ chồng mà ông cảm nhận như một gánh nặng quá sức cho bà nhưng ông không thể làm cho nó nhẹ bớt. Cái ánh mắt long lanh, bảo bọc, ông nhìn bà khi cả hai còn trẻ, bây giờ trở nên rụt rè, buồn bã. Đáp lại tia mắt của chồng, bà Hoàn hay mỉm cười vỗ vỗ vào lưng ông như khi người ta nựng một đứa bé. Bà vuốt mái tóc ông, sửa sang cái cổ áo không ngay ngắn hay cài dùm ông một cái khuy tuột ra, cử chỉ của bà sốt sắng, hồn nhiên, cũng tựa như khi bà nâng niu sắp đặt các đồ dùng trong nhà cho ngăn nắp và đẹp mắt.

Ngồi bên cạnh chồng, bà Hoàn bắt đầu dở đồ len ra đan. Họ nói chuyện với nhau chậm rãi, nhỏ nhẹ. Không khí quanh họ vẫn có cái êm đềm mà U An đã chứng kiến, đã thấm đượm bao nhiêu năm trong suốt quãng đời làm tôi tớ ở cái gia đình này. Đôi mắt ông Hoàn, những khi không nhìn vợ, trở nên sâu hút và lạnh lẽo. Hình như ông tránh, không mấy khi nhìn thẳng vợ. Tất cả sự yêu chiều bà ngày xưa bây giờ lắng đọng trong giọng nói chậm, nhỏ, mà nét âu yếm cảm nhận được từ cái ngôn ngữ còn nguyên sự chọn lọc tuy ngày càng ngắn đi của ông.

Dưới ánh nắng đầu ngày êm ả trong khu vườn đầy hoa, những cử động ít ỏi của ông Hoàn có cái ảo não thương tâm của đôi ba cánh hoa tàn rơi lặng lẽ, tựa như những mảnh vụn màu vỡ ra từ cuộc sống rực rỡ đang tan rã dưới sức ép của thời gian.

Những lúc bà Hoàn mải mốt đan, không nói chuyện, ông Hoàn lim dim nhắm mắt. Chẳng biết bà Hoàn có nghĩ là ông Hoàn ngủ hay không nhưng cử chỉ của bà thường ngày vốn đã nhẹ nhàng bỗng trở nên rón rén hẳn. Bà đẩy mũi kim đan chậm lại, có lúc ngưng bặt, nét mặt ngây ra. Một lát, bà ôm siết mảnh len đan dở vào ngực, mắt chợt long lanh như có ngấn nước. Bà nhẹ nhàng đặt chỗ len vào cái giỏ mây mà những sáng đẹp trời, U An thường phải nhớ đem để bên cạnh cái ghế hai ông bà ngồi sưởi nắng.

Bà Hoàn đi vào nhà, cầm cái ví tay rồi xuống bếp tìm U An. Bà thấp giọng thì thào, như sợ làm kinh động ông Hoàn đang nằm ngủ yên ả trong cái ghế dựa kê ở mãi ngoài hàng hiên.

"Tôi đi xuống phố mua ít hoa quả đem lên chùa. U ở nhà coi chừng ông cẩn thận nhé."

Tiếng xe hơi lùi ra khỏi ga ra, tiếng cánh cửa gỗ to tướng ken két xập xuống rồi U An nghe tiếng cây gậy chống của ông Hoàn khua lạch cạch trên cái hành lang hẹp dẫn vào dãy phòng ngủ. Lắng nghe một lúc, U An buột miệng

"Thưa bà vâng."

Mãi đến lúc ấy U An mới sực biết là hình như U đã nín thở, chờ cho tiếng gậy của ông Hoàn hết khua trên nền gạch, tiếng cánh cửa phòng ông nhẹ nhàng đóng lại (có lẽ U cũng chỉ tưởng tượng nghe thấy thôi) thì U mới yên tâm trả lời câu dặn dò đã thành thói quen của bà Hoàn mỗi khi bà ra khỏi nhà.

Với lấy cái nón, U An vừa đeo đôi găng tay bằng cao su mỏng vừa đi ra vườn. Những lúc không còn việc gì làm rõ rệt, U thường quanh quẩn vun xới, tưới tắm các luống hoa ở sân trước và mấy vạt rau ở mảnh vườn sau. U trồng rau thơm, rau dền, mồng tơi, rau cải xoong, mướp đắng, cà chua, dưa leo, bầu, mướp... Những bữa cơm thơm ngát mùi nhựa rau tươi dọn ra và được ông bà Hoàn thưởng thức là niềm vui và hạnh phúc vô biên của U.

U An ngồi thụp xuống bên vạt rau cải con lún phún xanh như một đám mạ non. Mặt trời gần nửa trưa đổ cái bóng U đội nón thành một khoảng râm mát xung quanh. Cái bóng ấy rõ ràng là của U nhưng nó không có dung mạo, lẽo đẽo theo U mấy chục năm trên những bước thăng trầm của cái gia đình quí tộc mà U tự nguyện gắn bó gần hết đời mình vào. U An nhớ lại quãng đường đã đi qua như một giấc mơ ngắn ngủi ấy, từ lúc U mới chỉ là một cô gái quê hai mươi tuổi, bị thời cuộc và hoàn cảnh đưa đẩy đến chỗ đem thân đi làm tôi tớ nhà có của để kiếm sự sống. U ra thành phố, quần áo, tóc tai, thân thể khét lẹt mùi đất ruộng. Lần đầu tiên được xâu tay vào chiếc áo cánh tơ nội hóa do bà Hoàn thuê thợ may cho, U ngượng ngùng, bối rối, sợ hãi, vì lụa áo thơm và nhẹ, ôm sát người U một cách lộ liễu. U rụt rè nói với bà Hoàn, mặt U đỏ bừng, chân tóc rịn mồ hôi: *"Xin bà may áo cho con bằng vải. Ở quê, con không quen..."*

Bà Hoàn hơn U chừng năm, bảy tuổi nhưng vai vế bà chủ của bà lớn hơn U nhiều lắm nên, không ai bảo mà U xưng con với bà ngay từ lần đầu tiên khi U bước chân qua ngưỡng cửa nhà bà, với cái giỏ đệm đựng vài cái quần áo cũ mà U cố cuốn nó lại cho thật gọn ghẽ. Hình như U làm thế cũng đúng nên bà Hoàn chấp nhận cách xưng hô ấy một cách tự nhiên như không có gì phải lưu tâm.

Nhìn thấy U luống cuống trong cái áo cánh mới, bà Hoàn cười:

"Thì từ bây giờ, ở đây, sẽ quen. Em mặc vải, bế trẻ chúng nó nóng, với lại áo lụa đẹp hơn áo vải. Cứ để yên tôi sửa soạn cho, mai mốt tôi còn gả chồng vào nơi tử tế cho mà nhờ."

Cái mai mốt trong lời hứa của bà Hoàn quả thật có xảy đến đôi ba lần nhưng đối với U An, nó không bao giờ xảy tới cả. U mỉm cười nhớ lại mấy lần bà Hoàn muốn gả chồng cho U. Có lần bà bảo:

"Này An, bà thấy thằng Tân, tài xế của ông, trông hiền lành tử tế, mày ưng ý bà làm mai cho? Bà rất bằng lòng nết ăn ý ở và công việc mày giúp bà trong nhà

nhưng con gái có một thời xuân sắc thôi, để mày lỡ thì, nữa bà mang tội."

Nói thế với U xong, từ đấy về sau bà hay kiếm cớ để Tân nán lại trong nhà. Bà bảo U dọn cơm trưa cho Tân ăn để chờ đưa bà đi công việc lúc chập chiều cho bớt nắng. U sắp thức ăn ra cái bàn nhỏ trong bếp, khó khăn lắm mới nói được mấy tiếng:

"Cơm sẵn rồi đấy, anh vô ăn."

Trong đuôi con mắt nhìn vội, U nhìn thấy hai bàn tay Tân đang xoay xoay cái ly không, có những đốt xương gồ lên trên những cái ngón to bè. Giọng Tân nặng trịch:

"Xin cô chút nước uống."

Khi U hơi nghiêng đầu, cầm cái ấm nước rót vào ly cho Tân, mùi dầu tóc lẫn với mùi vải của gối chăn ít giặt thốc vào mũi U khiến U nín thở quay vội đi, làm cái vòi ấm bỗng nhiên bị giật ngang, văng vãi tung tóe nước chỗ Tân ngồi nhưng Tân không nói gì, cũng không tỏ vẻ ngạc nhiên như U nghĩ. Anh ăn uống khép nép, ra dáng ý tứ nhưng U nghe rõ mồn một tiếng đũa lùa cơm canh xì xụp của anh. Trời không nóng lắm mà mồ hôi nhỏ giọt trên trán và hai mai tóc anh, đọng lấm tấm thành những cái bong bóng nhỏ trên mép. Cái cảnh tượng này không lạ mắt đối với An của những bờ ruộng cũ nhưng hình như một thời gian dài không nhìn thấy nó, U An chợt thấy mình xa lạ hẳn, như là U không còn thuộc về cái cảnh đời đã sống cho đến năm hai mươi tuổi, dưới cái gốc cây đa mà bạn cày thường nghỉ chân ăn trưa bằng những mo cơm nguội với nước mắm kho quẹt cay xé họng.

Một lần khác, bà Hoàn lại nói với U:

"Bà thấy cái anh chạy giấy cho ông mặt mũi sáng sủa đáo để, hay là mày ưng nó đi, bà lo liệu cho?"

U An lại mỉm cười, nhớ lại khuôn mặt bầu bĩnh của anh tùy phái có một cái nốt ruồi to ở dưới cằm, đầu nốt ruồi có một sợi lông dài. Anh ta thường mang đôi dép cao su quai chéo, để lộ những cái móng chân có những chỗ thâm đen như bôi mực. Những ngày hè nồng nực, trong khi chờ ông Hoàn ký giấy tờ, anh thường đứng dựa một bên người vào chiếc xe mô bi lét cũ, tay quạt phe phẩy bằng cái nón nhựa. Phía trong cổ áo sơ mi của anh có lót một cái khăn mặt nhỏ, áng chừng để mồ hôi không làm cáu bẩn cổ áo. Một cảm giác buồn nản chợt lan tỏa trong lòng An phẳng lì, lặng ngắt. Lúc bấy giờ cũng như sau này nghĩ lại, An không hiểu vì sao U bỏ qua nhiều cơ hội để có một người chồng, một mái nhà và những đứa con của riêng mình. Thật ra, những anh thanh niên mà cơ hội đem đến cho U có lẽ đã vượt quá cả sự mong đợi của U những ngày còn sống lăn lóc sau lũy tre làng, thế nhưng hình như có điều gì cứ lấn cấn trong lòng U, khiến U cảm thấy lạnh nhạt, không tha thiết chuyện chồng con.

Có những đêm mùa hè khuya khoắt, trời nồng nực, U loay hoay khó ngủ, tay thỉnh thoảng khua cái quạt để lấy gió, U cố nghĩ cho cạn cũng chẳng biết mình mong ước gì? U chỉ biết nếu cứ sống cả đời như thế này thì U cũng đủ vui sướng lắm rồi. Mùi xà bông trầm gội đầu thoang thoảng bên trong màn U nằm làm U cảm thấy dễ chịu. U liên tưởng đến những cái sơ mi hồ cứng, ủi thẳng tắp, vừa thơm mùi bột giặt, vừa phảng phất cái mùi riêng của người mặc mà mỗi ngày thứ bảy tiệm giặt ủi đem giao đến tận nhà để U xếp vào tủ áo của ông Hoàn. Cứ mỗi khi ôm sát đống áo sơ mi ấy vào người để đem cất, U tự dưng hớn hở như trẻ con được kẹo, trong lòng U như có cả ngàn cái chuông nhỏ cùng rung trước gió.

Năm tháng vùn vụt trôi, trẻ con lớn lên, An bước vào tuổi lỡ thì. Bà Hoàn nghe quen câu trả lời của An *"thưa bà, được ở hầu hạ bà và các em như thế này là phước lớn cho con lắm, chắc con chẳng mắc nợ ai mà cũng chẳng ai mắc nợ con đâu để thành vợ chồng"* nên lâu dần bà thôi, không còn nhắc chuyện gả chồng cho An nữa.

Lúc mất Sài Gòn, U An đã ba mươi tư tuổi. Dưới chế độ mới, cuộc sống trong gia đình ông bà Hoàn trở nên khép kín và lặng lẽ hơn. Ông Hoàn vẫn được tiếp tục giảng dạy tại trường đại học tuy bây giờ ông không có xe hơi và tài xế riêng nữa. Ông di chuyển hằng ngày bằng xe đạp trên lộ trình khoảng mười cây số mỗi lượt đi về. Tính ông vốn dĩ ít nói, nay càng ít nói hơn. Nét mặt ông luôn điềm tĩnh, ngay cả khi ông đẩy cái xe đạp theo ông vào nhà, dựng nó vào bờ tường xong thì đưa một bàn tay lên trán lau mồ hôi, hai bên thái dương ông hằn lên mấy đường gân phập phồng. Nhìn bề ngoài ông, khó ai đoán biết ông buồn hay vui. Bà Hoàn thì bực dọc ra mặt. Bà hay cằn nhằn kể khổ. Chỉ những lúc này, ánh mắt ông Hoàn nhìn vợ mới bộc lộ rõ sự chứa chan thương cảm của một người có khả năng mang vác trên vai mình cả nỗi thống khổ của kẻ khác. Ông hay vỗ vỗ vào lưng bà để dỗ dành và an ủi.

Thời gian này, U An phải xông xáo ra ngoài để quán xuyến việc nhà. U cầm sổ đi mua nhu yếu phẩm, thịt cá, khoai sắn, dầu hôi, gạo củi. Bà Hoàn dặn các con thay đổi cách xưng hô với U, từ nay, chúng gọi U là dì An, như một người thân thích, để tránh con mắt nhòm ngó của lãnh đạo phụ nữ phường. Tuy vậy, phải đến cái giai đoạn ông bà Hoàn lo cho đàn con ba đứa đi vượt biên cùng một lúc thì U An mới nhận ra sự gắn bó mật thiết không ngờ của U với gia đình này. U xót xa thương nhớ những đứa trẻ tuy U không sinh ra nhưng có công bồng bế, nuôi nấng từ lúc chúng lọt lòng mẹ, mà có lúc U thảng thốt dấu nhẹm trong lòng cảm giác một phần nào đó máu huyết xương thịt chúng cũng thuộc về U như một người mẹ. U chia sẻ nỗi lo âu bất trắc, sự liều lĩnh thách đố với hoàn cảnh trong tư thế câm nín tuyệt đối của ông Hoàn mà U chỉ mơ hồ linh cảm ở cái dáng ông chập choạng đổ nghiêng theo cái xe đạp mỗi khi ông dựng nó vào bờ tường, mà U biết tình cảnh này thật khác biệt với nếp sống trước đây của ông. Không những thế, U càng bối rối lo toan vì nỗi đau khổ tỏ lộ rõ, gần như mê sảng của bà Hoàn. Bà vật vã, khóc than lặng lẽ, đôi mắt sưng húp, khuôn mặt đờ đẫn, ngây dại, hướng vào khoảng không từng chặp. Cảm xúc dồn nén tận đáy lòng bà chốc chốc vỡ òa thành những cơn nấc thắt ruột mà U An cứ phải luôn tay vuốt nhẹ tấm lưng thon nay đã thấy dấu xương của bà.

Biến cố thời thế đã biến đổi vai trò của U An dưới mái gia đình này. Bây giờ, U bỗng dưng phải gồng gánh tất cả bi thương của mọi người trong căn nhà trước đây U chỉ là một người qua đường tá túc tạm. Những tình tự trong vô thức của cô gái quê ra tỉnh, một cách khó hiểu, đã khiến U lớn lên theo sự thúc đẩy của hoàn cảnh tuy bề ngoài, có vẻ như sự ràng buộc tin cậy của U chỉ vì U là một nô bộc lâu năm, đủ để trung thành với chủ.

Ông Hoàn bị công an phường, quận rồi tỉnh làm khó dễ, bị tổ chức của trường đại học bắt kiểm điểm rồi bãi chức ông. Mọi biến động âm u xảy đến dồn dập như thủy triều, khi rút đi, để lại đằng sau nó bãi bờ vắng lặng. Căn nhà to rộng của ông bà Hoàn bị chính quyền địa phương nhòm ngó. Họ đề nghị bố trí một gia đình cán bộ cao cấp từ ngoài Bắc vào đến ở cùng. Ông bà Hoàn vội vã xin hiến toàn bộ tài sản để đổi lấy việc xuất cảnh đi Mỹ cho ba người còn lại trong hộ khẩu. Thủ tục thương lượng và xin nhập cảnh kéo dài chừng nửa năm. Ngôi nhà của ông bà Hoàn đẹp quá, đáng giá quá nên cuối cùng, thỉnh nguyện của ông bà cũng được chính quyền giải quyết như ý.

Đêm cuối cùng chờ chuyến bay trong căn nhà giữ của họ nhiều kỷ niệm và họ chỉ còn làm chủ vài giờ đồng hồ, ông Hoàn ngồi yên lặng như một pho tượng trong chiếc ghế bành bọc gấm màu cặn rượu. Bà Hoàn đi lại thờ thẫn qua mấy gian phòng còn y nguyên đồ đạc, sờ mó một vài thứ, chào hỏi, từ giã, tay cầm cái mùi xoa mỏng thỉnh thoảng đưa lên lau mắt. U An bồn chồn nhìn quanh quẩn, cố thu nhặt những cái còn có thể mang theo để chữa chạy sự mất mát của cả ba người.

*

Qua Mỹ chừng hơn ba năm, ông Hoàn bị tai biến mạch máu não lần đầu. Số phận cho ông gượng thêm được gần ba năm nữa trước khi ông bị lần thứ hai với nửa người bị tê liệt hẳn.

U An còn nhớ như in đêm hôm biến cố buồn bã này xảy ra. U đang ngủ, chợt bị đánh thức dậy vì tiếng đổ của một vật nặng. U choàng dậy, chạy ra phía bếp, đã thấy ông Hoàn té nằm nghiêng trên nền gạch, cái gậy chống của ông văng vào chân tường. Bà Hoàn ra tới nơi, mặt tái nhợt, toàn thân run lẩy bẩy. U An cuống cuồng, ra dấu kêu bà đến nâng đầu ông dậy để U gọi cấp cứu. Từ đây, cuộc sống của ông Hoàn hoàn toàn lệ thuộc vào hai người đàn bà, mỗi người một cách riêng, đã và sẽ cùng ông đi qua một số lớn năm tháng đời người.

Thoạt đầu, hình như có lúc U An thầm trách bà Hoàn đã không hay biết hoặc đã để ông Hoàn một mình đi ra nhà bếp giữa đêm khuya, chắc là để uống nước hay lấy một thứ gì ông cần. U cũng bồi hồi tự nghĩ nếu U ở chỗ của bà Hoàn, chắc bất cứ lúc nào mà ông Hoàn trở mình, U lập tức biết ngay, để nâng dắt, đỡ đần ông, biết đâu đã chẳng tránh được tai họa rủi ro kia?

Từ khi ông Hoàn phải nằm một chỗ và ngồi xe lăn, giấc ngủ hàng đêm của U An cứ chập chờn tiếng thân thể ông Hoàn ngã đổ xuống nền nhà cùng với tiếng gõ chát chúa của cái gậy ông vẫn chống văng vào bờ tường. Những khi như thế, U lại giật mình choàng dậy, người đẫm mồ hôi, tim đập loạn trong lồng ngực. Trong bóng tối của đêm sâu yên lặng và của thầm kín riêng mình, U thấy nước mắt U ràn rụa chảy.

Những săn sóc thân cận lúc đầu đối với ông Hoàn do bà Hoàn một tay đảm đương. Khi ông Hoàn đã tươm tất, sạch sẽ, thoải mái trong giường nằm, bà Hoàn ra ngồi ngoài hành lang, chỗ vẫn còn đặt hai cái ghế dựa để ông bà cùng ngồi sưởi nắng những buổi sáng mùa hè ngắn ngủi đã qua. Bà ngửa mặt nhìn mông lung đất trời cao rộng, nhìn xuống hai bàn tay bà đang lật qua lật lại như cố tìm một câu trả lời cho những nỗi nhọc nhằn trên hai bàn tay đã nổi những đường gân già nua của mình.

Nhiều năm qua, bà Hoàn không còn khỏe đủ để xoay trở ông Hoàn. Bà phải nhờ U An phụ giúp. Lần đầu tiên chạm vào thân thể ông Hoàn, U An như người bị điện giật, choáng váng, tê điếng. Có cái gì như một niềm hạnh phúc bất ưng, đến chậm chạp trong cõi lòng hoang mang, u uẩn của U. Hình như sau cùng, U mới vừa vượt qua cái hàng rào ngăn cách giữa ông Hoàn và U từ mấy chục năm nay cùng với sự xuống cấp đáng thương của ông để trở thành một con người thực sự bất toàn, tàn phế, vô dụng, chỉ còn sống dựa vào người khác như một cái dây leo. U thấp thoáng nhận ra, từ căn nguyên, con người vào đời trần trụi, giống hệt nhau, cần nhau trong sự trần trụi ấy trước và sau khi xã hội dán lên nó những cái nhãn hiệu xếp loại bị bóc ra cũng dễ dàng.

Sau này, chỉ còn một mình U chăm sóc, tắm rửa, thay quần áo cho ông Hoàn. U thận trọng, nâng niu cái hình hài bạc nhược, câm nín, bất động, không cả một ánh mắt người ấy vì nó chứa một phần thân phận thấp hèn củaU, vì nó chứa một phần cái chung cuộc giống nhau của kiếp người. Cái giá phải trả để U thấy ông Hoàn trong hai tay mình là sự rữa nát đã bốc mùi của nhục thân ông đang chết dần từng ngày, khiến lòng U ray rứt buồn. U nhớ lại mùi thơm trẻ trung, khỏe mạnh, của những cái áo sơ mi hồ cứng của ông Hoàn mới lấy từ tiệm giặt về những sáng thứ bảy cũ. Đối với U và cả ông Hoàn, những cái sơ mi thơm tho, đẹp đẽ ấy, vào những quãng đời khác nhau của hai người, là giấc mơ ngoài tầm tay với. Thế nhưng nỗi hân hoan, vui sướng đầy chặt lòng U những khi U ôm siết chồng áo ấy vào người để đem cất là hạnh phúc có thật, mà U đã cảm nghiệm, mà nó đã hòa nhập với U làm một và sẽ mãi mãi còn ở lại với U, đậm đà, ấm áp, trên hết mọi tàn phai.

BI KỊCH

Cả tháng nay, hàng xóm bên này bên kia đường không trông thấy chiếc xe van màu xanh xẫm của ông chủ nhà đậu song song với xe bà chủ trên lối vào ga-ra nhà họ như lệ thường mỗi buổi sáng sớm hay buổi chiều tối. Không biết có phải vì cái chỗ trống bỗng nhiên ấy hay không mà căn nhà trông vắng vẻ và buồn bã hẳn. Cả bà chủ cũng không còn thấy thấp thoáng vào ra, cầm cái ống cao su tưới cây hay ngồi đong đưa trên cái xích đu ở một góc hàng hiên để vui đùa với hai đứa con nhỏ, cả ba mẹ con cùng cười như nắc nẻ. Thỉnh thoảng lắm cái xe van mới lại trông thấy nhưng nó không đậu ở cái chỗ song song với xe bà chủ như trước kia mà nó đậu sát dưới lề con đường chạy qua nhà họ. Không ai biết rõ chuyện gì xảy ra với đôi vợ chồng này. Hàng xóm chỉ xì xầm bàn tán, giả thuyết một trăm thứ chuyện, giản dị nhất là chắc họ cãi nhau, giận nhau hay không chừng bỏ nhau cũng nên.

Mỗi buổi sáng, những người hàng xóm không đi làm nhìn thấy ba mẹ con bà chủ quần áo tươm tất, vội vã ra khỏi nhà và lên xe. Không nghe tiếng họ ríu rít như trước kia. Chỉ có ba cái bóng yên lặng cử động, sự yên lặng làm cho người ngoài cảm nhận được nỗi bực dọc đè nén lên cái không gian bao trùm họ.

Hàng xóm không biết rõ chuyện gì xảy ra nhưng họ đoán đúng một việc dễ đoán: vợ chồng Tiến bỏ nhau hay trên đà bỏ nhau.

Đối với Mai, mọi việc diễn ra như trò đùa.

Lúc bắt đầu, Mai và Tiến là bạn học cùng lớp, cùng một trường đại học. Sự tình cờ của số phận tự dưng xếp đặt họ ngồi gần bên nhau. Có hôm Mai bận việc, đi trễ, vậy mà hình như bạn bè đã quen mặt nên cái ghế kế cận Tiến cứ bỏ trống chờ Mai, chẳng ai ngồi. Mai nhớ lại mấy truyện tiểu thuyết nàng đọc lúc còn ở Việt Nam, mô tả những mối tình sinh viên, người đến lớp học trước thường để một cuốn sách để giữ chỗ cho người đến sau. Thế nhưng Tiến thì không bao giờ làm như vậy mặc dầu, lúc mới đầu, có những hôm Mai đến muộn, phải ngồi xa Tiến hết cả bề ngang hay bề dọc căn phòng.

Không biết có phải do cái dáng vẻ lủi thủi, sự cách biệt nhũn nhặn với người xung quanh của Tiến hay do cái gì khác mà Mai thấy mình đâm chú ý đặc biệt đến Tiến. Những hôm có giờ học, Mai tự dưng hối hả, sắp đặt công việc riêng thật nhanh, trái với thông lệ vốn lề mề của nàng, để đến lớp sớm. Nàng chọn ngồi ở chỗ dễ trông thấy người vào, kín đáo để cái túi da của nàng trên cái ghế bên cạnh. Khi Tiến đến, Mai làm như vô tình ngước mắt lên từ trang sách đang đọc và gật đầu chào Tiến với một nụ cười thân thiện, ngụ ý *“tôi để dành chỗ cho bạn ở đây này”*. Không biết cái cánh tay tròn lẳn của Mai với mầu da bồ quân khỏe mạnh, phô ra ngoài chiếc sơ mi sát nách, đang đưa qua bên nhấc cái ví lên, hay đôi mắt tự tin, hay nụ cười tươi tắn ở chiếc răng khểnh của nàng đã đưa đẩy bước chân Tiến đến đúng cái chỗ Mai muốn chàng ngồi.

Họ bắt đầu nói những câu chuyện bâng quơ về sách vở, công việc. Đến một lúc nào đó quả thật Mai không nhớ rõ, họ đi ăn với nhau giữa hai lớp học hoặc có khi sau buổi học, trên đường về nhà. Rõ ràng là họ rất hợp tính nhau nhưng cho đến lúc cả hai tự biết tình thân đã trở nên một cái gì khác hơn tình bạn thường, vẫn chẳng ai nói với ai điều gì. Đối với Mai, hình như nếu một trong hai người phải ngỏ lời hoặc phải tỏ lộ một cử chỉ nào đó để minh định mối liên hệ giữa họ thì người ấy sẽ là Tiến chứ không phải nàng. Mai cảm giác có trong tay một chiếc hộp âm nhạc mà nàng nâng niu yêu thích, mà mỗi ngày nàng lên thêm một đoạn giây thiều để chờ nghe bản nhạc sẽ cất lên thanh âm.

Một buổi chiều cuối mùa học, ra khỏi lớp, cả hai mệt nhoài. Nhìn thấy nhau, họ bật cười to tuy chẳng biết vì sao mà cười. Tiếng cười ồn ào lần đầu nghe được ở Tiến biến chàng thành một ai khác, hồn nhiên và bạo dạn. Tiến quàng một tay ôm ngang vòng eo Mai, hơi ép sát vai Mai vào ngực chàng. Cánh tay trái Mai ôm trả Tiến, khuôn mặt nàng hơi ngước lên nhìn vào mắt chàng, trông họ giống như một đôi tình nhân quen hạnh phúc bên nhau như thế chứ không phải lần đầu. Họ hẹn nhau ghé qua nhà lấy quần áo thể thao để ra biển chạy.

Buổi chiều mùa hè âm ỉ nóng trên những lối đi lát xi măng lượn vòng vèo men theo bãi cát rộng. Gió từ ngoài khơi thổi vào mang theo hơi nước, hây hẩy mát theo nhịp chân tay khua động của Mai, khiến nàng cứ theo đà chân chạy mãi. Cảm giác một cơn hưng phấn bất ngờ đẩy Mai mải miết chạy về phía trước, cho đến khi mồ hôi tuôn thành dòng trên mặt, trên cổ, trên hai cánh tay trần của nàng, làm loang những vệt thẫm trên cái áo hở bụng mầu tím nàng đang mặc. Cả hai cùng im lặng chạy bên nhau. Với Mai là sự yên lặng thư dãn, đằm đằm nỗi sảng khoái mơ hồ về một điều gì nàng cảm thấy bằng lòng nhưng không biết rõ, với Tiến là những mắt nhìn vui đi kèm với nụ cười thỉnh thoảng cả hai gửi cho nhau, làm ran đâu đó trong lòng chàng những tiết điệu vui và xôn xao. Cơn gió chiều cuộn theo chút nóng hâm hấp của nắng, chút mặn rít của biển, thổi lên khứu giác Tiến lẫn với mùi mồ hôi, mùi thân thể con gái đang buông thả và căng mở của Mai bên cạnh, chợt khiến toàn thân Tiến rung động đến bàng hoàng, như thể Mai đã bất ngờ thuộc về chàng.

Thể thao, học hành, ăn trưa, ăn tối, leo núi, trượt tuyết, điện thoại, hẹn hò, dần dần cả hai cảm thấy hình như họ bị buộc vào nhau. Khi Mai có dấu hiệu thai nghén, họ vội vàng tổ chức một đám cưới theo tập tục cổ truyền của cha mẹ.

Sau này nghĩ lại, Mai không biết lúc gần gũi nàng lần đầu, Tiến rung động, bối rối và mất tự chủ đến mức độ nào chứ riêng nàng, nàng biết nàng có đủ tỉnh táo để việc ấy xảy ra hay không xảy ra như thế. Sau thằng bé đầu lòng, Mai sinh luôn một con bé nữa. Cuộc sống gồm bốn người trong cái tiểu gia đình của nàng êm đềm trôi. Tiến sáng chiều đi làm và về nhà theo giờ giấc ngăn nắp. Cứ hai tuần một lần, chàng đem tiền lương về giao cho vợ. Những lúc ở nhà, Tiến phụ giúp Mai làm các việc lặt vặt, thay tã cho con và cho chúng ăn, rửa dùm Mai mấy cái bát đĩa. Thời giờ còn lại, chàng xem tivi, đọc sách báo, vào xa lộ điện toán để giải trí và cập nhật tin tức, thỉnh thoảng cũng trao đổi với Mai vài mẩu chuyện cộng đồng hay thời sự. Cuối tuần, họ tiếp đãi bạn bè, đi ăn ngoài phố, đi chơi biển những hôm trời nắng đẹp, đi thăm bảo tàng viện. Có khi Mai thuê người giữ trẻ để hai vợ chồng có thì giờ riêng đi xem xi nê, đi nghe hòa nhạc, xem kịch, đi vũ trường, đi dự các buổi trình diễn nghệ thuật. Cứ bình thường mà xét, họ là một cảnh nhà hạnh phúc. Tiến không mấy khi gây phiền lụy cho vợ bất cứ chuyện lớn hay chuyện nhỏ. Thế nhưng nếp sống quá êm ả và phẳng lặng ấy chợt có lúc làm Mai cảm thấy nó như một số thói quen nhạt nhẽo, thiếu sinh khí đến ngột ngạt. Tiến không có thái độ yêu đương sôi nổi để Mai biết mình được chồng khao khát và thèm muốn. Nhiều lần Mai tự hỏi không biết Tiến có bao giờ thực sự yêu nàng, cần nàng hay chính chàng đã để nàng dẫn dắt mọi việc mà dù chàng không chủ tâm muốn thế, chàng cũng không biết phải phản ứng cách nào khác.

Để thử thách suy đoán của mình, Mai mất công đổi kiểu tóc, trang điểm nhiều hơn, nói cười với bạn bè của Tiến thân thiết hơn bình thường nhưng Mai làm gì mặc Mai, Tiến vẫn bình chân như vại, vẫn cười hồn nhiên vô tư lự như không có một chuyện gì của vợ làm chàng bận tâm hay lo âu cả.

Tối hôm qua, khi tình cờ gặp Thống trong tiệc mừng sinh nhật một người bạn chung, Mai nghe Thống kêu lên thảng thốt:

"Trời ơi, lâu lắm mới lại nhìn thấy Mai. Bạn đẹp rực rỡ thế này, như tiên hiện xuống giữa trần gian tối tăm."

Không kịp nhận ra vẻ cải lương trong lời khen tặng ồn ào của Thống thật không thích hợp đối với một phụ nữ có chồng con như Mai, nàng thấy chấn động toàn thân, cảm giác các mạch máu đông đặc, ngưng chảy một giây rồi bừng bừng vỡ òa ra, nóng hổi, cuồn cuộn tuôn đi, làm nàng cuống cuồng, nhấp nhổm trên ghế ngồi. Cảm xúc như một cơn mưa lớn, xối xả, quất những mũi nhọn mạnh mẽ lên tâm hồn và thân thể Mai từ lâu xơ cứng như một thửa đất đại hạn, làm nàng chợt ý thức sự khô héo bên trong nàng mà những giọt mưa bất ngờ vừa đánh thức dậy.

Sau cuộc vui, trên đường về nhà, Mai đặt một tay lên đùi chồng và lưỡng lự nói:

"Cái anh chàng Thống kỳ quá, cứ xoắn lấy em mà tán."

Một tay lái xe, Tiến quàng tay kia lên vai vợ, xoa nhẹ:

"Các ông nhà văn, nhà thơ, nói như chim hót."

Cách trả lời gộp chung tỉnh queo của Tiến làm Mai phật ý. Hình như Tiến không bao giờ để tâm nhận ra một vẻ gì riêng biệt của vợ. Tuy vậy, lòng hồi hộp, Mai hỏi dò:

"Nhưng chắc họ cũng kén chọn hơn thường chứ, đâu phải bạ đâu cũng hót?"

Tiến vừa ngáp, vừa trả lời vợ:

"Thì đại để là cứ hót như khướu ấy mà!"

Mai chán nản với cách chuyện trò lửng lơ mà bây giờ Mai cho là vô duyên của chồng. Nàng ngả đầu vào nệm xe, lim dim mắt ôn lại những chuyện vừa diễn ra trong buổi tiệc vui.

Những ngày sau, Thống liên tục gọi điện thoại cho Mai ở sở làm. Chàng còn táo bạo gởi cả một giỏ hoa hồng thật đẹp đến tận nhà cho Mai. Giữa căn phòng bề bộn đồ chơi và đồ dùng của trẻ con, bó hoa lồ lộ, rực rỡ, như một điềm gở lạ thường. Mai gỡ tấm thiệp nhỏ đi kèm chậu hoa có mấy chữ xưng tụng thật nồng nàn của Thống nhưng Mai cố tình để lại cái que nhựa trống không. Tiến đi làm về, sà xuống ghế xa lông, bế con bé con và cù cho nó cười sằng sặc. Chẳng biết Tiến có nghĩ gì trong đầu óc chàng không nhưng chơi đùa với con một chốc rồi chàng mới như chợt thấy chậu hoa. Tiến hơi ngây ra một giây, có vẻ định thần nhìn kỹ giỏ hoa. Mai vừa rửa rau trong bếp, vừa kín đáo và hồi hộp quan sát chồng. Lát sau, Tiến nói to, giọng cười cợt:

"Mấy cái tiệm bán hoa nó sống được là nhờ mấy thằng cha đàn ông dại gái."

Cảm giác buồn bã, thất vọng, pha lẫn hờn tủi làm Mai cáu kỉnh. Nàng khua bát đĩa, đóng mở mấy cánh cửa tủ ầm ỹ trong gian bếp nhỏ. Tiến hơi ngạc nhiên, hỏi vọng vào:

"Em sao vậy?"

Mai ném nốt cái chảo chiên trứng vào bồn rửa, im lặng không trả lời. Nàng quệt hai bàn tay lên vạt cái áo tạp dề có thêu một bông hướng dương màu hổ hoàng to tướng trước khi tháo nó ra, máng nó vào cửa cái bếp lò rồi đi lên lầu.

Trong phòng ngủ, Mai nghe rõ mồn một tiếng nô đùa của ba cha con Tiến, thỉnh thoảng tiếng Tiến dục hai đứa con đi kêu mẹ xuống ăn cơm. Chẳng biết từ bao giờ, hình như Tiến tự gắn liền chàng vào hai đứa trẻ trong mối quan hệ vợ chồng giữa chàng với Mai lẽ ra chỉ có hai người với nhau. Mai bực dọc đi tới đi lui trong căn phòng ngủ không có gì thay đổi từ mấy năm qua, vẫn vài bức tranh treo tường nhìn đã quá quen mắt, vẫn bộ chăn trải giường có những ô màu xanh hình quả trám, vẫn cái bàn viết của hai vợ chồng bề bộn thư từ và hóa đơn trả nợ hàng tháng. Mai có cảm giác gánh nặng của đời sống, của bổn phận và thói quen cứ ngày càng chồng chất trên vai họ, làm cho con đường họ dẫm bước bên nhau cứ lún dần xuống như một vũng lầy. Mai thực sự hoảng sợ vì thái độ ít xúc cảm, đến độ gần như vô tình của chồng đối với hiện tượng bó hoa Thống gởi tặng nàng để trong phòng khách. Trong mơ hồ, Mai mong đợi Tiến sẽ gầm lên và quẳng cái lẵng hoa ra vườn, sẽ dùng những danh từ tệ hại để xỉa xói Thống, sẽ cấm và bắt nàng phải thề thốt là không bao giờ gặp lại cái thằng chó chết ấy, ít ra, Tiến cũng phải buồn rầu ôm lấy vợ, nhắc lại tình yêu của chàng, van lơn hay giải thích, như phần đông các ông chồng khác sẽ làm trong hoàn cảnh tương tự. Đàng này, Tiến trơ ra, tỉnh queo. Chàng không yêu vợ, chàng quá tin vợ hay chàng không còn chút sức lực nào để lấy thêm một gánh nặng phụ trội nữa của đời sống?

Như một quyết định vừa đến bất ngờ, Mai cầm điện thoại bấm số của Thống, *"để cám ơn giỏ hoa"*, Mai tự nhủ. Giọng nói mừng rỡ của Thống ở đầu giây bên kia lập tức tháo gỡ cơn bức xúc u ám đang đè nặng trong lòng Mai, trả lại nàng cái cảm giác vô tư và vui sướng thời con gái, buổi sớm mai thức dậy thấy một ngày mới hân hoan chờ đợi và hứa hẹn. Có một lúc nào đó, giữa câu chuyện với Thống, Mai nhác thấy Tiến líu ríu bế dắt con mở cửa vào phòng. Có lẽ nhìn thấy vợ đang nói điện thoại, Tiến líu ríu đủn hai đứa bé ra và đóng trả cửa phòng lại. Mai nghe cả ba cha con vừa ầm ỹ xuống cầu thang vừa hát lằng nhằng một bài hát nhi đồng bằng tiếng Việt Nam bập bẹ. Có lẽ nhiều bà vợ khác sẽ hài lòng với cách cư xử tế nhị của Tiến. Ngay cả Mai, vào một lúc khác, hẳn nàng cũng sẽ ao ước hay đòi hỏi được chồng tôn trọng như thế, hệt như các sách vở bàn về hạnh phúc hôn nhân thường bày vẽ ra. Nhưng ngay bây giờ, thái độ của Tiến như đổ dầu vào lửa. Cơn giận bốc lên đùng đùng, Mai gác điện thoại rồi nằm vật xuống giường, khóc một mình.

Khi Mai thức giấc giữa đêm, căn nhà hoàn toàn yên lặng. Mai nằm định thần một lúc trên giường, biết rằng nàng đã thiếp ngủ từ lúc chập tối, sau hay là ngay trong cơn khóc vùi đã làm cho nàng mệt nhoài. Miệng khô, lưỡi đắng, đôi vai cử động suốt ngày trên máy điện toán mỏi dừ, Mai quờ quạng tìm đôi dép và đi xuống nhà dưới. Ngang qua phòng hai đứa con, Mai khẽ đẩy cửa nhìn vào. Con bé ngủ say trong vầng sáng hồng hào tỏa ra từ chụp đèn đầu giường. Tiến và thằng bé ôm nhau lăn khoèo ra thảm, đôi chân bé teo của nó quặp lên đùi bố, sự khăng khít của hai cha con là xương thịt của nhau, cùng hồn nhiên trong giấc ngủ, tự dưng làm Mai mủi lòng. Mai xuống bếp, định hâm tí canh. Trên cái bàn ăn bố con đã dọn dẹp sạch sẽ, ở chỗ nàng thường ngồi, có miếng giấy nhỏ ngoằn ngoèo nét chữ thằng cu tí *"mẹ ơi, mẹ ăn cơm đi!"* Mai mỉm cười, biết là Tiến đã cầm tay thằng bé cho nó viết nhưng ngay liền đấy, nỗi bực dọc cứ dai dẳng bám riết Mai như một ám ảnh. Hình như cái trật tự của một cuộc sống ổn định và ngăn nắp không những đã không lấp đầy được nỗi khao khát một điều gì ngoại khổ trong lòng Mai mà nó còn luôn án ngữ trước mắt nàng như con đường độc đạo, không cho nàng một lựa chọn nào khác. Mai hờ hững ăn chén cơm chan với canh bí đỏ, chợt nhớ ra hôm đi chợ, có lẽ Mai nhớ mua món này cùng một lúc với câu chuyện Thống kể cho nàng nghe là chàng rất thích món canh bí đỏ. Lòng Mai nhẹ hẫng, như có cơn gió nhẹ vừa thổi qua.

*

Mấy hôm nay nghĩ lẩn quẩn về chuyện vừa xảy ra, Mai vẫn cứ bàng hoàng, đôi lúc hốt hoảng, trống ngực đập rát cả lồng ngực. Thực tình Mai không nhớ rõ tâm trạng nàng bữa đó như thế nào, tại sao nàng tắm gội, trang điểm và đi đến chỗ hẹn với Thống một cách bình thản, hệt như nàng đi làm hay đi lo một công việc gì cần. Hình như nàng chẳng vui, chẳng buồn, thậm chí chẳng nghĩ ngợi, chỉ cắm cúi, mải miết, làm cho xong những việc nàng vẫn thường làm theo một thứ tự cố hữu: vẽ mắt, đánh má hồng, mang vớ, thay quần áo, chải đầu. Chở các con đến nhà người giữ trẻ mướn xong, Mai ôm hôn chúng, không quên hít lấy hít để mùi tóc thơm của con trước khi vỗ vào mông chúng để đẩy chúng về phía người giữ trẻ. Nàng lái xe hoàn toàn theo bản năng. Đến gần địa chỉ nơi hẹn, nàng căng mắt ra nhìn tên đường và số nhà, y như là một nơi nàng phải đến vì một việc cần phải làm. Cho đến khi Mai nhận ra thân thể nàng trần trụi và phần ngực phớt một mảng lông mỏng của Thống sát vào mặt nàng thì Mai chết điếng. Trong cổ họng nàng, những tiếng nấc thầm vỡ ra như một nắm vụn mảnh chai. Những vuốt ve vồ vập, những nâng niu nghiến ngấu, những cắn xé mải mốt của Thống không được bộ óc tỉnh táo của nàng hưởng ứng, làm gia tăng cảm giác một sự thất bại kỳ cục trong lòng Mai. Cuộc sống bình yên, phẳng lặng nhiều năm như một món ăn nhạt nhẽo khiến Mai chán ngấy, nay hiện ra với tất cả sự nghiêm trọng bi thảm của một ly rượu độc. Mai quẫy người, đau thắt nhớ đến chồng con, cổ họng nàng bật lên tiếng kêu *"anh ơi"* cùng một lúc với sự hài lòng của Thống trên hai bàn tay bấu vào vai nàng.

Mai gắng gượng lái xe về chỗ đón con. Lúc nhìn thấy người đàn bà giữ trẻ quen cười tươi tắn giao trả mấy đứa bé cho nàng, Mai ứa nước mắt, nghĩ thầm đến cái hố thẳm vừa nứt lớn ra, không còn cách gì đắp điếm lại cho đầy nữa, giữa người đàn bà này và nàng vài tiếng đồng hồ trước đây, giữa cả nàng với nàng lúc đó và bây giờ. Mai sống thêm mấy ngày vật vờ. Nàng gác điện thoại ở sở làm mỗi khi nghe tiếng Thống trong máy. Nàng biết trước sau cũng phải nói cho Tiến biết việc này nhưng nàng chưa biết phải bắt đầu như thế nào? Buổi tối ngồi nhìn chồng con ăn uống vui vẻ dưới ánh đèn, Mai thẫn mặt ra, lo sợ đến tê dại về quyết định liều lĩnh của mình. Dẫu sao, nàng đã phóng đi một bước, phải phóng nốt bước nữa cho xong cái nhảy. Thỉnh thoảng Tiến có để ý đến vẻ thẫn thờ của vợ, tia mắt chàng dừng lại một giây trong mắt Mai rồi chàng lảng ra:

"Mẹ ăn đi chứ, ngồi nhìn mà no à?"

Mai biết Tiến vốn thường né tránh đối đầu với nàng trong những tình huống chàng gọi chung là rắc rối của vợ. Cứ mong đợi rồi thất vọng liên tục làm Mai mỏi mệt, có lúc tự trách sự sôi nổi quá đáng của nàng lúc nào cũng giống ngọn triều khắc khoải vỗ những âm buồn vào vách núi. Cuộc sống trước mắt Mai huyền diệu quá, phong phú quá, vĩ đại quá so với những năm tháng ngắn ngủi của đời người. Hình như lúc nào nàng cũng muốn hối hả dang tay ra, ôm hết lấy hay gạn lọc để thưởng thức từng hạt sống huyền nhiệm trong từng vẻ đẹp, từng nỗi bi thương của mỗi cảm xúc luôn dấy lên trong trái tim nàng. Nàng có tội gì không khi nuôi nấng con cái không chỉ hình hài thể xác chúng cần ăn, cần ngủ, cần mặc, cần vui chơi mà còn nâng niu, khao khát, rình rập sự lớn khôn của chúng như những nụ hoa mỗi ngày mỗi hé rạng, mỗi ngày mỗi bộc lộ cái thế giới tinh khôi của riêng chúng ẩn chứa biết bao điều mới mẻ? Nàng có tội gì với chồng không khi cứ miệt mài, thao thức, sợ lạc mất nhau trong tình yêu nên cứ muốn đốt mãi ngọn nến hồng để giữ ấm trái tim nhau? Người ta đã ngủ quá nhiều trong đêm tối, bỏ phí trăng sao, hương hoa và gió mát của thinh không. Người ta cũng ngủ vùi luôn giữa dòng sống nôn nao dưới ánh mặt trời, hai mắt mở khô ráo và cơ thể phí phạm sức sống là một bí nhiệm tuyệt vời, lẽ ra, phải là nguồn hạnh phúc vô biên cho họ.

Đêm hôm đó, nằm gối đầu lên cánh tay chồng như thường lệ, Mai hỏi Tiến:

"Mấy bữa nay anh có nhớ đổ rác dùm em không?"

Tiến lơ mơ sắp ngủ, trả lời vợ:

"Có chứ."

Mai chờ đợi Tiến nói thêm câu gì nhưng chỉ thấy yên lặng. Mai thu hết can đảm, kiên nhẫn tiếp:

"Anh có thấy gì trong thùng rác không?"

Tiến hơi cựa mình. Dường như câu hỏi dai của vợ làm chàng bực dọc:

"Anh thấy em vứt chậu hoa ai tặng còn tươi nguyên."

Ngưng một lát Tiến nói thêm, như đã phải cố gắng vượt qua một sự cản trở khó nhọc:

"Bố định hỏi mẹ nhưng rồi bố quên. Mà sao? Chuyện gì vậy?"

Cơn giận vỡ òa trong giọng nói trách móc đã lẫn nước mắt của Mai:

"Bây giờ anh mới hỏi? Lẽ ra anh phải hỏi ngay từ lúc anh nhìn thấy cái chậu hoa lần đầu trong nhà mình chứ? Của Thống đấy, bạn quí của anh đấy."

Hình như cánh tay Tiến dưới gáy nàng cứng lại. Mai có cảm tưởng cả Tiến và nàng đều không thở được nữa vì không gian quanh họ bỗng như hết dưỡng khí. Một lúc sau, tiếng Tiến cất lên, yếu ớt như tiếng một người đang ốm nặng:

"Sao em vứt hoa đi và nói về Thống như thế với anh?"

Mai úp hai bàn tay lên mặt mình, ngoảnh ra ngoài và buông nốt mấy chữ còn lại:

"Vì hắn làm chuyện bỉ ổi với em."

Tiến tỉnh táo, ngắn gọn một cách không ngờ:

"Nó hiếp em à?"

Mai cứng họng, bàng hoàng tột độ vì lời kết tội sắt đá của chồng, vì cái cảm giác thất bại ê chề từ hôm nằm trên giường nhà Thống cứ mãi âm ỷ cháy, bây giờ nổ bùng thành trận lửa lớn, chắc chắn sẽ thiêu đốt cả cái gia đình nhỏ bé của nàng.

Mấy tuần lễ tiếp theo đó, Tiến đi về lầm lũi như một người ở trọ trong chính căn nhà mình. Hai đứa trẻ ngơ ngác, không biết chuyện gì đã xảy ra giữa cha mẹ chúng. Mai đau xót nhớ lại cái cảnh ba cha con quấn quít nhau trước đây, hiểu ra một điều là nàng thật không còn có thể yêu Tiến tách rời khỏi những đứa con như nàng thường trách móc chồng. Tiến cảm thụ cuộc sống hồn nhiên hơn Mai, ít ra chàng đã đúng khi không tự mình vẽ ra những bản đồ phức tạp cho đời chàng.

Thế nhưng sau cùng thì Tiến đề nghị li dị. Mai buồn chết lặng song không hụt hẫng. Nàng không biết những người vợ khác khi bị chồng li dị thì thế nào, riêng Mai, nàng đau không phải vì ý nghĩ từ nay không còn cơ hội gần gũi Tiến nữa nhưng vì câu hỏi khắc khoải bao lâu nay của nàng nay đã có lời giải đáp: Tiến không yêu nàng.

*

Mai thức giấc trên cái ghế xô-pha ở phòng gia đình nay chỉ còn Mai một mình vào những giờ khuya khoắt. Tivi vẫn đang chạy, tờ báo vẫn úp trên bụng nàng, rổ bắp rang đã nguội lạnh dưới tầm tay. Từ ngày Tiến dọn đi, Mai ít khi ngủ thẳng giấc. Đêm bị ngắt quãng nhiều lần đem lại cho nàng cảm giác đêm dài hơn và nàng cũng tự do hơn. Hôm nay đang có trăng, ánh trăng suông mênh mông, lặng ngắt, trải nỗi cô quạnh vào lòng Mai khiến nàng nhớ lại thời mới cưới, những đêm sáng trăng, cả hai vợ chồng thường ngủ ngay trên thảm, chỗ trăng chiếu vào qua khung cửa kính kéo hết màn về một phía. Nằm trong ánh trăng, Mai luôn luôn có cái cảm giác hạnh phúc kỳ bí như người được tắm giữa giải ngân hà. Bây giờ thì Mai không thiết gì nữa. Cái vầng sáng bỏ không giữa nhà như tấm gương soi cảnh đơn chiếc của nàng.

Mai nhớ lại chuyện cãi vã hồi chiều với Tiến trên điện thoại. Trước khi dằn dọc gác máy, bao giờ Tiến cũng nhắc đi nhắc lại các điệp khúc cũ xì *"Em có biết tình yêu là gì mà kêu ca! Cùng lắm, em chỉ yêu chính bản thân em thôi."* Cũng có khi cuộc cãi vã đi đến chỗ gay go, Tiến lại đay nàng bằng cái câu nói mà Mai đoán đã làm Tiến thâm tín rằng lẽ phải ở phía chàng *"Thế nó hiếp em à?"*

Nếu câu nói đó là khí giới tự vệ của Tiến, chàng đã lạm dụng nó để tấn công Mai, làm cho nàng đau đớn và chẩy máu với sự lãnh đạm và nhẫn tâm khiến nàng kinh hãi.

"Phải, bây giờ thì em đã có thể trả lời anh là anh nói đúng. Nó đã hiếp em đấy. Tệ hại hơn nữa, nó đã đường hoàng mở cửa bước vào căn nhà của chúng ta dưới đôi mắt thờ ơ của anh, có lẽ nó đã cởi cả quần áo của em trước mắt anh mà anh không can thiệp, không làm gì để giúp em thoát nạn. Anh ngồi đấy, sẵn sàng trách móc và kết tội. Bây giờ đến lượt anh, hãy trả lời em là anh ở đâu, anh đã làm gì để em vấp ngã một mình? Mình chỉ làm vợ làm chồng trong cảnh trời êm bể lặng, gió mát trăng thanh thôi, phải không anh? Em phải làm một bà tiên để được chấp nhận, được yêu thương tôn trọng và dung chứa

giữa cõi trần gian đầy những nỗi lao đao này. Còn nếu em làm tội, hãy biết chắc rằng em sẽ không bao giờ được dung tha, dù là bởi người chồng vẫn nói là thương yêu em hơn cả thân mình. Xã hội có thể trừng phạt em vì không ai mất công tìm hiểu hay xót xa dùm, vì em làm rạn nứt cái lề thói lâu đời của họ, vì em không đủ sự khiếp sợ để che đậy hay dấu diếm những điều em nghĩ, những việc em làm. Còn anh, anh là một phần máu thịt của em, anh cũng không làm gì khác hơn cái xã hội vô tình và khắc nghiệt kia ư? Huống chi, anh ơi, cho đến tận lúc này, cả hồn xác em cho dẫu có bước vào bụi gai hay vạc lửa, có xuống tới địa ngục âm ty thì cũng chỉ là vì em muốn tìm kiếm cho bằng được câu trả lời chân thật nhất cho tình yêu của anh đối với em. Em cần một ý nghĩa cho sự tận hiến của mình vì, ngoài trái tim em ra, khi làm mẹ, em cần điều này để bảo bọc và nuôi dưỡng con cái của chúng ta. Không có tình yêu và hạnh phúc, mình để lại gì cho chúng giữa cõi thế gian ngập ngụa của cải khô héo này?"

Đêm sâu bằn bặt xung quanh Mai. Nàng chợt hiểu ra là cả Tiến lẫn nàng, bằng những cố gắng khác nhau, không ai vượt qua được sự thử thách của tình yêu có lẽ chỉ toàn vẹn và lớn lao trong giấc mơ phóng chiếu từ nỗi khao khát sự khôn cùng nơi chính nàng. Cả hai người, bước chân quá ngắn, trái tim quá chật, nên mỗi toan tính vượt thoát bỗng dưng trở thành bi kịch.

4-98

NẮNG CALI

Thương yêu viết để nhớ bạn hiền D.M

Hiền cắm cúi tra chìa khóa vào ổ. Mặt trời sau lưng đổ bóng nàng lên cánh cửa gỗ sơn trắng làm Hiền lặng người, nhớ ra Cali đang mùa hè.

Từ mấy năm nay, mùa hè ở Cali là khoảng thời gian Hiền sống với mẹ. Sinh trưởng ở một thành phố ven biển vùng nhiệt đới, mẹ Hiền thích nắng gió và cái không gian ẩm mặn hơi muối. Từ ngày di tản qua Mỹ, số phận khiến cả gia đình Hiền định cư ở cái tiểu bang O. buồn tẻ và lạnh lẽo. Thật ra, hàng năm, O. cũng có những ngày nắng gắt, đường phố, cây cỏ khô nỏ như mảnh sành. Để ý, Hiền thấy mẹ vẫn không vui. Hình như cơn nóng trơ trọi ở đây cuộn mẹ lại như cái chả giò trong chảo dầu, làm cháy háp cả cái nụ cười thường đem lại trên khuôn mặt mẹ vẻ tươi tắn, rạng rỡ của một bông thược dược màu vàng chanh, chỉ nhìn thôi cũng cảm nhận được hết cả cái mát rượi của khu vườn dưới cơn mưa xuân.

Chỉ đến khi con cái khôn lớn, mỗi năm một đứa ra trường đại học, thỉnh thoảng mẹ nàng mới ý nhị nói khẽ, giữa những câu chuyện bâng quơ khác, là mẹ muốn dời cư về nơi có nắng ấm. Mùa hè năm Hiền tốt nghiệp văn bằng cử nhân, mẹ con Hiền đi Cali chơi. Hiền còn nhớ mãi hôm hai mẹ con bước chân vào khu chợ người Việt, mẹ Hiền đứng ngẩn ngơ ở quầy tôm cá sực nức mùi hải sản tanh tưởi. Bà thở những hơi nhẹ và sâu, hai mắt càng lúc càng long lanh, đôi môi mềm mại nở một nụ cười tươi rộng, như thể bà vui gặp lại người quen cũ. Mẹ Hiền giải thích:

– Lâu lắm, mẹ mới lại được ngửi hương vị biển.

Mặc dầu mẹ rất yêu thích những con phố rộn rịp người đồng hương vãng lai, những buổi chuyện trò vang động tiếng cười với các bạn cũ nói cùng thứ tiếng ríu rít như mẹ, cả hai mẹ con Hiền chỉ ở lại Cali một thời gian thật ngắn vì ba nàng không muốn rời bỏ công việc ông đang làm ở O.

Sau chuyến đi chơi, Hiền cũng thích Cali vì những lý do khác mẹ. Nàng nhìn thấy ở đây một môi trường nhiều hứa hẹn cho sự tiến thân của mình. Nàng quyết định tìm việc làm ở Cali và đi về giữa hai nơi.

Bây giờ nghĩ lại, Hiền băn khoăn tự hỏi không biết sự lựa chọn lúc đó của nàng có phần nào, trong vô thức, chia sẻ với mẹ những ao ước riêng của bà không? Hình như cứ mỗi lần nhìn con gái đóng nắp cái vali hành lý để bay về Cali, mẹ Hiền lại gửi theo con ánh mắt tiếc thương thêm một cơ hội bỏ lỡ của bà. Về sau, Hiền thường đem mẹ theo. Nàng thuê một căn chung cư gần bờ biển. Ban ngày khi nàng đi làm, mẹ hay ngồi sưởi nắng ngoài bao lơn.

Bà đọc sách, thêu tranh, nấu nướng cho hai người ăn. Thỉnh thoảng có người bạn nào nhớ đến bà, đem xe đón thì bà theo bạn xuống phố, đi loăng quăng nhặt báo, mua bán ở các chợ hoặc ăn quà vặt ở mấy tiệm bán đồ ăn Huế. Buổi tối Hiền đi làm về, hai mẹ con cùng bách bộ dưới những hàng cây Palm, nói chuyện vẩn vơ và cười rúc rích bên nhau.

Tuy vậy, những ngày vui ngập nắng ấy không có nhiều vì mẹ nàng không thể không về lại O. là nơi ba nàng vẫn giữ nếp sống đi làm đều đặn của một viên chức giáo dục tiểu bang. Hành lý bà mang về sau mỗi chuyến đi chỉ gồm có lương thực đủ cho cả nhà ăn suốt một năm. Phần mẹ, thêm một ít sách báo, băng nhạc và vidéo.

Về đến O., thời tiết lập tức làm mẹ héo rũ như một tàu lá háp nắng. Buổi tối ở Cali, Hiền điện thoại thăm mẹ khi rảnh rỗi. Nghe tiếng mẹ cuống quít reo vui sau những khoảng yên lặng bần bặt, Hiền luôn có cảm tưởng mẹ đang uống những ngụm to đến nghẹn thở, câu chuyện nàng kể, như một người khát cố uống chút nước trong trẻo, lấp lánh sáng, đọng giữa các kè đá của một con suối.

Thời gian của mẹ, vài năm gần đây, chia sẻ giữa O. và Cali. Cuộc sống đang yên vui, bỗng nhiên bác sĩ phát hiện mẹ Hiền bị ung thư tá tràng. Anh chị em Hiền lo âu. Ba Hiền đập đầu xuống bàn, kêu khóc. Mẹ chỉ bình thản, cười gượng. Một lúc sau, khi ba ngừng khóc, Hiền thấy mẹ điềm tĩnh gỡ mắt kính của ba xuống, dùng mấy ngón tay của mẹ lau đi lau lại vết nước mắt đọng loang lổ trên tròng kiếng. Tính mẹ sạch sẽ, bà thích cái gì cũng phải đẹp, cả nỗi đau khổ.

Công việc chữa chạy bệnh cho mẹ rất đau đớn và mệt nhọc nhưng mẹ không bao giờ than thở. Ở nhà thương về, bà bình tĩnh làm các công việc thường ngày. Thỉnh thoảng từ Cali bay lên thăm mẹ, ban đêm, khi cả nhà ngủ say, Hiền nghe mơ hồ tiếng chân mẹ xê dịch nhẹ nhàng trong bóng tối, tiếng cái vòi nước chảy thật nhỏ ở phòng bếp nhưng mẹ không để cho một người nào trong nhà có cảm tưởng mẹ không ngủ được.

Sau mỗi kỳ giải phẫu, mẹ chống gậy đi lòm khòm chứ không chịu nằm. Giữa hai kỳ chạy điện hay mổ, mẹ vội vã về Cali để sưởi nắng trên bao lơn căn chung cư Hiền cố ý thuê trên bờ biển, để thở hít mùi tôm cá tươi trong các khu chợ Việt Nam và đi bộ dưới hàng dương những buổi tối sương mù, với nàng.

Cứ mỗi lần vượt qua cái mốc thời gian bác sĩ ước lượng còn lại cho bà, mẹ chỉ yên lặng cười thật tươi, phô hai hàm răng trắng đều như những hạt bắp vừa tới lứa. Vóc dáng mẹ mảnh mai nhưng sức mạnh từ khối óc bướng bỉnh của mẹ, niềm tin từ trái tim thiết tha với cuộc sống của mẹ, đã là nguồn lạc quan xua đuổi bóng tối khắc khoải của nhiều năm tháng lo âu, đã có lúc làm cho cả gia đình và bạn bè của mẹ quên đứt chuyện mẹ bị bệnh ung thư.

Thế nhưng mẹ chỉ vượt thoát được hơn bốn năm. Mẹ quị ngã ở cái mốc sát với mức thắng của cuộc đua, một cách bất ngờ, giữa cái nắng ửng màu hoa đào chan hòa khắp Cali những ngày đầu xuân. Mẹ chịu thua vì cú hồi mã thương trí mạng của số phận.

Ma chay mẹ xong, ngôi nhà ở O. như con thuyền lớn chở cuộc sống gia đình Hiền xuôi giữa đại dương, rã ra từng mảng. Ngôi nhà chết theo mẹ, không còn chút sinh khí và ánh sáng, là sự im lìm của bộ ngực không còn nhấp nhô hơi thở, của thanh quản đã tắt lịm tiếng nói lèo nhèo, ấm áp của mẹ. Ngôi nhà trở thành nấm mộ tối sau những rèm cửa không còn bàn tay mẹ cuốn lên mỗi buổi sớm mai. Những đứa con, trong buổi chiều hoàng hôn, từ sở làm bước ra, từ nơi xa xôi, nghĩ về ngôi nhà, không còn mường tượng đôi mắt đau đáu mong chờ của mẹ, không còn nghe réo rắt tiếng gọi thầm của mẹ. Trong lòng chúng, một trang sách đã đóng lại, một quãng đời đã chấm dứt, vĩnh viễn.

Ba Hiền thu xếp hành lý về Cali, một phần vì ký ức ray rứt những lần trước cùng đi với vợ, một phần vì ông không còn biết làm gì khác. Hiền thuê một nơi ở mới cho hai cha con để tránh những kỷ niệm của mẹ. Công việc thường xuyên giữ Hiền ở ngoài đường suốt ngày, có khi nàng phải đi những hành trình xa, cả tuần lễ. Ba Hiền ở nhà một mình, vào ra quanh quẩn.

Hơn bốn chục năm nay, từ ngày lấy vợ, ông mất thói quen tự mình quyết định mọi việc. Ông ăn uống, ngủ nghỉ, đi chơi hay làm bất cứ việc gì đều là do mẹ Hiền sắp đặt. Bây giờ vắng bà, ba Hiền như người robot thiếu điện. Ông thấy tay chân, thời giờ, tiền bạc thừa thãi mà lòng ông thì khao khát vẩn vơ một điều gì không thực hiện được. Cảm giác tuyệt vọng có lúc khiến ông bưng mặt khóc hu hu hay đập đầu chan chát vào tường vì sự bi thảm dấy lên từ đáy lòng ông như thủy triều. Ông chới với giữa khoảng không trước mặt vừa hụt mất vạt áo vợ, vừa đe dọa vì sự trống trải sau lưng. Sự có mặt của mẹ Hiền bên cạnh ông, tự nhiên, tầm thường, tựa như cái cúc áo trên cái áo ông mặc hàng ngày, đã có lúc ông không còn bận tâm gì về nó cả. Chỉ đến khi cái cúc áo ấy đứt và rơi mất, ông mới thấy là cái áo không còn dùng được nữa. Cái ý nghĩ ông không còn cách nào tìm thấy lại cái cúc áo mất, thật ảo não. Nó làm nước mắt ông chảy ra như suối. Bạn bè của mẹ Hiền cười cợt sau lưng ba Hiền:

– *Mai mốt lấy vợ khác là hết khóc.*

Cùng với lời bàn tán hươu vượn của người ngoài, Hiền cảm thấy lòng nàng nôn nao những ý nghĩ phiền muộn. Nàng thực tâm không muốn phải nhìn cha buồn bã, lẻ loi nhưng cứ tưởng tượng ra có một người đàn bà nào khác ở bên cạnh ông, như mẹ nàng ngày nào, Hiền lại thấy lòng đau buốt, tựa như chính nàng bị phản bội.

Mỗi buổi chiều đi làm về, Hiền nhìn sâu vào mắt ba nàng, hỏi han ông năm điều ba chuyện, vừa tìm tòi, nghe ngóng, vừa bâng khuâng lo sợ thấy trong đôi mắt ấy những thay đổi sẽ đem vào lòng nàng, một cách rất vô lý, nỗi thất vọng hay oán hận khiến nàng không còn yêu ông được nữa.

Hiền chỉ không biết rằng, trong thâm tâm ba nàng, ông ý thức mình bị đóng đinh trên cây thánh giá mà ông đã hân hoan lựa chọn cách đây hơn bốn mươi năm, mà ông không bao giờ còn cơ hội tháo gỡ kể cả khi cây thánh giá ấy chỉ còn là cái bóng đổ lên đời ông từ một quá khứ đã mất.

Hiền nhìn thấy ba nàng đứng lau mãi cặp kiếng đeo mắt của ông bên cạnh cái điện thoại xinh xắn đặt trên quầy bếp. Bên ngoài tấm mành sáo, gió lùa phơ phất trên những ngọn bông giấy, làm lay động những chùm nắng Cali màu đỏ thẫm. Cơn khóc bị kềm hãm, dồn hết nước vào hai hốc mắt khô khốc của Hiền, làm thái dương nàng muốn vỡ ra.

HAI NGƯỜI TRONG BUỔI CHIỀU

Niệm và Cát cùng trải qua tuổi thơ ở một vùng ngoại ô heo hút, buồn tẻ, bên rìa những thửa ruộng chạy song song với rừng cây và rừng phong lan. Trên cái nền mênh mông hoang dã ấy, nổi bật ngọn tháp chuông xinh xắn của ngôi trường dạy trẻ khiếm thị.

Niệm 24, Cát 20. Trước ngày Niệm vào quân đội, hai người là đôi bạn qua lại thân thiết giữa đám người trẻ trong vùng. Cả hai gặp gỡ nhau hàng ngày, nói cười vui vẻ nhưng không ai đả động đến tình yêu.

Buổi sáng hôm Niệm đi, sương phủ ngôi làng trắng xóa, làm không gian trở nên yên ắng, tịch mịch, con đường đất bây giờ xốp như bông, dập dềnh dưới chân Niệm. Đi qua nhà Cát, Niệm cố căng mắt nhìn, chỉ thấy lờ mờ cái ghế xích đu bỏ không trên hàng hiên. Có một buổi tối mùa hè, Niệm ngồi ở bậc thềm, chợt nhìn thấy đôi chân để trần của Cát đong đưa bên cạnh. Niệm ngây ra một giây rồi rùng mình khẽ, lòng rạo rực muốn áp mặt mình vào chỗ da có những sợi lông tơ gờn gợn mùi mồ hôi con gái của Cát. Tiếng Cát líu ríu nói dở câu chuyện, tiếng nàng cười to rồi nàng đứng dậy, bưng cái rổ rau đã nhặt xong vào nhà, để lại trên hàng hiên cái xích đu đung đưa và Niệm ngồi như bụt mọc.

Suốt một năm qua hai người không nhìn thấy nhau, cũng chẳng ai viết thư. Xế trưa hôm nay, trời đang nắng gắt, Niệm thình lình đến gọi chuông nhà Cát. Chính Cát ra mở cửa. Nàng đi lom khom, hai tay khệ nệ ôm mấy cuốn tạp chí in hình các kiểu áo cô dâu. Trông thấy Niệm, Cát kêu rú lên, đôi mắt trong trẻo mở to, ngạc nhiên:

– *Niệm, anh ở đâu ra vậy?*

Niệm nghiêm trang như một người nào khác:

– *Em đi dạo với anh một lúc, được không?*

Tính Niệm hay hổ ngươi nên chàng thường che đậy sự rụt rè bằng cái cách nói lửng lơ, như thể chàng đang thực sự chú ý vào một điều gì khác, ở một nơi nào khác. Cách nói ấy rõ ràng là của riêng Niệm, ngay cả khi chàng muốn diễn tả niềm khao khát vô tận trong trái tim chàng.

Cát hơi hoang mang:

– *Em đi dạo với anh à? Sao vậy?*

Niệm lảng không nhìn vào đôi mắt dò hỏi của Cát, gật đầu bâng quơ.

Cát trì hoãn:

– *Em không biết anh về.*

Niệm nuốt ực cơn bối rối chặn lên cuống họng chàng:

– *Anh đến thẳng đây đấy mà.*

Cát đuổi theo những điều nàng chưa hiểu:

– *Mẹ anh nói anh vẫn đang ở trong quân đội kia mà?*

Niệm giải thích một cách khó khăn:

– Anh còn bảy tháng nữa mới mãn hạn.

Niệm đang là lính pháo binh. Bây giờ Cát mới nhìn thấy bộ quân phục nhàu nát chàng đang mặc trên người, đôi giày lấm bụi đỏ và cái cằm không cạo râu của Niệm. Không có cách nào che thân, Niệm đưa cả hai tay ra đỡ cuốn sách dày và nặng trên tay Cát:

– Cho anh xem, áo mẫu đẹp quá!

Cát đưa cả mấy cuốn tạp chí cho Niệm, giọng hồn nhiên:

– Em sắp làm đám cưới.

Khuôn mặt Niệm cúi xuống cuốn sách nên Cát chỉ nhìn thấy những chân tóc cắt ngắn của Niệm và nghe tiếng Niệm bình thản:

– Anh có biết. Tụi mình đi dạo một lát đi.

Cát thoái thác:

– Em bận lắm. Tuần sau là cưới rồi.

Niệm ngẩng nhìn Cát, ánh mắt lóng lánh:

– Đi dạo với anh một chốc thôi, em sẽ là cô dâu xinh tươi nhất trên đời!

Cát đỏ mặt, liên tưởng đến việc nàng sắp về nhà chồng, trở thành một người đàn bà, như mẹ nàng.

Niệm chợt hỏi:

– Em lấy Châu, phải không?

Cát hơi thẹn:

– Sao anh biết tên anh ấy?

– Mẹ anh viết thư kể.

Cát di mấy đầu ngón chân lên gạch, cười:

– Anh ấy dễ thương lắm, anh gặp chắc sẽ thích. Anh đến dự đám cưới tụi em nhé!

Niệm lắc đầu:

– Anh không chắc.

Cát băn khoăn:

– Anh hết phép hả?

Niệm vừa chăm chú xem hai trang quảng cáo đồ dùng bằng bạc cho lễ cưới, vừa trả lời lửng lơ:

– Anh đâu có về phép, anh đi đại.

Cát thảng thốt kêu lên, hai bàn tay nắm chặt:

– Sao anh lại làm thế? Anh nói dỡn hả?

Niệm tiếp tục nhìn chăm chú mấy trang sách in, lầm lì một cách khó chịu:

– Anh bỏ về ngang thật đấy. Anh đang đoán xem em thích kiểu hoa cài đầu nào?

Nói xong, Niệm ngước nhìn Cát, mỉm cười. Hai hàm răng Niệm đều tắp, trắng, to và khỏe.

Cát muốn khóc vì bực bội:

– Anh nói thật cho em biết chuyện gì xảy ra với anh đi!

Niệm dang một cánh tay vòng hờ qua lưng Cát:

– Mình đi dạo một vòng nhé?

Cát đứng yên, xoắn mười ngón tay, bứt rứt:

– Anh làm em phát điên vì chuyện anh bỏ trại như thế. Mà anh từ đâu về chứ?

Niệm cười, nhướng cao đôi lông mày đẹp như vẽ:

– Ở cái chỗ ngày xưa bà Hillary Rodham Clinton đi guốc gỗ cắp sách đến trường tiểu học đấy.

Cát lạnh nhạt hỏi:

– Anh về bằng gì?

Niệm làm cái cử chỉ của một người xin quá giang xe giữa đường:

– *Ba ngày ròng rã đấy cô em ạ!*

– *Mẹ anh có biết anh về không?*

Niệm nói nhỏ vào tai Cát:

– *Anh có về thăm mẹ đâu?*

Cát như người bị đuổi thúc sau lưng:

– *Vậy anh về để làm gì?*

– *Để đến đây.*

– *Sao lại đây?*

– *Vì anh muốn, vì anh không thể đừng được.*

Niệm chạm vào khuỷu tay Cát:

– *Mà thôi, mình đi dạo một vòng chứ?*

Hai người chậm rãi đi bên nhau, trong khu rừng mùa thu lá trải thảm màu nâu đỏ dưới chân họ. Cơn giận mơ hồ âm ỷ trong lòng Cát. Tiếng những cái cành khô vỡ dưới gót giày của nàng. Mắt Cát ngấn lệ:

– *Niệm, chuyện anh vừa nói thật là điên rồ.*

Ngưng một chút, Cát nói tiếp:

– *Anh nói không phải lúc. Anh chưa bao giờ nói với em như thế khi em...*

Cát đứng dừng lại, hai bàn tay áp lên ngực, như thể nàng đang khó thở:

– *Mình cứ đi tiếp đi em.*

Cát ngậm chặt hai hàm răng:

– *Không, em không muốn đi nữa. Lẽ ra em không nên đi với anh như thế này.*

Ánh mắt Niệm xa vắng nhìn những sợi nắng nhảy múa chập chờn qua những tàn cây thưa:

– *Em đã đi rồi mà!*

Cát cãi như một đứa trẻ bị ức hiếp. Mặt nàng căng ra, vạt áo phập phồng ở khoảng ngực đầy.

– Em không muốn anh cứ đứng mãi trước cửa nhà em. Lỡ ai đi qua, nhìn thấy, thì sao?

Niệm ngẩn ra:

– Họ sẽ nghĩ gì? Làm gì?

Cát rướn chân lên, để tiếng nói của nàng gay gắt hơn:

– Họ sẽ nghĩ là anh điên đấy?

– Thế à?

Cát lấy hơi trước khi nói một thôi một hồi:

– Em không thể nào tưởng tượng được anh đào ngũ để về đây. Em cũng không thể nào nghĩ được là anh thực sự yêu em mặc dầu anh đang làm cho em có ý nghĩ ấy. Mọi chuyện thật quá bất ngờ...

Niệm cho hai tay vào túi quần, nhìn Cát:

– Anh yêu em.

Cát lảng ra, tiếp tục cất bước. Một lát, nàng nói yếu ớt:

– Anh làm cho em hãnh diện và hạnh phúc lắm nhưng em muốn anh biết là em chỉ quí mến anh như một người bạn thân tình. Những điều khác đã quá trễ rồi.

Tiếng Niệm êm ả trong buổi chiều đang xuống bên bìa rừng:

– Đi với anh một lúc nữa, để cùng vui giây lát thôi.

Cát bồn chồn:

– Anh mong em đáp lại cách nào chứ?

– Anh không biết, chưa nghĩ tới. Anh chưa bao giờ như thế này, như lúc này.

Cát bụm tay, che mặt:

– Anh có mong em trong vòng tay anh không?

Niệm hơi khựng lại rồi bước đi tiếp:

– Chắc là thế, chắc là có.

Tiếng Cát nghe thoáng trong gió:

– Em rất tiếc. Anh sẽ thất vọng thôi.

– Anh không thất vọng, anh không nghĩ đến chuyện đó. Đi bên em thế này thật dễ chịu.

Cát đứng lại:

– Mình nên từ giã nhau là hơn.

Đến lượt Niệm dừng bước. Chàng nhìn khu rừng xanh ngắt qua vai Cát:

– Cũng được. Thỉnh thoảng nhớ đến anh, nhớ là anh yêu em vô cùng.

Cát bật khóc. Nàng quay lưng về phía Niệm. Rừng cây xung quanh trùng trùng trải mình trong hư vô mênh mông.

– Sao em khóc?

– Anh không cần biết.

Cát vùng vằng dơ hai tay quệt ngang mắt, giọng tấm tức:

– Anh đã không cần biết bao nhiêu điều khác rồi.

– Làm sao anh biết được?

Nước mắt làm đôi mắt Cát long lanh:

– Anh phải nhìn thấy chứ? Con gái tụi em khi yêu ai, có dấu được đâu?

Niệm ghé sát khuôn mặt Cát, làm Cát bối rối nhận ra sự thật hớ hênh trong lời nói vừa rồi của nàng. Hơi thở ấm nóng của Niệm phả mùi hương rừng hoang dại lên mũi, lên má, lên môi Cát.

Cát đặt hai bàn tay lên lồng ngực vững chãi của Niệm để đẩy chàng ra:

– Anh không nên làm thế. Mình hãy từ giã nhau đi thôi.

Niệm khẽ cau mày:

– *OK.*

Cát lại bắt đầu cất tiếng, nàng nói tràng giang đại hải:

– *Em không giận vì anh hôn em đâu. Em sẽ giữ buổi chiều hôm nay làm kỷ niệm. Chắc rồi thỉnh thoảng em cũng sẽ nhớ anh. Chúc anh may mắn nhé!*

– *Anh cũng chúc cả cho em nữa. Nhưng, em thực lòng yêu Châu chứ?*

Giọng Cát nồng nhiệt:

– *Chắc chắn rồi, nếu không, em đâu có làm đám cưới?*

– *Anh xin lỗi em.*

Niệm đứng gần Cát đến nỗi ngực chàng thở đầy mùi hoa phong lan trên tóc và hai vai nàng.

Họ đã đi khá xa khu gia cư bên kia rừng. Cả hai chỉ còn nghe tiếng chuông đổ hồi từ ngọn tháp của ngôi trường mù. Cát đứng chắn lối trước mặt Niệm:

– *Em phải về.*

Niệm cười dịu dàng:

– *Em chào anh rồi mới về chứ?*

Cát lắc đầu:

– *Cứ mỗi lần em chào, anh lại có cơ hội hôn em lần nữa...*

Niệm ngồi thụp xuống bãi cỏ lấm tấm những ngọn lá nâu, bên dưới một gốc táo đang nở hoa:

– *Em ngồi xuống đây.*

– *Không.*

– *Anh thề không chạm đến một sợi tóc của em.*

Cát ngồi dựa một gốc táo cách chỗ Niệm một sải tay, nhắm hai mắt lại. Nàng nghe tiếng thở dài và to của Niệm, tiếng ong đập cánh rào rào trong các lùm cây thấp. Một lúc, Cát mơ màng ngủ. Khi nàng mở mắt ra, Niệm đang ngủ say. Chàng ngáy nhẹ. Cát để yên cho Niệm ngủ. Tiếng chuông từ ngọn tháp ngôi trường mù lại vẳng lên trong thinh không. Tiếng một con chim bắt-cô-trói-cột kêu lên lẻ loi. Tiếng một cái ô tô đâu đó gầm gừ nổ máy rồi tắc nghẽn, nổ máy rồi lại tắc nghẽn. Sau cùng, chỉ còn buổi chiều hoang mang giữa khu rừng nhạt nắng.

Cát rời khỏi chỗ gốc táo nàng ngồi, đến quì bên cạnh Niệm:

– *Niệm ơi, trễ rồi!*

Niệm mở mắt. Chàng cất tiếng, như đang nói tiếp một câu chuyện dở dang:

– *Anh rất yêu em.*

Cát quay mặt đi:

– *Muộn quá rồi anh ạ.*

Niệm đứng dậy, vươn vai:

– *Cám ơn em buổi đi dạo chiều nay. Thật tuyệt.*

– *Em cũng nghĩ vậy. Rồi sau đây anh đi đâu?*

– *Anh quá giang xe xuống phố rồi về đơn vị chịu phạt.*

Cát ngập ngừng:

– *Em chúc anh mọi điều may mắn.*

Tiếng Niệm hỏi một câu bất ngờ:

– *Em lấy anh nhé, Cát?*

Câu trả lời vuột ra khỏi nàng trước khi Cát kịp ý thức:

– *Không.*

Niệm gượng cười, nhìn Cát đăm đăm một lát rồi quay lưng, bước vội đi.

Cát trông theo bóng Niệm càng lúc càng nhỏ dần trong ráng chiều còn lẩn khuất giữa khu rừng cây, mơ hồ nghĩ nếu chàng dừng lại, nếu chàng quay về với nàng, nếu chàng gọi tên nàng, chắc chắn nàng sẽ chạy đến, không cách gì cưỡng được.

Ở cuối con đường mòn, chỗ gần ra khỏi bìa rừng, hình như Niệm đã dừng lại, đã quay gót trở về trên những dấu chân vừa in lên cỏ. Và, tiếng Niệm gọi tên Cát, lồng lộng vang âm dưới bầu trời đang ngả hoàng hôn.

CHỊ THÚY

Ký ức của tôi về chị lù mù, ít ỏi. Chỉ là một cái tên gọi, lẫn lộn, mơ hồ với chiếc áo cánh phin nõn có hai cái túi in hằn tờ bạc bộ lư xếp thành cọc dày dặn (có hôm tôi nhìn thấy chị lúi húi đo cắt những tờ pơ-luya mỏng để lót bên trong tờ giấy bạc duy nhất chị có). Ngày ấy còn bé, tôi không biết tại sao chị mất công làm việc ấy. Sau này lớn lên, nhớ lại cái cảnh chị ngồi một mình, tỉ mỉ dùng kéo cắt xén những cái rìa giấy dư ra ngoài tờ bạc làm mẫu, tỉ mỉ xếp chúng lại thật bằng bặn rồi nhét chúng vào cái túi áo phin nõn màu trắng là ủi thẳng tắp của chị, tôi hiểu rằng đã có lúc chị khổ tâm vì là con nhà giàu mà chị lại không có nhiều tiền trong túi.

Ngày nay, tôi không tài nào hình dung được chị nữa. Trong trí nhớ tôi, chỉ còn thấp thoáng dáng một cô gái tầm thước, thỉnh thoảng tôi nhìn thấy đi nép dưới dãy hàng hiên lướt thướt mưa ở mặt tiền những ngôi nhà xây cất không đều đặn nằm giữa khu phố Gia Hội, quãng rẽ vào nhà thờ Trung Bộ với cửa tiệm bán xe đạp Rồng

Vàng ngay góc đường. Bà chủ tiệm Rồng Vàng mắt sâu như đầm, khuôn mặt mỏng, đôi môi mỏng. Những hôm gội đầu, bà ngồi hong bộ tóc mun dài chấm gót chân trước thềm nhà, trên một cái ghế thấp bằng tre. Cổ bà đeo chuỗi ngọc xanh biếc.

Bà Rồng Vàng có một cô con gái duy nhất, cao và mảnh như cây tre miễu. Tóc cô cũng dài và đen mun y hệt tóc mẹ, kẹp buông đằng sau, rậm như cái đuôi ngựa, bằng cái kẹp to bản trông giống như một thỏi bạc. Hồi đó, thỉnh thoảng tôi nghe mẹ tôi, sau khi sang lấy nước mạ ở bên ấy về thì buồn rầu bảo nhỏ tôi *"Cô Phương con bà Rồng Vàng đến tuổi về nhà chồng mà còn nằm gối đầu lên cánh tay mẹ ngủ trưa"*. Ngày ấy tôi không hiểu mẹ nói thế để làm gì, sau này thì tôi đoán ra mẹ xót xa vì không được đặt cánh tay bà cho chị gối đầu lên, như bà Rồng Vàng và cô Phương. Như vậy là vì tuy mẹ tôi sinh ra chị nhưng trên giấy khai sinh và trong thứ bậc gia đình, chị được coi là con bà vợ cả của bố tôi (mẹ tôi chỉ sắp hạng ngang với kẻ ăn người làm trong nhà). Bề ngoài, mẹ già tôi nhận chị làm con để khỏi mang tiếng tuyệt tự nhưng từ trong huyết thống, bà ý thức rõ cảnh mẹ gà con vịt chít chiu giữa hai người. Không những thế, chị còn là nguồn cơn nỗi hiềm thù canh cánh trong lòng bà đối với mẹ tôi chỉ vì cái tội mẹ tôi sinh nở được mà bà thì không.

Có lẽ cả một thời thơ ấu và tuổi trẻ, chị đã không được nuôi nấng bằng tình thương yêu đằm thắm giữa mẹ con như nhiều đứa trẻ khác. Chính vì thế mà ngày nay, ký ức tôi không lưu giữ được gì nhiều về chị. Chị như cái bóng, phơ phất đó đây, không dính dấp thân thiết với bất cứ ai trong ngôi nhà rộng lớn của bố tôi trên bờ sông Gia Hội.

Tôi chỉ có một kỷ niệm duy nhất với chị vào một buổi chiều mùa hè năm 45. Bữa đó, tự dưng chị gọi tôi đến gần. Chị mặc áo lụa bombay màu hoàng yến, cổ đeo hạt vàng, chân mang hài cườm. Chị chải tóc cho tôi bằng chiếc lược đồi mồi thoang thoảng mùi thơm của tóc chị. Hai bàn tay chị có những ngón búp măng, khi chạm vào má tôi, êm mịn như tơ lụa nõn. Chị rẽ đường ngôi giữa cho tôi. Chị kẹp lên tóc tôi hai cây kẹp tăm bé tí xíu và chị dặn *"em không được đánh rơi, làm mất chị đánh đòn"*. Suốt buổi chiều, tôi không dám chạy nhảy, chơi đùa như mọi ngày vì sợ làm mất kẹp tóc của chị nhưng đến khi anh Nam bên hàng xóm bế tôi lên vai cho tôi hái trứng cá thì tôi quên khuấy hai cái kẹp tóc chị dặn. Tôi mải mê, quay quắt, luồn lách dưới những tàng lá rậm phơn phớt lông tơ để tìm quả chín, một lúc thì mất quách một chiếc kẹp. Buổi tối hôm đó, tôi nem nép lo bị chị đánh đòn nhưng hình như chị chỉ dọa cho tôi sợ chứ không thực tâm quí mấy cái kẹp tóc gắn lên đầu tôi.

Tình chị em giữa chúng tôi chỉ có ngần ấy. Cũng có những ngày người lớn vắng nhà. Bố tôi thường xuyên đi làm ăn xa, mẹ già tôi đi kiểm tra các cửa hàng gạo mở ở nhiều tỉnh lỵ khác nhau, mẹ ruột tôi phải vào đồn điền đang mùa gặt thu hoạch ở Đồng Hới, việc gia đình giao cho chị trông nom tạm nhưng không hiểu sao, tôi ít nhìn thấy chị trong ngôi nhà rộng ở phố Gia Hội. Thường chỉ có một mình tôi với chị người làm tên Nụ, nằm trở đầu đuôi trên cái võng mắc ở gian buồng giữa, tôi vừa nghe chị Nụ hát chèo vừa ăn cơm nguội chan nước sấu luộc.

Ít lâu sau khi Việt Minh cướp chính quyền trong tay người Pháp rồi người Nhật, họ đặt trụ sở ở phần phía trước ngôi nhà của gia đình tôi nên bố tôi vội vã thu xếp cơ ngơi, dọn về thửa đất gần Đò Cồn, giao toàn bộ căn nhà ở phố Gia Hội cho ủy ban nhân dân sử dụng.

Mặc dầu tấm lòng trẻ thơ trong tôi nô nức về nơi ở mới gồm một tòa nhà trên mười phòng ngủ, một khu vườn rộng hơn một mẫu tây đất đầy cây ăn quả, buổi tối đầu tiên khi về đây, tôi một mình mon men đi theo con ngõ nhỏ từ bên hông nhà chạy ra tới bến Đò Cồn, đứng nhìn mông ngược lên đường Gia Hội, nhớ nơi chốn tôi vừa rời đi. Ánh sáng ngọn đèn đầu hẻm đỏ quạch, rọi bóng tôi trên lối đi mấp mô, xào xạc những cái lá mít khô nẻ. Cảm giác buồn bã khiến tôi biết mình vừa chợt lớn, khiến tôi mơ hồ ý thức rằng đời sống ngoài sự bình yên, còn có lúc chia lìa, tan tác.

Ở lưng chừng con ngõ này, có một tòa nhà cổ hoang tàn tọa lạc giữa một khu vườn cũng rộng ngang ngửa với vườn nhà bố tôi, chỉ khác ở chỗ thiếu người săn sóc. Cỏ dại mọc cao, phủ gần lấp tấm bia đúc bằng xi măng dựng ngay ở lối vào theo hình tay ngai. Mọi người gọi tòa nhà này là phủ ông Nghè.

Tôi không biết do hoàn cảnh nào mà chỉ ít lâu sau khi gia đình tôi dọn về khu này, mẹ tôi đã quen biết thân thiết ngay với bà Nghè. Bà đi buôn hàng chuyến dừa khô và cá nục hấp phơi khô từ Tam Kỳ, Tam Quan đem về Huế trữ để bán lẻ cho người nghèo quanh vùng. Mẹ tôi dành dụm được ít vốn nên cho bà Nghè vay. Vì vậy, hàng về, bà Nghè gửi ở nhà tôi. Cá nục chỉ bé bằng một ngón tay của người lớn, xếp đầy miệng mấy cái lu sành lót lá chuối khô, ăn vã rất ngon. Đó là món ăn lót dạ của tôi sau mỗi buổi học. Có khi mẹ cho một hoặc hai con nhưng thường thì tôi ăn vụng (vì mẹ nói hàng của bà Nghè, tôi không được ăn thỏa thích).

Vườn nhà bà Nghè ngoài cỏ dại, hổ ngươi, rau sam, rau má, chỉ có hai cây đào đỏ to tướng trước nhà là tôi mê nhất. Tháng tư vào hè, đào đong đưa từng chùm đỏ mọng, khơi gợi trong tôi sự thèm muốn thảng thốt đến ngây dại. Bà Nghè có một cây sào dài dựng trong kẹt cửa để hái đào nhưng khi những chùm thấp bên dưới đã bị hái hết, tôi đành đứng nghểnh cổ bần thần mong đợi vu vơ...

Một hôm, đang chơi đùa quanh quẩn đâu đó rồi sực nhớ đến cây đào nhà bà Nghè, tôi te tái chạy vụt sang vườn nhà bà, đứng xoắn tay vào vạt áo ngắn, ngửa cổ nhìn những chùm quả lấp lửng trong đám lá nôn nao tiếng ve sầu. Đang một mình say sưa với niềm sảng khoái riêng, tôi nghe tiếng người nói sát bên cạnh *"Em thích ăn đào hả, anh hái cho"*. Tôi không biết anh là ai? Tóc anh cắt ngắn, khuôn mặt dài và xương, da rám đen. So với tôi, anh cao đến nỗi khi tôi ngửa mặt nhìn anh, mặt trời trên đầu đổ lửa vào hai mắt khiến tôi phải vội vàng nhắm tít lại. Anh leo lên cây bằng mấy cái xoạc cẳng dài. Anh hái cho tôi đầy hai túi quần những chùm đào quả to nhất. Bây giờ, tôi không còn nhớ hai người nói chuyện gì với nhau ngày ấy, chỉ biết rằng sau đó hai anh em tôi trở thành thân thiết. Anh dạy cho tôi hát bản Hòn Vọng Phu với cái đàn banjo cũ. Tiếng đàn của anh sôi nổi, tha thiết, làm tôi nghe được cả tiếng chân đi, tiếng vó ngựa dội vào vách núi. Anh còn chép hết lời bản nhạc cho tôi trên tờ giấy mỏng màu xanh. Nét chữ anh hoa mỹ, thanh mảnh, mềm mại, không giống dáng người nông dân hơi thô của anh. Về sau, tôi biết anh là con trai bà bạn hàng thân của bà Nghè, từ Tam Kỳ ra Huế vãn cảnh trước khi trở về nhận công việc trưởng ty hỏa xa Phù Cát.

Tôi không biết anh đã nhìn thấy hoặc gặp chị tôi trong trường hợp nào, có nói năng gì với chị hay không nhưng một buổi trưa, khi anh leo xuống cây đào, tôi thấy anh ngậm ở miệng một chùm quả anh hái cả cành thật đẹp và anh đưa vào tay tôi, ân cần dặn *"em đem về cho chị Thúy, quà của anh tặng chị"*. Tôi ngập ngừng, bối rối, không biết nói sao cho anh hiểu là chị em tôi chả mấy khi chuyện trò cùng nhau, không những thế, đối với tôi, chị rất nghiêm khắc và lạnh lùng. Thấy tôi đứng ngây ra, anh dịu dàng van nài *"em giúp anh nhé, rồi ngày nào anh cũng hái đào cho em và dạy em hát"*.

Con ngõ từ phủ bà Nghè về đến cổng sau nhà bố tôi chỉ chừng hơn trăm thước mà buổi trưa hôm ấy tôi đi mãi không tới. Đưa túm đào cho chị thì tôi sợ bị mắng nhưng nếu không đưa, đôi mắt anh nhìn tôi ban nãy cứ làm tôi bồn chồn, buồn bực. Tuy nhiên, lúc tôi bước qua cái sân rộng chỗ giếng nước thì chị Thúy đang đứng phơi quần áo lên dây. Nhìn bộ dạng lấm lét, hai tay dấu sau lưng của tôi, chị gọi giật tôi lại *"Mày cứ đi đâu lang thang suốt ngày như ma đói vậy? Cái gì dấu ở đằng sau?"* Tôi vội vàng chìa chùm đào cho chị, miệng lí nhí *"Anh Mỹ bên bà Nghè bảo em đưa tặng chị"*. Tôi thấy chị khẽ cau mày và chị ngúng nguẩy nhìn ra chỗ khác, nói sõng *"Đồ nhà quê"*. Nhìn theo tấm lưng thon trong cái áo cánh phin nõn của chị ẻo lả quay đi, nỗi lo sợ bị chị mắng tan biến nhưng trong cõi lòng thơ dại của tôi, cái yên lặng thăm thẳm trên khoảng sân hừng hực nắng trưa hôm ấy, lần đầu, làm dấy lên một cảm giác buồn bã. Tôi lờ mờ hình dung ra sự trắc trở trong thế giới người lớn đầy bí ẩn và những điều khắc nghiệt.

Tất cả những chuyện xảy ra giữa anh Mỹ và chị Thúy (mà tôi biết) chỉ có thế. Tuy nhiên, một buổi chiều trời đã chạng vạng tối, trong tiếng ve sầu đứt đoạn giữa các lùm cây rậm xung quanh nhà, dưới ánh sáng hiu hắt từ mấy cây đèn bình bát nghiêng qua cửa xuống mấy bậc thềm, tôi chợt thấy chị Thúy, chiếc nón lá kẹp bên hông, rảo bước đi ra cổng. Sau lưng chị, bà Nghè tất tả xách một cái vali nhỏ. Tôi không biết chị đi đâu, nhưng tự nhiên bụng tôi đau thắt như dao cắt. Tôi đâm bổ vào bếp tìm mẹ. Mẹ tôi đang thổi nấu, một tay bà cầm cái que cời rơm, một tay bà che ngang vầng trán, nền gạch chỗ bà ngồi loang vệt nước, thẫm lại.

Ngồi bên cạnh mẹ một lúc, tôi rụt rè hỏi *"Chị Thúy đi đâu hả mẹ?"* Mẹ tôi chỉ yên lặng. Trong ánh lửa rơm bập bùng, khuôn mặt mẹ như một phiến đá phẳng lì, trơ trọi, gội nước dưới trời mưa (sau này lớn lên, tôi biết nỗi đau khổ nào của mẹ cũng im lìm như đá núi). Đêm hôm ấy, tôi đang thiếp ngủ trên tấm phản kê ở đầu hè thì chợt thức giấc vì tiếng thì thào một mình của mẹ *"con ơi, con ơi, cơ cực đến thế vậy"*. Mẹ ngồi bệt trên thềm, tóa xõa đầy lưng, mặt ngửa trông lên bầu trời đêm thăm thẳm cao, mỗi ngón tay, ngón chân, mỗi sợi tóc, mỗi hơi thở của mẹ là tiếng hét thầm lặng từ những niềm oan khuất không thể tỏ bày.

Mãi lâu sau, qua bà Nghè, tôi biết chị tôi về làm vợ anh Mỹ. Nguyên nhân của việc này, cho đến nay, vẫn còn là niềm bí ẩn đối với riêng tôi.

Chị Thúy theo chồng được mấy tháng thì mặt trận Việt Minh kết thúc, quân Pháp chiếm lại các thành phố, quận huyện, làng mạc. Khi họ tiến vào Phù Cát, nghe nói anh Mỹ và chị Thúy từ hầm trú ẩn chạy về phía họ thì do ngộ nhận, quân Pháp tưởng lầm anh chị là cán bộ Việt Minh tan hàng nên bắn gục cả hai trên đường sắt trước nhà ga. Nghe nói người đưa tin cho bố tôi đã tìm thấy trong túi áo anh Mỹ tờ giấy viết những dòng như sau *"nếu tôi có mệnh hệ nào, xin người nhặt được giấy này báo tin cho nhạc phụ tôi là cụ Hường B. số nhà... đường... Thành phố Huế"*. Thương nhớ anh, tôi tự nhủ thầm *"anh chỉ có cơ hội gọi bố em là nhạc phụ khi anh qua đời. Nếu anh đã yêu chị Thúy, tình yêu ấy chỉ là giấc mơ ngắn ngủi của một mùa hè đỏ màu mận chín trong khu vườn nhà bà Nghè"*.

Mãi lâu về sau, qua câu chuyện của nhiều người quen biết kể lại, tôi biết rằng chị Thúy (lúc nhà tôi còn ở phố Gia Hội) có mối tình đầu với con trai bà Cửu Đ. là chỗ buôn bán hụi hè qua lại với mẹ già tôi. Bà Cửu Đ. nhờ người chính thức dạm hỏi chị thì bị mẹ già tôi gay gắt từ chối, chê nhà bà Cửu không môn đăng hộ đối, chê con trai bà không học hành đỗ đạt gì. Chị Thúy bất chấp sự cấm đoán của mẹ già tôi, cứ tiếp tục cuộc tình thầm vụng của chị đến nỗi có một đêm, chị bị mẹ già tôi nhốt kín trong phòng, bị đánh bằng chổi phất trần và bị cắt mớ tóc mây dài óng ả.

Sau đó, hình như chị Thúy tôi không yêu ai nữa, cũng không có gia đình nào trong cái thành phố bé tí xíu trên bờ sông Hương ấy nghĩ đến chuyện dạm hỏi chị cho con trai họ. Có lẽ vì vậy, chị sống vật vờ như một cái bóng buồn bã cho đến lúc chị bất ngờ theo anh Mỹ về Phù Cát.

Cuộc đời mẹ tôi mang nhiều vết thương sâu, số phận chị Thúy là một. Kể từ ngày chị đi, mẹ tôi không bao giờ còn nhắc nhở đến chị, cả khi tôi đã thực sự khôn lớn và hiểu được nhiều nỗi đau khổ của mẹ. Chỉ là do những người thân quen với gia đình tôi đôi lúc trò chuyện riêng cùng tôi mà tôi mường tượng hình dung lại chị *"cô không cao bằng cô Thúy ngày xưa" "bàn tay cô Thúy búp măng" "tóc cô Thúy dầy và mượt, dài chấm gót" "cô không xinh bằng cô Thúy. Cô Thúy trắng như hoa huệ, má lúm đồng tiền, mặt trái soan"* v.v...

Tôi không biết chị chết vất vưởng trên đường tàu như thế thì có mộ chôn không nhưng tôi biết tâm hồn mẹ, trái tim mẹ là nấm mộ êm ái chôn cất chị vào thiên thu.

NHỮNG CÁI THÙNG GIẤY

Cứ mỗi lần nghe Thản nói *"không có anh, em tự do"*, Chi lại dụi đầu vào cổ Thản, ngậm một chút vai chàng, cười khẽ và nói *"Em luôn luôn tự do"*. Có lẽ Chi nói theo định kiến hay thói quen, thực sự nàng không có ý niệm gì rõ rệt về điều nàng nói. Thế nhưng chiều nay tan sở ra, biết chắc Thản không điện thoại tới như thường lệ nữa, Chi thấy nàng đi những bước thong thả. Mọi khi gặp người quen trên hành lang lối ra, Chi chỉ chào hỏi chiếu lệ rồi đi ngay. Bây giờ Chi không có gì phải vội vã cả. Nàng vừa đi vừa ngắm mình biến dạng trong miếng kiếng tam giác lồi gắn sát trên góc trần nhà, hơi tinh nghịch đong đưa cái hông bó lẳn trong chiếc quần ống chật. Nàng cố ý nhìn sâu vào mắt những người qua lại, trao đổi những câu xã giao mưa nắng, giữ dùm cái cửa cho một người còn cách nàng cả chục thước và mỉm cười vu vơ.

Chi bước xuống mấy bậc thềm. Gió ở bãi đậu xe luồn lên thân thể nàng, mát rượi. Chi chợt có cái cảm giác thoải mái buồn bã, như một người vừa ngủ dậy trên chiếc giường nằm một mình trong căn phòng vắng lặng, nhìn ra bên ngoài thấy buổi chiều đang xuống mờ mờ. Hôm qua Thản nói với Chi *"Sao phải làm lớn thêm vết thương của Liên và của anh? Mọi việc cứ sẵn thế"*. Chi đang cười cười. Câu nói của Thản làm rủ đôi môi Chi, như khi người ta tháo cái dây buộc lá màn cửa sổ. Phải mất một lúc Chi mới đưa được bàn tay lên xoa xoa mặt để làm dãn các thớ thịt râm ran tê cứng. Hình như Chi có chua chát kêu thầm *"thế còn vết thương của em?"* Kêu xong, Chi trở thành người ngoại cuộc.

Tình yêu chỉ cần hai người. *"Mình đang đánh bài hai lá, anh có một lá thứ ba. Một là anh ăn gian, hai là anh và em không chơi cùng một trò chơi"*. Hai mắt Chi lỏng ra, nước chảy xuống hốc mũi.

Chi ngồi vào xe, nhìn vẩn vơ sang ghế bên cạnh, tưởng như cố nhớ một điều gì nhưng đầu óc nàng trống không. *"Từ nay thật là chỉ còn một mình"*. Không có người ngồi, không dùng vào việc gì, cái ghế vẫn cứ ở chỗ của nó, một cách phí phạm. Chi lưỡng lự, nửa muốn chạy xuống phố, đến chỗ đông người và bè bạn, chuyện vãn đủ mọi đề tài trên trời dưới biển, tận hưởng một buổi chiều tự do không có gì ràng buộc, tận hưởng cái tự do của một người đàn bà được quyền nghe và được quyền đón nhận hay từ chối những lời tán tụng tỏ tình, như trò chơi của những người lớn không có phương tiện và điều kiện làm bất cứ một việc giải trí nào khác. Ý nghĩ ấy làm Chi cảm thấy buổi chiều nhạt nhẽo, nàng quyết định chạy xe về nhà.

Trên đường đi, Chi tạt vào một khu mua sắm lớn của người Mỹ. Thỉnh thoảng, những lúc mệt mỏi hay lười biếng, Chi thường la cà đi shopping. Nàng nhặt một đống lớn quần áo đem vào phòng thử, thay đổi y phục và ngắm mình trong gương. Cái cảm giác là một người khác làm Chi vui vui. Tuy vậy, chiều hôm nay Chi không thấy ai khác trong gương. Nỗi buồn rầu khiến Chi nhận ra chính mình. Chi lại nhớ câu Thản thường nói *"không có anh, em tự do"*. Chi vẫn hay cãi Thản điều này. Nàng tin rằng tình yêu và tự do có cùng bản chất, không cản trở nhau, không hủy hoại nhau mặc dầu ngay lúc này, Chi bực bội thấy lòng nàng cứ vướng bận điều gì phiền não không nguôi.

Về tới nhà, chuông điện thoại reo. Chi nhấc máy, mơ hồ nhớ Thản. Tiếng nói của người ở đầu dây là thanh âm vọng đến từ một đời sống có thật, bên ngoài Chi. Chi mừng rỡ, tựa như có một chỗ dựa lúc nàng sắp té quị. Chi nghe nàng cười to hơn, lâu hơn mọi khi, lòng nàng tan chảy, giọng nàng ân cần (tôi biết anh khổ lắm, tôi cũng khổ, tội nghiệp anh). Người bạn bên kia đầu dây khá thông minh và nhậy cảm *"Hôm nay Chi sao vậy? Bị kép cho de hả?"* Không, kép của Chi không cho Chi de, chàng chỉ ép Chi như người ta ép mía, ép đậu thôi. *"Anh viết thư cho Liên, mỗi tháng một lần"*. Vậy là anh vẫn có những điều chia sẻ và cả bổn phận nữa, với một người khác em. Đối với em, anh không bao giờ phải có bổn phận. Luôn luôn nỗ lực cổ xúy và bảo vệ tự do, lần đầu tiên Chi thất vọng nhận ra rằng tự do chỉ là một ý niệm trừu tượng nhằm trang điểm cho đời sống, là cái lý tưởng để theo đuổi mà không bao giờ có ai thực sự đạt đến. *"Đồng hóa tình yêu với tự do, em chỉ nhìn ngắm vẻ đẹp* *diễm lệ của nó ngoài tầm tay. Đồng hóa anh với tự do, em không bao giờ thực sự có anh trong đời."*

Đầu óc Chi lùng bùng câu hỏi *"Thản viết gì cho Liên vậy?"* Trí tưởng nàng quay mòng mòng chiếc phong bì với nét chữ Thản đề tên Liên và thành phố Liên ở. Kỳ cục. Có một trong hai mối liên hệ ẩn chứa những điều không chân thực hoặc cả hai. Lòng Chi quặn đau. Thản mà nàng biết không giống như cái hình ảnh Thản mà nàng đang phải đối diện. Cái nào thật, cái nào giả hay không có cái nào là thật cả? Chi nhớ giọng nói đứt hơi của Ngàn hôm Ngàn đi tìm nàng ở chỗ sở làm để nói điều bí ẩn ghê gớm nhất (mắt Ngàn thất thần, da mặt nàng nhợt ra) "Chi đừng nghe lời cha Vinh nha. Có người nói thấy chả đem đàn bà về ngủ đêm trong phòng đó". Chi chỉ cười. Ít nhất thì hành động Vinh mua hoa hồng cuống dài tặng nàng hàng tuần và Vinh ngủ với đàn bà trong phòng, không giống nhau.

Thản lại gọi điện thoại cho Chi, như không có chuyện gì bất an giữa hai người. Chi lại thấy nàng vâng dạ, cười, nói chuyện bang giao Mỹ Việt, chuyện chống cưỡng bách hồi hương người Việt tỵ nạn ở Hồng Kông, chuyện mưa nắng. Có những khoảng trống yên lặng. Chi đoán ra sự gượng nhẹ của Thản bên kia đầu dây, như người rón rén nhai một miếng cơm có sạn. Phía bên này, Chi ngượng ngùng vì ý nghĩ nàng là nguyên nhân của cái tình thế trắc trở giữa hai người.

Thừa hưởng của mẹ tính nhẫn nhục, kỷ luật, khép mình, Chi ứng xử thụ động trong mọi trường hợp, giống như một người bị thương trí mạng, co mình lại ôm lấy chỗ đau đang chảy máu. Nỗi buồn như hòn lửa nung âm ỉ bên trong Chi, bỏng rát, khô cháy, bất lực.

Đặt ống điện thoại xuống, cảm giác hiu quạnh tăm tăm thấm vào nàng như con sóng rạt từ lòng khơi xô lên bờ cát nén chặt cứng. Đáng lẽ Chi khóc ngất, van lạy Thản đừng viết thư cho Liên nữa vì cứ nghĩ đến lúc Thản ngồi viết thư cho Liên (chắc lòng Thản nặng trĩu những kỷ niệm đằm thắm giữa hai người) Chi tưởng chừng ngòi bút Thản cắt những đường tưa máu trên da thịt nàng. Đáng lẽ Chi cau mày, lạnh nhạt nói với một Thản vì liên quan đến Liên nên không liên quan đến nàng nữa *"xin lỗi, đã có lúc em nhận hết anh nên em không chia"*. Đáng lẽ Chi phải làm một điều gì khác để chấm dứt mọi chuyện nhưng Chi lại trơ ra như một cái mặt nạ. Có người nói tình yêu phải chuyên chính, như cọng sản. Tình yêu mà hiền dịu như tiên, như bà xơ, như ni cô là không yêu nữa, là thoát tục, là đi tu rồi.

Khi Thản hôn Chi, đè cả người chàng lên mình Chi, Chi muốn vùng dậy từ khước Thản nhưng Chi lại thấy mình cắn răng, nhắm mắt. Vòng tay Chi ôm siết lưng Thản nhưng ở một nơi thầm kín, cơ thể nàng đau buốt. *"Có một lúc nào đó, ở một chỗ nào khác, Thản cũng ôm Liên như vậy"*. Chàng kêu khẽ, tiếng kêu kéo cao như tiếng khóc nấc, tiếng kêu của một con thú nhỏ bị thương, co ro, rét mướt ẩn dưới một lùm cây. Nước mắt Chi trào ra. Cả người Chi cong lên một cách tuyệt vọng. Cả người Chi xoắn lại như cái khăn mặt bị vắt kiệt. Cả người Chi lao đao, bầm dập, như sợi dây chão lăn trên cái ròng rọc.

Trong đôi mắt nàng nhắm chặt, nhức buốt như bị vãi muối vào, Chi bỗng thấy hiện lên, rõ mồn một, khuôn mặt nàng nhăn nhúm, méo mó, bợt bạt như đắp vôi, hai hàm răng trắng đục, khô nẻ, dô ra, giống như khuôn mặt một con thú người dị hợm. Chi thấy nàng lăn lộn giữa những cái thùng giấy đủ cỡ, những cái chậu nhựa nhếch nhác, tuột trên cái sàn nhà trơn như mỡ mà nàng cứ phải bấu chặt mười đầu ngón chân khi di chuyển. Tứ bề xung quanh Chi, tiếng cười nói lao xao, hỗn độn, những cái móng tay dài ngoằn ngoèo chờn vờn vồ lên mặt nàng, đôi môi ẩm ướt của Thản mò mẫm trượt trên đôi môi tê cứng của Chi.

Chi mệt lả. Nàng cắn răng, ngậm chặt một cái gì trong miệng để cưỡng lại những cái thùng giấy như một giòng nước đục lờ cuốn nàng đi. Ở tít tắp đằng kia, trong một khoảng sáng lờ mờ, chỉ còn cái lưng áo Thản chập chờn mà hình như Chi vừa cố rướn tới lại vừa rùng mình co rúm người lại vì sợ chạm phải.

Trong bóng tối đột nhiên yên tĩnh kỳ lạ, Thản cảm thấy cánh tay Chi đang quấn trên lưng chàng bỗng lỏng ra. Chàng ngửi thấy một mùi tanh nhẹ thoảng lên trong không khí ấm tỏa ra từ thân thể nàng.

CÁNH ĐỒNG NƯỚC BẠC

Sáng sớm hôm qua, trên đường đến sở làm, vừa lách khỏi xa lộ 5 hướng bắc để vào xa lộ 405, chạy qua cây cầu lượn vòng vào Irvine, tôi giật bắn người trên ghế lái vì chợt trông thấy một cánh đồng nước bạc, rộng cả mẫu tây, bất ngờ hiện ra bên tay phải tôi, chạy dọc dài theo xa lộ. Cái cánh đồng nước bạc này giống y chang cánh đồng nước bạc trước nhà tôi ở làng Phù Mỹ, quận Tả ngạn thành phố Huế, là biên giới ngăn đôi làng này đến tận bờ sông Bao Vinh.

Vì xe chạy với tốc độ nhanh, lại cách quãng hai dòng xe bên phải, tôi tự nhủ lòng sáng hôm sau phải chuẩn bị chạy len trong từ bên kia cầu, để nhìn cho kỹ.

Mặc dầu không còn bất ngờ như sáng hôm trước, vậy mà khi cái bề mặt trắng xóa của thửa đất hiện ra trong tầm nhìn, tôi vẫn bồi hồi xúc động, mắt ứa lệ, hơi thở đứt quãng trong lồng ngực.

Suốt một thời thơ ấu, tôi đã trải qua những bắt đầu mùa đông dài ở Huế bằng một buổi sáng thức dậy đi học, nhìn qua cửa sổ, thấy cánh đồng trước nhà chiều hôm trước còn lam nham những gốc rạ xám, bây giờ nước ngập trắng xóa như một dòng sông mênh mông. Mùa đông trở lại có nghĩa là tôi sẽ phải xăn quần lội nước lụt, sẽ phải đi bẩy cây số đường dưới trời mưa tầm tã để đến trường trong thời tiết giá rét, thế nhưng cứ buổi sáng mùa đông đầu tiên nhìn thấy lại cánh đồng trước nhà ngập nước là lòng tôi rưng rưng mừng rỡ, như thể được gặp lại người bạn thân quen, sau những ngày xa vắng, không quên quay về đúng hẹn.

Thật ra, thửa đất trắng xóa chạy dài bên hông xa lộ 405, chỗ rẽ vào Irvine, chỉ là ruộng dâu người ta mới trồng, được căng ny lông hết bề mặt canh tác theo kỹ thuật tân tiến ở đây. Chỉ là ảo giác. Vậy mà suốt hai buổi sáng qua, lòng tôi như lửa nung, tim tôi đập những nhịp bàng hoàng.

Trong số bạn bè cầm bút, có một anh người Bắc trăm phần trăm, không lai căng như tôi, anh ấy thường chế diễu *"Ôi, Huế của các bà thì có gì hay đâu mà cứ Huế yêu dấu với chả yêu dấu, nói mãi..."*. Người bàng quan, làm sao hiểu được, đối với riêng tôi, Huế là khu vườn ướt đẫm mồ hôi lưng áo mẹ, là con đường chói lòa nắng trưa in dấu chân mẹ về chợ, là đêm trăng trên mặt hồ thăm thẳm tiếng dế trong bờ cỏ, con bé nằm trên cái phản gỗ, cố căng mắt ra nhìn trăng xế sau ngọn cau ở góc sân để đoán chừng mẹ sắp thu dọn xong công việc hàng ngày và sẽ lên ngủ với nó. Đấy là những kỷ niệm dễ nhớ, dễ kể, còn biết bao điều không thể nói, không thể quên, không bao giờ tìm thấy lại, cứ mãi là nỗi ám ảnh không rời...

Ngày ấy tôi còn quá nhỏ để nhớ rõ trong trường hợp nào thầy K. đến ở trong nhà tôi. Hình như thầy dạy anh tôi học ở trường Thiên Hựu. Trong số học trò của thầy, thầy cưng nhất anh tôi và anh A. Diệm, cả hai đều cốt cách thư sinh. Anh A. Diệm khuôn mặt bầu bĩnh, trắng hồng, có mái tóc xõa xuống nửa trán, giống như nhà thơ Xuân Diệu mà tôi nhìn thấy ở tấm hình đăng đâu đó trên sách báo thời ấy. Những ngày nghỉ, bộ ba này thường đi chơi bên nhau bằng xe đạp, hai người nói cười nhỏ nhẹ và hiền hậu bên cạnh vẻ ranh mãnh riêng biệt của anh tôi. Về sau, không rõ vì nguyên do nào, thầy K. bỗng trở thành người khách quí cư ngụ thường trực trong gia đình tôi. Bố tôi rất quí trọng thầy. Cảnh nhà tôi tuy bề ngoài trông vẫn bề thế nhưng bên trong thực sự đã sa sút nhiều lắm. Tuy vậy, tôi thấy bố tôi đưa thêm tiền chợ cho mẹ tôi và dặn dò bà cẩn trọng *"cô sửa soạn cơm cho ông giáo tươm tất nhé"*. Mùa đông ở Huế trời lạnh cắt da, cơm canh chỉ một chốc là đi hơi, nguội ngắt. Anh tôi và thầy K. đi chơi về muộn thế nào mặc lòng, bao giờ mẹ tôi cũng cặm cụi dóm cái bếp củi hâm lại thức ăn cho nóng rồi mới dọn ra bàn.

Cuộc sống năm người chúng tôi trong tòa nhà rộng, êm đềm trôi. Qua năm sau, anh tôi rời trường Thiên Hựu, về học ở lycée Français, đối diện với nhà bưu điện thành phố. Thầy K. cũng bỏ nghề dạy học, nhờ bố tôi vận động xin vào quân đội. Có những thời kỳ thầy đi tập huấn ở xa, tôi thấy thầy gởi thư và quà về cho anh tôi, có cả một cái sơ mi thật đẹp. Có một lá thư của thầy mà anh đem khoe với tôi, trong ấy viết *"cậu cố gắng học giỏi cho cụ* *vui, khi về, thầy sẽ mua cho cậu chiếc xe lambretta cậu thích".*

Một buổi tối mùa hè, người đầy mồ hôi và bụi đất sau cả một ngày lăn lộn giữa những khóm cây ăn quả ngoài vườn, tôi chạy vào nhà qua lối phòng học bên cánh phải. Đà chạy của tôi khựng lại vì anh tôi đang ngồi trên cái ghế thấp giữa lối đi, bên cạnh cái xe lambretta màu trắng bóng lộn, đẹp và khỏe như một con ngựa tơ. Dưới ánh sáng ngọn đèn bóng vàng ròng dây ra tận mũi xe, đôi mắt anh tôi thờ thẫn, khuôn mặt anh ngây ra, như một người say thuốc. Tôi biết thầy K. đã về nhưng hôm đó tôi nhớ không nhìn thấy thầy trong nhà. Đối với tôi ngày ấy, sự có mặt của thầy K. là mâm cơm đậy lồng bàn gọn ghẽ mà mẹ bày sẵn trên bếp mỗi buổi chiều, là tiếng đàn banjo thoang thoảng từ phòng học của anh tôi hoặc tiếng nói chuyện rì rào, chốc chốc chen lẫn tiếng cười của hai người. Có một bữa, không biết thầy K. ở đâu, tôi chỉ nhớ anh tôi đứng gần tôi, hai tay anh dấu cái gì đó sau lưng và anh thì thào nói *"mày biết không, tao bắt được thầy K. xem báo đàn bà ở truồng"*. Ngày ấy tôi còn bé, chưa có ý niệm về dục tình nên tôi chợt nghĩ *"chắc thầy K. cô đơn lắm"* và tôi hỏi anh tôi *"Sao thầy K. không cưới vợ nhỉ?"*. Anh tôi cười rụt cả cổ và hai vai *"thầy xấu như ma, ai thèm"*. Ngày ấy còn bé, tôi cũng không hiểu vì sao đàn ông xấu xí không lấy được vợ, chỉ thấy tội nghiệp thầy.

Mùa xuân năm 1954, tôi mười sáu tuổi. Kể cả những khoảng thời gian cách quãng thầy K. đi học xa, thầy đã là thượng khách trong gia đình tôi suốt bốn năm. Tết năm đó, mẹ già tôi từ khu tư hồi cư. Sau một thời gian dài vắng mặt, nay mẹ già tôi về giữa cái khung cảnh hầu như không còn một dấu vết quyền uy nào của bà trước kia: hai đứa con của người vợ bé hèn mọn (anh tôi và tôi) nay đã khôn lớn, đã gọi mẹ chúng nó bằng mẹ (chứ không còn gọi bằng chị nữa), đã hứa hẹn một tương lai an nhàn cho người đàn bà trước đây vẫn sớm tối bưng cái chậu nước nóng đến tận giường để bà rửa mặt hay ngâm chân, ngay người đàn bà ấy nay cũng một mình quán xuyến trong ngoài cả cái cơ ngơi to lớn nhà họ Bùi, như một bà chủ thực sự. Cho nên, việc đầu tiên mẹ già tôi làm là bà lập tức tái lập uy quyền của bà trong ngôi nhà chúng tôi đang sống êm đềm, bắt đầu bằng việc đuổi thầy giáo. Bà ngồi vắt vẻo trên sập gụ, đầu cái xe điếu thuốc lào gác lên ngực áo lụa, hai ngón tay bà rút những sợi thuốc mầu nâu ra khỏi cái ống bạc chạm trổ long phượng rồi ve ve nhồi vào nõ điếu, nói dõng dạc từng chữ *"Sao phải cơm bưng nước rót cho người bá vơ? Học ở trường là đủ rồi. Cứ hầu hạ như thế, không thấy chướng mắt à?"* Mẹ tôi lùi xuống bếp, khóc thầm. Trong trí tưởng hồn hậu của người đàn bà quê mùa này, thầy giáo là người ơn rất quí trọng vì thầy là nguồn gốc cái tương lai tươi đẹp của con trai bà. Mẹ nín thinh, nuốt sự tủi nhục vào đáy lòng nhưng anh tôi nhè nó ra, anh hét lên *"không ăn cơm thì thôi nhưng cứ ở, nhà của bố"*. Từ đấy, thầy K. mang theo trong cặp da của thầy, phần cơm tối đựng trong cái cà-mèn quân đội bằng nhôm, dẹp như một cái hộp. Sự vô tư của một cô bé mười sáu tuổi ngày ấy không cho phép tôi suy nghĩ lâu hoặc hình dung ra sự buồn bã bên trong những bữa ăn kham khổ, thô sơ như thế. Thỉnh thoảng tôi nhìn thấy thầy K. ăn bằng một cái thìa sắt. Thầy thường ngồi bên cái cửa sổ nhỏ có chấn song. Khuôn mặt đen đủi của thầy nhòa vào cái tối nhờ nhờ của hoàng hôn bên ngoài, cả người thầy chỉ còn là một khối bóng tối cử động thầm lặng.

Sau đó ít lâu, anh tôi tình nguyện nhập ngũ. Anh rời Huế vào tập huấn tại quân trường Thủ Đức. Thầy K. cũng rời gia đình tôi kể từ ngày ấy. Có lẽ thầy có chào bố tôi nhưng đối với riêng tôi, thầy chưa khi nào chuyện trò, hỏi han gì, khi ở cùng, khi đi xa hay khi trở về. Trong khu nhà rộng, lúc bấy giờ, chỉ còn một mình tôi nay dọn qua căn phòng học của anh tôi ngày trước. Sau này, tôi vẫn ngồi học ở cái bàn kê bên cạnh cửa sổ, chỗ thầy K. thường ngồi ăn tối với cái cà-mèn quân đội màu xám đen. Tuy nhiên, cõi lòng cô thiếu nữ ở tuổi mười bảy không có chỗ cho hoài niệm. Bên cái khung cửa sổ xanh biếc màu hoa thiên lý ngày ấy, tôi tập tành làm thơ, viết văn, mơ mộng một thế giới thần tiên của riêng mình, chẳng có phút giây nào chợt nhớ hay chợt hình dung lại thầy.

Người Pháp gọi tuổi niên thiếu là tuổi bạc bẽo. Có lẽ không chỉ một mình tôi, hầu hết các cô gái trên cõi đời này đều đã đi qua thời trẻ dại bằng những bước chân vô tư. Bây giờ ngồi ôn lại kỷ niệm cũ, tôi vừa buồn rầu vừa ngại ngùng biết rằng đôi mắt thầy K, ngày ấy có nhìn tôi trong ngôi nhà rộng mênh mông của bố tôi ở làng Phù Mỹ. Cái nhìn của thầy, hẳn phải rất âm thầm. Nó không khơi động bản năng con gái nơi tôi, như cái nhìn của anh Du (một bạn học của anh tôi) từ góc vườn phía cổng trước trong khi tôi đang chơi nhảy dây ở sân sau, cái nhìn chỉ một tích tắc đồng hồ va chạm qua không gian năm chục thước cách khoảng, đã khiến tôi bất ngờ nhận ra cái áo cánh lùng thùng tôi đang mặc có lẽ hơi mỏng.

Bây giờ nghĩ lại, tôi thành thực ngạc nhiên không hiểu vì sao thầy K. biết tôi thích làm thơ và viết văn? Những bài viết thời trẻ con của tôi hồi đó tuy thỉnh thoảng có được đăng rải rác trên một số báo và tạp chí nhưng tôi ký những bút hiệu rất cải lương, để không ai biết. Những bài viết ấy, tôi biết chắc thầy K. chưa bao giờ có dịp đọc. Tôi đoán có lẽ do tiếng gõ máy chữ hai ngón lọc cọc của tôi những đêm cuối tuần. Phòng học của tôi sát vách phòng ngủ của anh tôi và thầy K. Có một cái cửa thông giữa hai phòng mà mẹ già tôi đóng đinh hai cái then ngang ở mỗi bên.

Tuần lễ đầu tiên sau khi anh tôi đi Sài Gòn và thầy K. rời gia đình tôi, chiều thứ năm đi học về, tôi được mẹ đưa cho một gói giấy to, nói là thầy K. nhờ một người lính mang lại. Trong cái gói giấy to ấy, thầy gởi cho tôi đủ mọi loại báo và tạp chí xuất bản trong tuần lễ vừa qua (mà thầy thu thập không sót một tờ nào, kể cả tờ quân đội do anh Tô Kiều Ngân phụ trách). Từ đấy, hàng tuần, mỗi thứ năm, tôi đều nhận được một gói ấn phẩm văn học (có khi có cả sách mới in) do thầy nhờ người đem tới, những gói giấy to không có gì khác hơn sách báo. Tôi nhận, tôi đọc, không biết vì sao không băn khoăn cả một lời cám ơn.

Hết hè năm sau, tôi vào lớp đệ tam C trường Khải Định cùng với Cỏ Tháng Giêng. Một buổi sáng mùa thu trời nặng mây, gió se lạnh, hai đứa đang ngồi trong lớp bỗng nhìn nhau ứa lệ, chẳng bởi nguyên nhân nào, có lẽ tại vì mùa hè rực rỡ của tuổi thơ ngây Đồng Khánh vừa qua đi, đã cách tầm nhìn một khoảng với, như hiên trường Khải Định cách hàng sáo tre trên hiên trường Đồng Khánh một không gian không có đường quay lại. Hai đứa bỏ lớp, đèo xe đạp nhau về, nằm bên nhau nói chuyện vu vơ. Sau đó, Cỏ Tháng Giêng đi Sài Gòn, bỏ lại sau cô khung trời Huế êm đềm không còn dung chứa được những nhịp vỗ thao thức của dòng sông trên đường ra biển lớn. Sau đó, tôi đi Sài Gòn, thi vào trường nữ hộ sinh Quốc Gia, bỏ lại ít nhất một gói giấy to vào buổi sáng thứ năm tuần lễ đầu tiên sau khi tôi rời Huế không một chút bận tâm báo tin từ giã. Những gói giấy tiếp tục theo tôi đến địa chỉ mới, đều đặn, kiên trì, lặng lẽ, không làm cho tôi hiểu được cái nội dung ngoài những trang giấy in bên trong nó.

Một buổi chiều, thầy K. đến thăm tôi ở Sài Gòn, mang theo cho tôi một con chó bông trắng. Lên giây cót, con chó con vừa đi ngoe nguẩy cái đuôi, vừa sủa, lo le cái lưỡi đỏ làm bằng một miếng nỉ. Thầy nói đấy là quà của thầy. Thầy cũng mang cho tôi một gói mít phơi khô, nói là quà của khu vườn nhà thầy bên Bến Ngự. Mẹ tôi gởi cho tôi hộp kẹo mè xửng kèm với lá thư mẹ viết nguệch ngoạc nỗi thương nhớ hai đứa con cùng đi xa... Không biết thầy ở Huế vô đã bao lâu nhưng thầy chỉ đến chỗ tôi ở buổi chiều cuối cùng trước khi về lại Huế. Lúc chào thầy, tôi thành thực nói *"thỉnh thoảng thầy viết thư thăm con"*. Thầy cúi mặt cười, nói nhỏ *"viết làm chi, người ta đâu thèm trả lời"*. Đấy là lần đầu tiên thầy K. và tôi đứng đối diện nhau. Đấy là câu nói riêng tư đầu tiên thầy K. nói với tôi, lúc ấy làm tôi rất đỗi ngạc nhiên vì đó là cách nói của một người đàn ông với một người đàn bà.

Sau câu nói, thầy vội vã quay đi. Lần trực diện đầu tiên này cũng là lần cuối cùng tôi nhìn thấy thầy.

Dòng đời trôi chẩy, tôi được tin thầy lập gia đình với một bạn gái cũ của tôi hồi học trường Jeanne d'Arc. Khi tôi về học đại học Huế, hình như thầy đã dời vô Sài Gòn vì công vụ. Vài năm sau, đến lượt tôi lên xe hoa về nhà chồng. Một trưa mùa hè oi ả năm thứ nhất làm vợ của tôi, về thăm nhà, tôi đang ngồi chơi với bố ở bậc thềm nhà ngang thì thấy chiếc xe jeep xịch đỗ ngoài cổng, thả xuống một người đàn bà xô gai trắng toát. Tới gần, tôi nhận ngay ra T, vợ thầy K. Không để ý đến tôi, T. sà xuống bên cạnh bố, cánh tay lồng dưới quai chiếc nón lá cắp ngửa: *"Thưa Cụ, anh K. con mất rồi. Trước khi nhắm mắt, anh dặn con phải đến báo tin để Cụ biết"*. Bố tôi ngước mắt trông lên khoảng không, như đang lắng nghe một thanh âm lạ và mơ hồ. Lát sau, mái tóc bạc phơ của bố, hai vai bố, cái lưng còng của bố đổ xuống chiếc chiếu đang trải trên hè nhà. Tôi nâng bố dậy, khuôn mặt bố đẫm nước.

Tôi đi đánh điện tín gọi anh tôi từ tiền đồn Quảng Trị về. Ngày hôm sau, hai anh em tôi theo địa chỉ T. để lại, tìm đến phần mộ thầy trên một đỉnh đồi trơ trọi. Buổi trưa hè ở Huế hừng hực nóng, nắng trưa chói lòa khắp xung quanh nhưng lòng tôi âm u buồn. Sau khi viếng mộ thầy, anh em chúng tôi thay mặt bố, đến chia buồn với thân mẫu thầy trong ngôi nhà bên Bến Ngự. Căn nhà nhỏ, mái ngói rêu phong lẫn với bóng lá những cây ăn trái, lối vào chỉ vừa một người đi, quanh co trên những bậc thềm đá mấp mô. Đi qua cây mít trĩu quả, tôi nhớ lại buổi chiều gặp thầy lần cuối cùng ở Sài Gòn. Trên đời này, quả thật có những chia ly đã bắt đầu ngay từ trong hạnh ngộ.

Nhiều chục năm trôi qua kể từ ngày thầy mất. Bố tôi qua đời, mẹ già tôi qua đời, mẹ đẻ tôi qua đời. Cùng với những nấm mộ rải rác trên dòng thời gian, từng phần đời tôi cũng chôn vùi theo.

Tôi tin chắc rằng trong đáy lòng mỗi chúng ta ai cũng có một khung trời tuổi nhỏ muốn quay về. Trên tất cả những miền đất nước in dấu chân qua, Huế là nơi tôi gởi lại sức sống trong trái tim mình.

Cali 91

CHỖ VỀ

Riêng tặng Tr. M. Tú

Ở chỗ bán cà phê và giải khát ra, con gái Ngân bảo nàng:

– Mẹ ngồi đây chờ con hay cùng đi?

Chỗ hai mẹ con đứng ở dưới cái vòm cao lợp kính sáng trưng. Sắp đến lễ Tạ Ơn, người ta treo lủng lẳng mấy con tàu làm bằng móp phất giấy trang kim lóng lánh. Gió từ bên ngoài luồn qua các khe hở trên mái hoặc các cửa mở toang hoác bên dưới, làm đong đưa cả cái vạt áo trắng của bà tiên ngồi phiêu diêu trên mạn một con thuyền. Ngân ngước nhìn cả cái vòm không gian lổn ngổn những thứ đồ trang trí lỉnh kỉnh ấy, nghĩ thầm *"Người Mỹ thích những chuyện thần thoại, để kéo dài tuổi thơ ít oi"*.

Ngân trả lời con:

– Ừ, mẹ ngồi đây chờ.

Con bé đi lẩn vào đám đông, dáng vội vã. Cả đêm hôm qua nó không ngủ vì ca làm nhưng sáng sớm lúc về tới nhà, nó đánh thức nàng và nói:

– Áo khoác bằng da chỉ bán hạ giá một ngày hôm nay thôi, con muốn mua tặng Nam, mẹ đi với con.

Ngân mỉm cười, nghĩ đến tình yêu của hai đứa chúng nó, cảm thấy một chút ấm áp lan tỏa trong cõi lòng tĩnh lặng của nàng. Chẳng biết từ bao giờ, Ngân không còn buồn vui cho chính nàng nữa. Ngân có cảm tưởng nàng như một tấm gương soi, phản chiếu xung quanh nhưng không phản chiếu chính mình.

Lựa áo với con xong, lúc đứng ở quầy trả tiền, con bé rụt rè nói:

– Con muốn mua biếu mẹ một chiếc.

Ngân cười với con:

– Những người trẻ yêu nhau không bao giờ nên có mặc cảm phạm tội cả. Mẹ không thích áo khoác bằng da.

Trả tiền xong, con bé hỏi vu vơ người bán hàng:

– Tôi không nghĩ là tiệm có một cái hộp nào đủ to cho cái áo này đâu nhỉ?

Người đàn bà Mỹ La tinh có mái tóc đen rậm vừa buộc cái miệng túi ni lông dài bọc cái áo, vừa trả lời bằng cái giọng trong veo vô cảm giác:

– Chúng tôi có chỗ gói quà cho khách ở lầu ba.

Con bé sáng mắt ra, thở phào nhẹ nhõm. Thế nhưng quầy gói quà đông nghẹt người. Một bà Nhật đứng nhìn tần ngần mấy cái hộp mẫu, dáng không ưng ý kiểu nào nên cứ hỏi dai dẳng:

– Còn kiểu nào khác nữa không?

Sau lưng bà ta, cách con bé, một bà người Á châu thấp xủn, mặt mũi xấu xí, đi lại lồng lộn như một con cọp đói. Bà vung vẩy hai tay, phân bua một mình "*Sao lại để* *ít người thế? Đáng lẽ ít ra cũng phải có hai nhân viên tiếp khách chứ?"*

Ở cái xứ này, xem ra ai cũng tiếc thời giờ cả mặc dầu thời giờ thì có được dùng vào cái việc gì ra hồn đâu?

Lúc đi xuống tầng dưới, con bé khúc khích cười:

– *Mẹ ơi, hèn gì đàn ông không chịu lấy vợ xấu, xấu người xấu nết luôn!*

Ngân ngồi xuống cái ghế bọc da, chờ con. Bàn bên cạnh có một bà mẹ trẻ da trắng ngồi cho con bú. Thằng bé con nằm lọt thỏm trong cánh tay bà, tã lót trông xa trắng lốp như một con ngỗng. Một cô bé gái chừng hai tuổi, quanh quẩn chơi bên chân mẹ và em. Cô nói cười luôn miệng trước cái ly seven up còn sủi bọt. Hai mẹ con chuyện trò tíu tít. Thỉnh thoảng bà mẹ cúi xuống hôn vào trán cậu bé. Lúc bà ngẩng lên, hai mắt bà hơi ngây ra, khiến Ngân nghĩ thầm *"hạnh phúc nhiều lúc có bộ mặt mệt mỏi"*.

Cậu bé bú một hơi hết bình sữa. Bà mẹ vác cậu lên vai, như người vắt cái khăn lau, vỗ nhẹ vào lưng cậu mấy cái xong đặt cậu vào cái xe đẩy. Bà nhanh nhẹn thu dọn đồ đạc. Cô bé tụt xuống đất, hai bàn tay nhỏ xíu của cô đẩy cái ghế sâu vào gầm bàn. Bà mẹ cám ơn cô con gái cưng bằng nụ cười sáng rực trên khuôn mặt phảng phất bóng tối từ hai quầng mắt sâu. Ngân lại nghĩ thầm *"thế mà nhiều người cứ nói là trẻ con Mỹ không được dạy dỗ đàng hoàng. Hóa ra con người sống bên cạnh nhau mà nhiều khi chả hiểu gì nhau cả, có khi còn hiểu sai."*

Bà mẹ và hai đứa trẻ đi rồi, trước mặt Ngân chỉ còn mấy cái vòi đang phun nước trong cái hồ nhân tạo ngay trung tâm khu thương mại.

Ngân ngồi nhìn mấy cái vòi phun nước cùng một kiểu, ở một tầm cao đều đặn đã tính toán trước, chợt thấy chán. Trong cái thành phố Ngân ở và làm việc, cảnh trí chỗ nào cũng đẹp đẽ, ngăn nắp, tinh tươm cả. Cái vẻ đẹp để lộ rõ kỷ luật, trật tự, sự sắp đặt theo lịch hoặc đồng hồ cọng với thời khóa biểu cuộc sống của riêng Ngân cũng rập khuôn theo những thứ ấy, khiến Ngân cứ cảm thấy đau đớn, trệu trạo, như bị gói chung với sỏi đá nhọn. Qua thời gian đầu, Ngân loay hoay trăn trở, tìm một khe lách để có chỗ nằm êm, lâu dần, nàng tê điếng, nguội lạnh, trở thành một viên đá sỏi in hệt những viên đá sỏi gói chung với nàng và ngày càng vùi lấp nàng.

Về sau, Vĩnh thường điện thoại hỏi dò Ngân:

– *Em có gì lạ không? Sao không viết thư? Chắc bên đó vui lắm?*

Ngân ngập ngọng, như người nhai phải sạn:

– *Em không có gì để viết cả.*

Trong mấy giây im lặng tiếp theo, Ngân nghe được câu hỏi nén trong lồng ngực Vĩnh:

– *Em còn yêu anh không?*

Ở bên này đầu giây, tự nhiên Ngân mệt lả:

– *Em nói có hay không thì có gì khác nhau đâu?*

Và nàng tiếp tục im lặng, sợ hãi những câu trả lời tựa như điều trách móc Vĩnh.

Tình yêu với Vĩnh quả là viên đá lớn nhất đè nặng trái tim nàng, làm hụt những nhịp thở, làm dập vỡ những ngày thanh xuân. Thời gian qua đã lâu, cuộc đời cả hai không có một cái gì chung ngoài cái ý niệm mông lung về một số phận mà họ thực sự không biết rõ, cứ ràng buộc họ.

Ngân lơ đãng nhìn dòng người xuôi ngược trên các lối đi lát cẩm thạch bóng loáng, trên cái thang cuốn di động chậm chạp trong vùng sáng tỏa xuống từ cái vòm cao lợp kính khiến khung cảnh trông giống như sân khấu vở kịch cổ. Mọi khi phải đi làm, giờ này Ngân đang tối tăm mặt mũi bên cạnh những núi hàng cao nghệu chờ kiểm nghiệm để gởi ra thị trường. Ngân thấy sự có mặt của nàng ở đây, trong buổi sáng giữa tuần trời thấp và nắng nhạt này, có một vẻ gì lạ, bất thường, như sự đe dọa mơ hồ về những nỗi bất trắc trong cuộc đời.

Ngày còn dài. Không khí nàng thở thơm mùi những hàng hóa, vật dụng xa xỉ bày bán ở các tiệm bách hóa dọc hai bên lối đi, Ngân ngạc nhiên thấy đầu óc nàng luẩn quẩn ở chỗ làm việc, như con chó khịt khịt mũi đánh hơi sợi dây xích đã buộc nó quá lâu.

Cuộc đời giống như một dòng sông lớn. Ra khỏi bụng mẹ, đứa bé sơ sinh quẫy đạp chân tay để thăm dò cái thế giới nó mới nhập vào, để nổi lên, để sống còn. Những cái quẫy đạp chân tay ấy cứ tiếp tục mãi, ngày càng dồn dập với tuổi lớn khôn. Bập vào được một nơi bấu víu nào, nó yên tâm không muốn rời, tưởng như rời là sẽ lại rơi vào vực trống không. Quẫy đạp càng nhiều, càng lâu, kinh nghiệm về nỗi bất an càng lớn, càng ra công bám víu. Nền luân lý cũ trong cái xã hội Ngân đã sống hết thời con gái và gần hết thời đàn bà, xưng tụng sự bám víu ấy như một thứ đạo đức cao quí. Bây giờ nhìn lại, Ngân cảm thấy buồn bực vì mặt trái của cái mề đay đạo đức hoa hòe hoa sói ấy chính là sự ươn hèn, sự khiếp nhược. Nó tạo ra, ở phía này, những nỗi bất công nhọc nhằn, ở phía kia, sự đê tiện.

Sự ươn hèn và khiếp nhược tan vào máu huyết Ngân, lúc nào cũng đẻ ra hàng ngàn lý do khiến nàng không muốn thay đổi bất cứ điều gì trong cái dòng sống có sẵn trôi chảy bình yên giữa hai bờ đất hẹp.

Thỉnh thoảng, cái cô Ngân hay suy nghĩ vẩn vơ tách ra khỏi cái cô Ngân bằng xương bằng thịt, như hồn Giáng Kiều ra khỏi bức họa chân dung nàng bằng giấy bồi, lửng lơ nhìn ngắm cô này ăn, ngủ, cười, nói, yêu đương với lòng rẻ rúng và lạnh nhạt.

Cô chợt mong có người băm vụn, xé bỏ cái phông bằng giấy bồi ấy để hồn phách cô không còn chỗ về.

Thấp thoáng lẫn vào dòng người ngược xuôi chấp chới trước mặt, Ngân nhìn thấy con gái đi trở lại phía nàng. Tóc nó chải cao, để lộ vầng trán rộng, hai má đỏ vì nóng và vì mấy cái mụn dậy thì. Nó chớp mắt cười với nàng nhưng không dừng lại mà đi thẳng về phía trước, chắc để làm một việc gì khác. Ngân cũng cười đáp trả con, trong lòng nàng có tiếng rung khẽ của những cái cánh một bông hoa vừa hé nở.

CÁI ĐỊA CHỈ CŨ

Trong số các bạn học cũ thời niên thiếu, Ngạn là người duy nhất bỏ nhiều thời gian cất công đi tìm Hậu. Mấy năm trước, dạo áp tết, tòa soạn tờ báo thường đăng bài của Hậu chuyển đến cho nàng một bưu thiếp viết từ Việt Nam, chữ ngoài phong bì rất đẹp, của một người ký tên là Đỗ Ngạn.

Tấm thiệp mở đầu bằng một câu với phong thái văn chương cổ điển thời những tập lưu bút thập niên 50 *"Ngày mình về bạn đã đi xa, lòng cứ bâng khuâng hoài một nỗi nhớ..."* Chẳng biết vì sao, câu văn ấy đọc xong, cứ in vào trí nhớ Hậu một cách dai dẳng. Về sau, Hậu biết rằng chính cái nét cổ điển của nó làm Hậu mủi lòng vì mặc dầu thời gian trôi qua đã hơn bốn mươi năm, đã biết bao biến động xảy ra trong cuộc đời mỗi người, anh chàng Ngạn nào đấy vẫn cứ giữ nguyên những cảm xúc của anh vào cái thời họ quen biết nhau. Hậu tưởng tượng ra tâm hồn Ngạn, trái tim Ngạn, giống như một khối băng trong trẻo, cất giữ trong nó những kỷ niệm lóng lánh và tươi mát của một quãng đời không thể nào quên.

Dĩ nhiên chỉ một câu ngắn ngủi ấy trên tấm bưu thiếp thì Hậu không tài nào nhớ ra Ngạn ngay lập tức. Nàng dè dặt hồi âm, đòi Ngạn kể thêm chi tiết để giúp nàng động não nhưng Ngạn im lặng. Cuộc sống xô bồ, bận bịu trên xứ Mỹ lại tiêu hao thêm vài năm. Câu văn Ngạn viết trên tấm bưu thiếp gởi cho Hậu như một cánh pensée êm ái ép khô trong lòng Hậu.

*

Thế mà sáng hôm qua, họ bỗng gặp lại nhau. Hậu đứng dưới giàn hoa giấy màu đỏ ở cửa nhà Ngạn, gọi chuông. Đằng sau cánh cửa lưới, Ngạn nhìn thấy Hậu trước nên khi bước hẳn ra ngoài đón nàng, Ngạn kêu lên như một tiếng nấc:

– Sao em gầy thế?

Hậu nhìn Ngạn, chưa biết phải làm gì nên nàng cười bâng quơ. Tiếng nói Ngạn khác lạ. Tuy Hậu không thực sự nhớ tiếng nói của Ngạn ngày xưa thế nào vì hồi đó họ không có cơ hội nói với nhau nhiều nhưng bây giờ, Ngạn nói thứ tiếng không phải là thổ ngữ địa phương nơi chàng sinh trưởng. Hậu nhận ra mái tóc, vầng trán, ánh mắt thăm thẳm dưới đôi lông mày thường cau lại như trĩu nặng nỗi buồn của Ngạn. Tất cả hình ảnh về Ngạn mà Hậu gọi dậy từ ký ức nàng là cái dáng dấp nhanh nhẹn, tươm tất, phiến lưng thẳng của Ngạn khi chàng đẩy cái xe đạp sạch bóng từ hè phố trước nhà xuống lòng đường và ngồi lên yên, nhẹ nhõm phóng đi như một mũi tên.

Hậu trả lời Ngạn:

– Đời sống ở đây vất vả lắm anh ạ.

Trong chiếc áo sơ mi sọc nâu mới cứng, trông Ngạn khỏe mạnh, vạm vỡ so với tuổi chàng. Ngạn cười luôn miệng, nhắc lại ngôi nhà của Hậu ở bên này cánh đồng nước, bên kia là chùa Áo vàng, phòng ăn nhà Hậu có một cái bàn thật dài và anh trai nàng hay tập thể dục với một đôi tạ cầm tay ở hiên trước. Những điều Ngạn nói đều đúng cả, vậy mà đến giữa câu chuyện, Hậu vẫn cứ ngờ ngợ:

– Anh có nhầm em với ai khác không?

Ngạn cười lớn, hơi có vẻ chế diễu:

– Nhầm thế nào được, chính em. Chỉ khác một tí, hồi bé em tròn xoe.

Hậu có ít chia sẻ với Ngạn chẳng qua là vì Ngạn đã chỉ lặng lẽ tham dự vào quãng đời mới lớn của Hậu và lặng lẽ rời bỏ mà không hề tỏ lộ gì với nàng.

Nửa như tình cờ, nửa như giãi bày, Ngạn nói vào khoảng không:

– Hồi đó anh đã đầy đủ giấy tờ đi Pháp du học nhưng mẹ anh thì còn vướng mắc về chuyện tiền bạc dự trữ cho anh nên nửa đêm có bà cô rủ ra Hà Nội học, anh đi liền, tưởng chỉ hai năm thôi...

Mấy chữ sau cùng của Ngạn làm Hậu sắp xếp được các biến cố thời gian và hình dung ra cái cơn cớ đã khiến Ngạn tự dưng biến mất khỏi thành phố vào những ngày cả nước xôn xao vì hiệp định Genève.

Một thoáng giây yên lặng tiếp theo sau câu nói của Ngạn dường như đã dựng lên bức tường ngăn trở giữa hai người. Cái khoảng cách muôn trùng vừa được số phận thu ngắn lại bỗng dài ra như cũ. Họ như hai quân cờ trên một bàn cờ đang đánh, không đứng được gần nhau.

Bên kia cái bàn nhỏ, tiếng Ngạn bình thản cất lên, không một mảy may cảm nhận sự sâu xé kỳ dị đang vuốt vào lòng Hậu những vết xước xót như muối xát.

– *Nhìn lại đời mình, anh thấy buồn cười. Chung qui là do phần số cả. Thày bói bảo anh phải cái hạn xa gia đình hai mươi năm.*

Ngạn nói với vẻ nồng nhiệt và thành khẩn. Hình như việc tin vào số phận làm cho chàng yên tâm, không phải tự cắt nghĩa hay biện bạch lòng vòng với chính mình.

Chàng nói tiếp:

– *Sau này mới biết thày bói nói đúng. Trước đây, đã nhiều lúc anh nghĩ không phải chỉ hai mươi năm mà chắc là không bao giờ anh còn được bước chân về quê cũ nữa.*

Hậu chợt nôn nao muốn hỏi Ngạn *"Lúc đó, có khi nào anh nhớ đến em không?"* nhưng nàng chỉ yên lặng nhìn Ngạn, lòng hơi buồn bã biết rằng giữa họ với nhau, trong quãng đời xa cách vừa qua, quả thật chẳng còn những cái chung hoặc nhưng điều giống nhau nữa.

Ngạn vẫn tiếp tục nói:

– *Lúc vừa đặt chân xuống ga H, anh vội vàng chạy đến cổng trường cũ, chỉ kịp gặp lại một người bạn thân thiết đang làm giáo viên ở đấy. Rồi anh đi tìm em nhưng nhà em đổ nát, vườn tược hoang tàn, hàng xóm nói bố em mất, gia đình em dời đi xa đã lâu. Anh được phân một căn phòng nhỏ bên hông ngôi nhà thờ phía sau trường bà xơ. Quanh căn phòng có mấy bãi đất đá. Mỗi sáng đi làm, anh đèo sẵn hai cái xô nhựa đằng sau xe đạp để* *chiều về lấy đất ven bờ ruộng An Cựu, đem về vun luống trên bãi đất đá ấy. Anh trồng cà chua, bí đao, rau xà lách, rau thơm, ăn mệt nghỉ, còn thừa đem ra chợ bán, đổi lấy tí chất đạm.*

Ngạn ngưng một lát, đưa bàn tay quệt qua mũi để lấy dáng dấp tự nhiên. Bàn tay Ngạn cắt móng sạch sẽ nhưng các đốt tay gồ lên, thô ráp, không còn thư sinh nữa. Hậu chợt nghĩ thầm *"bàn tay anh cày cuốc nhiều thế, có còn nhớ những vuốt ve êm dịu của tình yêu không?"*

Bên kia cái bàn nhỏ, Ngạn cười cợt tiếp:

– Nói đến ăn, anh lại nhớ đến thời thành phố sơ tán, anh sống tập thể với cơ quan. Một bữa anh bị thằng cha thủ trưởng kiểm điểm khéo. Hắn bảo anh "bác đi đâu mà đêm nào cũng đi đến khuya thế? Mang tiếng đấy!" Anh trả lời hắn "Mang tiếng gì? Ai nói mặc họ, tôi đi chuyện của tôi." Hắn xì xèo "không được, người ta đồn thổi, lôi thôi lắm." Anh cáu sườn "Anh muốn biết tôi đi đâu, phải không? Cho một thằng theo đi". Nói xong, anh hỏi to "Đứa nào muốn tối tối đi chơi với tao?" Có một thằng trẻ tình nguyện đi với anh. Thế là tối hôm sau, xong việc nhà nước, anh thắng bộ tươm tất rồi ra đi cùng thằng nhỏ. Đến khu tập thể phụ nữ, anh tạt vào một phòng có hai người đàn bà đắp chiếu nằm ngủ. Nghe tiếng anh, một cô thò bàn tay chỉ lên cái kệ trên đầu vách, nói bằng cái giọng khê đặc:

"Nó ở đấy."

Anh đến chỗ bàn tay chỉ, lôi xuống một cái đĩa nhỏ có hai miếng bột mì đã luộc chín, cán mỏng ra như hai cái bánh bèo Ngự Bình mà danh từ hồi đó gọi là cái nắp *hầm, chia cho thằng nhóc một, anh một. Để trả cái đĩa vào chỗ cũ, anh đi tiếp mấy nơi nữa là bụng cả hai thằng no kềnh. Về đến nơi, anh và nó uống mỗi đứa một gô nước rồi lăn quay ra ngủ trong khi khối đứa khác dằn dọc vì đói...*

Ngạn như một người họa sĩ, vẽ ra các bức tranh nhưng không có lời phụ diễn. Vì sao những người phụ nữ ở khu tập thể kia nhường bớt phần ăn của họ cho chàng thì chàng không nói mà Hậu cũng không nỡ hỏi.

Tiếng cười hồn nhiên của Ngạn sau mỗi câu chuyện xoáy vào lòng Hậu một cảm giác xót xa, buồn bực. Hậu nhớ lại hình ảnh Ngạn thời cả hai còn sống gần nhau trong cái thành phố đường kính không quá mười cây số, hàng ngày đi về học trên cùng những con phố chật, chỉ nhìn thấy nhau thôi cũng đã luống cuống như suồng sã. Hồi đó, Hậu rất yêu đôi mắt có ánh nhìn thăm thẳm của Ngạn, cả đôi lông mày chàng lúc nào cũng khẽ cau như cố tìm tòi một cái gì ngoài tầm tay. Hậu không bao giờ tưởng tượng được cái thế giới ước mơ thăm thẳm trong đôi mắt Ngạn rồi ra lại thể hiện như cuộc đời bốn mươi năm chàng vừa sống qua.

Hình như Ngạn vui chân đi lạc một đỗi đường. Từ đó, thời gian của chàng chỉ còn là sự đối phó với những cảnh ngộ khó khăn để được sống còn, cái sống còn định nghĩa đơn giản bằng ăn, ngủ, nhậu nhẹt, đi xem bói và ân ái với đàn bà.

Hậu bứt rứt như có một điều gì khó hiểu mà nàng không tự giải thích được:

– Sao anh mất công đi tìm em dữ vậy? Gởi một bưu thiếp từ Sài Gòn mất tới mười ngàn đồng?

Ngạn đáp trơn tru, như thể câu nói vuột ra khỏi chàng, không có chủ đích:

– Anh vẫn nhớ em.

Đôi mắt Ngạn, thân thể Ngạn không dự phần vào câu nói tình tứ, thủy chung của chàng. Rõ rệt là chàng đã thuộc một cõi sống khác không hề có Hậu. Tiếng nói của chàng chỉ là âm hao dội về từ một dĩ vãng mà chàng chôn sâu tận đáy lòng, mà chàng mơ hồ muốn sống lại giây lát bên này bờ đoạn tuyệt, hình tượng chính mình từ một quãng đời thanh xuân với nhiều khao khát chàng biết là không còn cơ hội bắt đầu lại.

Bên kia cái bàn nhỏ có hai tách trà đã nguội, Ngạn nhìn xuống những viên gạch lót nhà và nối tiếp câu chuyện:

– Anh lập gia đình, có con, rồi li dị.

Đến đây, Ngạn ngẩng nhìn sâu vào mắt Hậu, vừa đương cự với một vẻ chịu đựng mệt mỏi sự nghi ngại của Hậu, vừa như tháo gỡ cho chính mình:

– Cô ấy cũng chẳng có lỗi gì đâu. Chắc chỉ là vì do kinh tế yếu kém quá nên người ta không thể vui vẻ được. Cô ấy như một cái tủ lạnh, như một cái xác chết. Trong chỗ riêng tư nhất, anh luôn bị dày vò vì ý nghĩ mình hành động như một con vật chỉ sống theo bản năng, không có đầu óc. Anh cảm thấy nhục nhã, đau khổ, nhờm tởm, y như thể người đàn bà ấy bị anh hiếp vậy.

Ngạn thở rốc, mặt anh nhăn nhúm:

– Sau cùng, anh phải thôi, chia tay, chấm dứt bản cáo trạng cho anh và cực hình cho cô ấy.

Khi Ngạn ngưng tiếng, Hậu bắt gặp lại cái ánh mắt thăm thẳm của Ngạn ngày xưa, cái thăm thẳm sôi nổi và diệu vợi của dòng sông êm đềm, xanh ngắt dưới nắng hè, cuồn cuộn bão tố dưới mưa đông, cái thăm thẳm bí ẩn và hoang vu của dãy núi đầy huyền thoại phủ bóng rợp lên tuổi thanh xuân trong cái thành phố họ sinh ra và lớn lên.

Trong một khoảnh khắc lắng đọng, trí óc ngừng suy tưởng, Hậu nghe lao xao trong lòng tiếng rung xa xôi của một cái phong linh treo ở đầu gió *"Hãy đến đây, ngồi bên cạnh em, cầm lấy tay em, để em úp mặt trên vai áo anh, chúng ta đều có những nỗi niềm cần chia sẻ"*. Thế nhưng Hậu ngồi bất động trên ghế. Thần trí nàng như một cái lò vi ba bị nung nóng, làm nát nhoét, chảy nhão hết mọi thứ bên trong. Trong cái nhập nhòe của nước mắt ứa lên mi, Hậu cảm nhận hết nỗi cô đơn của hai người, tựa như hai hòn bi thủy tinh lăn lóc tưởng giống nhau nhưng mỗi viên óng ánh một cách và không bao giờ thể nhập vào nhau được. Ý nghĩ ấy như một vết cắt ngọt làm lòng Hậu đau buốt.

Bên kia cái bàn nhỏ, Ngạn cười một cách dung dị:

– Sau cùng thì anh cũng gặp lại được em.

Hình như chàng có sự yên tâm của một người tìm ra cái địa chỉ hẹn đến, làm Hậu có một liên tưởng ngộ nghĩnh là suốt đời, chàng đã phí thời giờ, phí công cho những cái địa chỉ đến chẳng có mục đích gì.

Trước khi đứng dậy, Hậu lưỡng lự hỏi Ngạn:

– Sắp có một cuộc họp mặt lớn của các bạn bè cũ, anh có muốn đến để gặp thêm cố nhân không?

Mắt Ngạn đang cười lấp lánh bỗng tối lại:

– Anh cũng ngại, sợ đem chuyện không vui đến cho nhau. Tuy nhiên, để xem.

Ra về giữa cái nắng trưa rộn rã mà quạnh hiu của Cali, Hậu tự hỏi không biết con người thường là nạn nhân của đám đông hay chính nó là cơ hội để bắt đầu những cái mới mà nó không biết hoặc không có can đảm để thử thách?

Ngạn đứng trên khoảng sân đậu xe vẫy tay chào Hậu. Cuộc gặp gỡ tình cờ của họ thoáng qua, như một chiếc lá phai rụng âm thầm dưới cơn gió thoảng.

Chẳng phải chỉ riêng Ngạn ôm cơn mộng lỡ bốn mươi năm của chàng, cả Hậu cũng để lỡ suốt đời nàng những địa chỉ bước chân nàng đi qua mà không dừng lại.

BẪY RẬP

Hôm chị Nguyệt từ Hoa Thịnh Đốn về chơi, gặp An, hai chị em nói cười tíu tít. An nhắc khu vườn rộng nhà chị có cái ngõ viền chè tàu xanh nghít, sâu hun hút. Chị Nguyệt cười, khuôn mặt mịn, hơi xương của chị đã có nếp nhăn ở hai bên khóe miệng.

"Em có nhớ dãy nhà ngó ra phía đường Võ Tánh không? Đất của ba chị đó. Năm 45, dân quê ở đâu tản cư về thành phố nhiều quá. Họ đi thành đoàn. Ba chị thương, gọi cho đất để họ cất chòi ở. Lúc sau làm ăn khá, họ tự động xây nhà gạch luôn."

An nhớ lại dãy phố thấp và nông toen hoẻn dài bên hông khu vườn nhà chị Nguyệt, trông như một miếng băng keo dán quanh cái nắp hộp, tưởng tượng có thể bóc tuột một hơi thẳng băng từ đầu này tới đầu kia. Hàng ngày, An sáng chiều hai lần qua lại trước khu nhà đó để đi và về học. Nàng thích nhìn những miếng tường quét vôi màu xanh dương, màu vàng đậm, trông nhà quê và khỏe mạnh ấy. Từ ngoài đường nhìn vào, qua mấy cái dây leo mỏng của dàn bầu hay dàn mướp, người ta trông rõ mồn một các thứ đồ đạc bày biện ngay ngắn như đồ chơi bên trong căn nhà vuông vức giống như cái hộp diêm quẹt.

Con đường từ trường học về nhà An xa mịt mờ, đi qua hai dãy phố cũ kỹ, đen xịt, nên cứ đến quãng đường này bao giờ An cũng thấy vui mắt. Vả lại, nhà An chỉ cách đó một đỗi ngắn nữa thôi. Trong cơn đói thắc thỏm, An tưởng chừng đã hít thấy mùi hành tỏi mắm muối trên vạt áo mẹ, mùi cơm chín tới trong gian bếp ui ui khói, nó làm lòng An rộn rã và sướng khoái.

Lưng chừng giữa dãy nhà là một căn có hai vợ chồng câm. Hình như người chồng đến đây trước một mình vì, bây giờ nghĩ lại, An nhớ rõ khuôn mặt vuông, đôi mắt nóng bỏng nhưng ngây ngô, thân hình ngắn chủn, vạm vỡ, như một khối gỗ chắc nịch của người chồng nhưng An không mường tượng được người vợ. Có một lúc nào đó, người vợ từ đâu đến, ghép vào bức tranh nhỏ như một nét vẽ thêm mà sự ăn khớp không làm lộ rõ một cái gì riêng, nổi bật, để người xem phải chú ý. Họ là một đôi vợ chồng câm.

Giữa cái lao xao náo nhiệt của những buổi chiều mùa hè ở khu "nhà mẹ Lê" này, gia đình họ ngắt ra một khoảng trống yên lặng, lúc cúc tiếng mấy con gà con quẩn quanh chân con gà mẹ, trong cái khoảng sân bé tí teo sát mặt đường. Ngày qua tháng lại êm ả, bức tranh tĩnh mịch ấy dần dần có thêm hai đứa trẻ. Chẳng biết do bẩm sinh, di truyền, ngẫu nhiên hay vì từ lúc lọt lòng mẹ, chúng không được cha mẹ tập cho nói nên hàng xóm kháo nhau mấy đứa bé ấy cũng câm.

Ngày đó An còn nhỏ. Ngôn ngữ hay tiếng nói chưa có một ý vị gì đối với nàng. Trong gia đình, bố không mấy khi có thời giờ chuyện trò với An. Mẹ An bận bịu cả ngày, lúc chập tối bà hay ngồi ở chỗ bậc thềm, quần xắn đến gối, quạt phành phạch cái quạt nan một chốc đã thấy bà ngủ gật gà gật gưỡng, tiếng ngáy nhẹ phì phào ở hai lỗ mũi. Đến trường, lũ bạn An chỉ nói những chuyện cần thiết về bài học hoặc những chuyện tầm phào, An nghe quen thấy chán phèo. Những thanh âm làm An thích thú lắng nghe là tiếng mấy con chim bồ câu gù trên cái bể nước bố xây cho chúng soi mặt ở đằng sân trước, tiếng một con tu hú lạc lõng thỉnh thoảng kêu lên lẻ loi trong bờ tre ở vườn sau, tiếng con tắc kè ẩn mình trên nóc cái nhà vệ sinh bên cạnh ao cá, tiếng cơn mưa rào đầu mùa khua trên mấy bụi chuối dài theo hàng hiên, tiếng những chiếc lá khô chạy lăn tăn trên cái dốc xi măng nhà xe, tiếng những con ve sầu gọi đáp trong các chòm cây bốn phía vườn, đôi khi là tiếng của đêm khuya thanh lặng dưới một vầng trăng trong veo treo trên những đỉnh cây đứng im. Những thanh âm êm ái, kỳ bí, chứa trong chúng những giấc mơ xa thẳm ấy dường như không dính dấp gì đến tiếng nói của con người cả.

Năm An 15 tuổi, anh Phong đón An ở chân cầu và đưa cho An cái phong bì trong có lá thư tỏ tình của anh. Anh không nói gì, chỉ nhìn An bằng ánh mắt đờ đẫn. An sợ, không dám đáp trả ánh mắt anh Phong nên An nhìn thấy mấy cái mụn trên mặt anh Phong đỏ ửng. Bàn tay anh Phong vịn vào chỗ tay cầm trên ghi đông xe đạp của An, để lại một khoảng dâm dấp mồ hôi. Sau đó, thỉnh thoảng An cứ thấy anh Phong đứng ở cửa nhà anh nhìn sang sân nhà An, cười cười.

Được ít lâu, An không trông thấy anh Phong đâu nữa. Hóa ra anh đi học ở Sài Gòn. Trong một lá thư gửi cho An, anh Phong hẹn mười năm nữa anh sẽ về cưới An làm vợ, như các nhân vật trong truyện cổ tích. Đấy là tiếng nói không có thanh âm của một mối tình thơ ngây vô tội, sau này cứ làm gợn mãi trong lòng An niềm thương cảm, nhắc lại nàng tiếng con chim tu hú kêu lẻ loi ngoài bờ tre khu vườn cũ.

Năm sau, An 16 tuổi, một hôm con Thảo bạn An, ở đâu chạy xộc đến chỗ An đang đứng, vừa thở hồng hộc, vừa dúi vào tay An cái phong bì dày cộm và nói *"Mày đọc đi rồi viết thư trả lời cho ông anh tao nhé! Ông này viết thư hay lắm."* "Ông này" của con Thảo là lính không quân, đang học chuyên môn ở một tỉnh lẻ mãi tận xứ Phi châu xa tít mù tắp. Thư ông nói chuyện trên trời dưới đất, mưa, sương mù và cát. An nhận thư và viết thư cho ông ấy bốn năm. Một buổi sáng mùa hè, dậu bông bụp ở cổng nhà An nở đỏ một khoảng đường, ông ấy chợt hiện ra, gọi chuông nhà An rồi xưng tên:

"Anh là Thọ."

Lúc bấy giờ, chắc ông ấy có nói thêm đôi ba điều gì đấy nhưng bây giờ nghĩ lại, An không tài nào nhớ. Trong ký ức nàng chỉ còn sự yên lặng của những lá thư bay đi bay về, nằm im trong một cái hộp sắt An dấu dưới gậm giường. Tuy vậy, An nhớ là hôm đó nàng đã lựa mặc chiếc áo dài mới nhất để lẻn theo Thọ ra đường. Trong lòng An, niềm vui như một bông hoa phơi phới nở xòe những cái cánh nhung mượt mà.

Hai người vừa ngồi vào xe, Thọ quấn lấy An hôn ngấu nghiến. Đó là thứ tiếng nói không có âm thanh của mối tình thứ hai trong tuổi thanh xuân đời An, vẫn còn để lại đến tận bây giờ, trong hồi ức nàng, tiếng lách cách của mấy cái răng chạm khẽ vào nhau, không biết vì sao, nghe càng lúc càng lớn dần, rõ mồn một, trên cái yên lặng bằn bặt, uất ức, của sự phản kháng bất động, của hơi thở bị nghẽn lại, làm An ứa nước mắt.

Vài năm sau, An lấy chồng, đám cưới chạy tang vì mẹ An ốm nặng. Tiếng nói của hôn nhân là tiếng khóc kể bên quan tài người chết của bà chị cả lẫn với tiếng kèn bát âm. Rời khỏi xóm cũ, An chẳng còn dịp nào nhớ lại gia đình đôi vợ chồng câm và lũ con cũng câm ở gần nhà An trước đây. Cuộc sống trôi đi, đan kết nhạt nhẽo bằng thứ ngôn ngữ vô âm đa phần đời An trải qua, chẳng khác cái cảnh nhà câm ấy là bao. Ở Mỹ ít lâu, thỉnh thoảng An nhìn thấy trên T.V cái quảng cáo của hội người câm. Một cô trẻ, thật xinh, múa mấy ngón tay để dạy người câm diễn tả. An chợt thấy ngộ nghĩnh khi nhận ra ý tưởng của con người có thể mặc lấy hình thức một điệu múa duyên dáng và uyển chuyển đến thế. An tự nghĩ những người câm chỉ có một thứ ngôn ngữ ấy để bày tỏ hay trao đổi, nó đẹp nhờ thô sơ, ít ỏi, cũng chắc vì thế mà đãi lọc, không bừa bộn, không hoang phí, không tạp nhạp, như khi chồng An nói với An lúc nhìn thấy nàng nôn ọe vào buổi sáng ở cái sàn nước ẩm mùi sương đêm và mùi cống rãnh.

"Đàn bà sướng thật, đẻ đứa con nào biết chắc nó là con của mình." Hay như khi sửa soạn đi chơi với bồ, anh sửa giọng nghiêm nghị:

"Người vợ đàng hoàng không bao giờ hỏi chồng đi đâu và đi với ai?"

An chợt nhớ ra đã lâu lắm, nàng chỉ nói thứ ngôn ngữ tối thiểu của người câm, bằng cử động chân tay, để làm những việc cần thiết, để tiếng nói ngày càng bớt đi dưới mái nhà và trong cuộc đời nàng đang phải sống. An nhận ra giữa cái ngôn ngữ đường mật của những bản tình ca và cái ngôn ngữ thinh lặng, còn có một thứ ngôn ngữ mà sự xô động vào nhau của chúng làm chảy máu người nghe, là tiếng của con dao sắc lẻm, xấu xí, nặng như cái cùm, rơi xuống đất sau khi đâm vào xương thịt một người; là tiếng cái cò súng bật trở lại, khô khốc, lạnh buốt, sau khi viên đạn đã phóng đi. Những lúc một mình, An tập viết lách, làm thơ, vẽ ra một thế giới mộng tưởng để vui chơi, như những ngày thơ ấu, An thường lẻn vào nhà xí để hóa thành các nhân vật không phải là mình. Được một lúc An thấy chán. Hình như những tiếng nói im lặng không có vọng âm nên khoảng không khiến An mệt mỏi, có cảm giác buồng phổi của An chỉ thở ra mà không hít vào nên nó khô héo từ từ. Cũng có thể trò chơi không hào hứng nữa vì An không còn sự hồn nhiên phơi phới, sức lực của tuổi con gái thời đang lớn, cả tin vào tương lai còn nguyên vẹn như một đồng bạc mới trong phong bao chưa được chạm tay vào.

Ít lâu sau ngày chồng An bỏ đi, chắc buồn chán vì cái thế giới không nói thứ ngôn ngữ nhiều màu sắc lòe loẹt của vợ, An gặp lại anh Phong. Anh vẫn như xưa. Bàn tay anh ngày đó vịn vào cái ghi đông xe đạp của An, bây giờ cầm điếu thuốc lá mà anh cứ bồn chồn đập mãi một cái tàn chưa kịp ún ra ở đầu điếu thuốc. Anh vẫn nhìn An bằng cái nhìn đờ đẫn, bây giờ thêm một chút cam chịu trong đôi tròng mắt đã bớt trong trẻo. Mấy cái mụn trên mặt anh càng lúc càng chín đỏ, làm cho An có cảm tưởng khuôn mặt anh như một trái bong bóng tức hơi sắp vỡ. Chẳng có gì ngoài sự yên lặng thăm thẳm giữa hai người nhưng An cảm nhận trong bầu không khí đè nén ấy, sức ép của tình yêu anh Phong, như nỗi dằn vặt lâu dài giữa hy vọng về những điều còn có thể bắt đầu và những điều có lẽ đã quá chậm để sửa chữa. Tình yêu của anh đẹp như một tấu khúc cổ điển. Đúng là anh chả cần đến lời nói vì tình yêu tự nó chẳng có gì phải chứng minh, giải thích, biện bạch, vẽ vời thêm. Nó như một bông hoa ngẫu nhiên bừng nở, trong một vài điều kiện môi sinh tình cờ, là một ân huệ vô cớ hay một phép lạ đẹp mắt của số phận.

An cũng gặp lại Thọ, ông-anh-viết-thư-hay của con Thảo. Giống y cả chục năm trước, vừa nhìn thấy An, ông này a thần phù ôm nghiến nàng, đòi hôn. An ngẩn người, khẽ đẩy ông ra và hỏi:

"Anh không có gì nói với em ngoài việc muốn hôn em ư?" Nói xong, An mới giật mình thấy ra cô An bây giờ ít xúc động và bạo dạn hơn cô An ngày xưa. Ông anh con Thảo cười hả hê nhưng giọng ông tha thiết, sôi nổi:

"Em ơi, thân thể mỗi người là tiếng nói riêng biệt và huyền nhiệm nhất, không lẫn với một ai khác."

Ông anh thuyết phục An dễ dàng bằng thứ ngôn ngữ nghe lạ tai và cái nội dung hợp lý chứa bên trong nó. Mãi về sau An mới nghiệm ra cảm giác của nàng về sự hợp lý ấy chẳng qua là vì tự ái của nàng được vuốt ve mà nàng không biết.

An hạnh phúc trong suốt ba năm đối thoại với Thọ bằng thứ tiếng-nói-riêng-biệt, không-lẫn-lộn-với-ai-khác cho đến khi An biết ra rằng ông ấy cũng nói như thế với một hay nhiều người đàn bà không phải là nàng.

Chẳng đặng đừng, An cật vấn:

"Tại sao anh lại đối xử với em như thế?"

Ông anh có vẻ đau khổ vì An hình như không nghĩ cùng một cách với ông:

"Anh vẫn đối xử với em như từ đầu."

Cực lòng, An phải nói huỵch toẹt:

"Thế còn người đàn bà kia?"

Trong một tích tắc đồng hồ, khuôn mặt ông anh đổ xuống như một đống vữa, đôi vai buông xuôi. Ông nhìn An một cách ai oán rồi quay đi, làm như chính An là người có tội.

Còn lại một mình trong căn nhà yên ắng, An ngồi lặng một lúc thì chợt nghĩ ra quả thật chính nàng đã tự phỉnh phờ mình bằng cách gán cho ngôn ngữ người khác dùng cái ý nghĩa, cái nội dung nàng muốn nghe. Thọ không có lỗi gì với An cả. Ông ấy chỉ nói *"em rất riêng biệt, không lẫn lộn với ai"* nhưng An lại nghe ra như *"em là duy nhất trên đời và trong lòng anh"*. An buột mỉm cười, buồn phiền đứng dậy đi thu gom đồ đạc để sẵn một nơi cho Thọ.

Sau cuộc tình duyên ông nói gà bà nói vịt này, An hay cười một mình giữa câu chuyện thảng hoặc với bạn bè hoặc người quen, đến nỗi dư luận đồn đãi cho là An mắc bệnh tâm thần. Chỉ có An bằng lòng tự biết rằng từ sau khi chia tay với Thọ, An hoàn toàn tự do, không còn vướng mắc hệ lụy gì với những cảm xúc bất chợt trong tiếng nói của loài người, thật ra, chỉ là cái bẫy rập giăng ra, không chỉ cho người nghe mà còn cho cả người nói nữa.

BUỔI SÁNG CÓ MÙI HOA HỒNG

Liên nằm nghiêng, quay mặt về phía ngọn đèn đầu giường, vẻ tự tin và nhàn nhã toát ra từ dáng nằm bề thế của nàng. Tiếng Liên thỉnh thoảng dở một trang sách, thong thả, chậm rãi và thật rõ, khiến Khiêm nằm ngay bên cạnh, biết tỏng ra rằng nàng chỉ vờ vịt thế thôi, như một trò khiêu khích ngầm.

Cả tháng nay, Liên ra bộ bất cần, mặc kệ mẹ con Khiêm muốn làm gì thì làm. Nàng tỉnh bơ đi ra đi vào, nhởn nhơ thấy mà ghét, như mẹ chàng thường ngấm nguýt một mình những khi cô con dâu làm bà ngứa mắt. Khiêm lấy làm lạ, không hiểu tại sao mẹ chàng bỗng nhiên đổi tính nết, trở nên cực kỳ khó chịu đối với vợ chàng chỉ mới về làm dâu bà ít lâu nay. Lấy công tâm mà xét, Liên ăn ở phải đạo, không phạm điều gì sai sót đối với mẹ chồng. Cái cô Liên, trước đây, mẹ chàng cứ đau đáu ngồi cửa chờ mỗi ngày với cô Liên bây giờ vẫn là một dưới mắt chàng, chẳng có gì khác, khác chăng là vị thế của cô trong căn nhà của mẹ con chàng.

Dạo ấy bố Khiêm ốm nặng. Bảo hiểm y tế của ông cụ gửi Liên đến để săn sóc người bệnh tại gia. Giữa cái không khí ảm đạm của một gia đình đơn chiếc có người đau bệnh dài ngày, Liên hiện ra, tròn trĩnh, tươm tất trong bộ quần áo trắng toát, tươi cười, nhanh nhẹn, khỏe mạnh, đem lại sinh khí và sự lạc quan cho cả nhà. Mẹ Khiêm mong Liên đến để làm giúp bà các việc khó nhọc, lau dọn, trăn trở, xem xét tình hình sức khỏe người bệnh, quan trọng hơn cả, để chuyện trò và nói với bà đôi ba lời an ủi. Sự đi lại thường xuyên của Liên trở nên thân tình. Dần dần, mẹ Khiêm bắt đầu dọ dẫm, nhờ Liên mua dùm bà vài thứ lặt vặt, hỏi ý kiến nàng về đủ mọi chuyện trước khi phải quyết định một việc gì. Tuy ở cùng nhà và là con một, Khiêm không mấy khi để ý đến những việc mẹ chàng làm. Chàng thuộc loại đàn ông tơ lơ mơ, chân đi không tới đất, cật với không tới trời, chỉ có một thú vui duy nhất là đọc sách và lang bạt với bạn bè. Chàng đi ra đi vào, cũng có lúc nhìn thấy Liên thấp thoáng trong nhà nhưng chàng chỉ chào nàng chiếu lệ, không mảy may bận tâm tuy vốn bản tính là người tốt bụng và nhân hậu, Khiêm thường đối xử nhã nhặn với những ai chàng có dịp gặp gỡ.

Được một thời gian, Khiêm chợt nhận ra chàng nhìn thấy Liên trong nhà nhiều hơn trước. Hình như nàng đổi giờ giấc thăm viếng người bệnh, đến một lúc muộn hơn trong ngày để đúng vào giờ Khiêm đi làm về. Lúc sau này, Liên không chỉ đi chợ dùm mẹ chàng mà nàng còn xắn tay áo vào bếp nấu nướng thay cho bà nữa. Những công việc Liên làm ngoài bổn phận nghề nghiệp của nàng là do nàng năng nổ tự nguyện hay do sự dàn xếp nào đó giữa hai người đàn bà, Khiêm tuy thấy nó hơi lạ nhưng vì vô tâm, chàng thấy rồi quên ngay, không nghĩ ngợi gì.

Một buổi tối, Khiêm về muộn. Chàng ngạc nhiên thấy Liên đang ngồi ở cái ghế dựa bên cạnh bàn viết của chàng đặt tiếp giáp với cái kệ sách trong phòng gia đình. Nàng đang cắm cúi đọc một cuốn, áng chừng lôi ra từ kệ sách của chàng. Khi Khiêm đến gần, Liên ngước lên nhìn, ánh mắt hơi dại. Mất vài giây đồng hồ, Liên mới như trông thấy Khiêm. Nàng mỉm cười, xếp cuốn sách lại và đặt trả nó vào một chỗ Khiêm có cảm tưởng nàng nhớ rất chính xác, trên cái kệ gỗ cong xuống vì nặng. Tự nhiên Khiêm đâm ra lúng túng, tay chân quờ quạng. Khiêm biết những khi gặp một chuyện gì bất ngờ và lý thú, chàng thường bối rối, không biết dấu sự hài lòng vào đâu. Cho đến lúc đó, nhìn thấy một cô gái trẻ say mê đọc sách là một hiện tượng đặc biệt hiếm hoi đối với Khiêm, nhất là đọc những cuốn sách trong tủ sách của riêng chàng. Một cảm giác khoan khoái rất gần với cơn kích ngất của thân thể đang giao hoan làm Khiêm tê lặng người, ruột gan xoắn lại. Mãi một lúc lâu, khi Liên đã rời cái ghế và sửa soạn ra về, Khiêm mới lắp bắp nói được mấy tiếng:

"Cô muốn đọc nữa thì cứ cầm về."

Liên vừa đeo cái túi xách lên vai, vừa lắc lắc đầu cười, trả lời Khiêm:

"Em bận lắm, chỉ đọc được những lúc ở đây thôi nhưng cũng cám ơn anh cho phép."

Tối hôm ấy, lần đầu tiên Khiêm thấy chàng nghĩ lẩn quẩn về cái cô gái mặc quần áo nhà thương, đôi má bầu bĩnh, đôi mắt trong veo, vẫn ra vào nhà chàng mấy tháng nay để săn sóc bố chàng ốm liệt giường.

Cái ý nghĩ Liên làm nhiều hơn bổn phận nàng trong căn nhà này càng rõ hơn khi bố Khiêm trở bệnh và qua đời. Một mình Liên xốc vác, quán xuyến công việc ma chay thay cho mẹ con Khiêm còn đang đờ ra với biến cố làm họ choáng váng và sợ hãi.

Buổi tối đầu tiên sau khi chôn cất người chết xong, ba người ngồi buồn rầu trong gian phòng sực nức mùi nhang nến. Mẹ Khiêm lên tiếng trước:

"Cám ơn cô Liên, nhà tôi mất rồi nhưng thỉnh thoảng cô cứ lui tới đây chơi với tôi cho tôi đỡ buồn."

Khiêm có cảm tưởng mắt Liên long lanh hơn những lúc khác khi cô nói chậm rãi, bằng cái giọng nói nhiều nhạc điệu của cô:

"Cháu sẽ vẫn đến đây thăm bác và anh Khiêm."

Nghe Liên gọi tên Khiêm một cách minh bạch như thế, mẹ Khiêm có vẻ ngỡ ngàng. Bà khẽ nhíu đôi lông mày thanh tú, như cố đoán ra một việc gì ẩn chứa bên trong cách nói của Liên nhưng bà ngồi thần người, yên lặng. Một lát, bà kêu nhức đầu và ngỏ ý muốn đi nằm. Liên đứng dậy, rót nước và đưa một viên thuốc cho bà nhưng bà lắc đầu, dáng lạnh nhạt. Liên ân cần:

"Bác uống thuốc cho đỡ. Thuốc này bác vẫn dùng đấy mà."

Liên đứng một lúc bên cạnh bà, hai tay cầm hai thứ, trơ ra như một pho tượng. Khiêm ái ngại, khẽ nhắc mẹ khi bà dợm đứng dậy:

"Kìa mẹ, cô Liên đưa thuốc nhức đầu cho mẹ" nhưng mẹ chàng đã hối hả đi khuất sau tấm bình phong chắn gió. Bắt gặp ánh mắt ngượng ngùng của Liên, Khiêm bối rối nhún vai, như một cách biện bạch và chữa thẹn cho cả ba người. Chàng vội vàng cười nói để khỏa lấp:

"Liên cho tôi xin vậy."

Mấy ngón tay Liên chạm vào tay Khiêm. Cảm giác mềm mại và ấm của da thịt con gái làm Khiêm bồi hồi nhận ra người đàn bà đằng sau bộ quần áo nghề nghiệp của Liên. Tối hôm đó, Liên ở chơi với Khiêm đến khuya. Họ nói chuyện văn chương, thơ phú, chuyện trên trời dưới đất, thỉnh thoảng cả hai cùng bưng miệng rũ ra cười không thành tiếng vì không khí quanh họ vẫn còn lãng đãng nỗi u uất của căn nhà mới có tang. Một lúc lâu sau, giữa câu chuyện đang ròn rã, họ hốt hoảng nghe tiếng khóc tấm tức của mẹ Khiêm vẳng lên trong đêm khuya. Trong khi Liên thu dọn đồ đạc để ra về, Khiêm kinh ngạc nghe trong tiếng khóc bất ngờ của mẹ, không phải nỗi đau thương ai oán của biệt ly, của mất mát mà là sự uất ức đến vật vã trong tâm can bà khiến lòng Khiêm bất an một cách kỳ lạ.

*

Mặc dầu sống rất gần gũi mẹ, thường xuyên hiểu ý bà, mặc dầu Khiêm linh cảm mẹ chàng không thuận việc chàng định cưới Liên làm vợ, Khiêm vẫn cứ phải nói chuyện với mẹ về dự tính của chàng. Trái với Khiêm dự tưởng, mẹ chàng không khóc kể ầm ỹ, cũng không cay đắng chì chiết như bản tính bà vẫn thế mỗi khi có điều gì bất như ý. Lần này, bà chỉ chậm rãi nói, mắt nhìn ra nơi khác:

"Cậu lớn rồi, nghĩ thế nào là phải thì làm."

Như người bất ngờ bị lạc phương hướng, Khiêm đành phải dò chừng:

"Cô ấy là người tốt, con nghĩ nhà ta cần một người như cô ấy."

Mẹ Khiêm nhìn thẳng vào mắt chàng, ánh mắt lạnh lẽo:

"Việc trăm năm, cậu quyết định lấy, đừng đem tôi vào."

Hơi hụt hẫng song Khiêm vẫn cố nằn nì thêm:

"Con thấy mẹ và cô ấy có lúc rất tương đắc."

Đến đây, đôi mắt mẹ Khiêm, vốn rất đẹp lúc bà còn trẻ và, tuy bây giờ tuổi tác có làm cho hấp hiu đôi chút, hàng ngày Khiêm vẫn thấy lấp lánh ở đấy nét tươi tắn, tinh nghịch của bà thời xuân sắc, đôi mắt ấy lúc này trở nên nóng bỏng và dữ dội. Nhìn vào mắt mẹ, Khiêm kinh hãi cảm nhận lửa từ một nỗi đau đớn phẫn uất ngùn ngụt cháy. Những thớ thịt thanh tao trên khuôn mặt thường ngày mịn màng của bà co thắt rúm ró như một cái vỏ trứng bị đập vỡ. Khiêm vội vã lảng đi, lòng mơ hồ sợ hãi hiểu rằng chàng không đương cự được với nỗi thống khổ kỳ lạ của mẹ.

Tuy vậy, Khiêm và Liên vẫn quyết định lấy nhau. Sau đám cưới, Liên đề nghị Khiêm và mẹ chàng dọn về căn chung cư hai phòng của nàng, trả lại ngôi nhà ba phòng mẹ con Khiêm đang ở mướn với tiền thuê khá nặng. Khiêm ngần ngừ:

"Mẹ anh khó tính, sợ bà không chịu rời bỏ cái nơi giữ nhiều kỷ niệm của bố anh."

Nhưng Liên quả quyết:

"Như thế lại càng không tốt cho sức khỏe của mẹ. Em nghĩ mình nên thực tế. Đằng nào thì căn nhà của em là nhà mua, trả một căn nhà thuê dễ hơn là bán một căn nhà đã mua."

Khiêm đành đem chuyện bàn với mẹ. Bà từ tốn trả lời:

"Cô ấy nói phải. Cậu nên theo cô ấy."

Khiêm bỡ ngỡ:

"Mẹ nói thế nghĩa là..."

Mẹ Khiêm cứng rắn như một ai khác chứ không phải bà:

"Mẹ biết trước sẽ có lúc con nói đến việc này nên mẹ đã tính con đường của mẹ, không có con."

Sự tỉnh táo sáng suốt của mẹ làm Khiêm khó chịu, có cảm giác như chàng hơi đần hoặc hơi kém cỏi. Thêm nữa, Khiêm bực bội điên người vì mẹ chàng xưa nay vốn rất cưng chiều con, không lúc nào muốn rời chàng một bước thế mà bây giờ, bà bỗng dưng đặt chàng vào một tình huống có những chọn lựa chàng không hề tưởng tượng ra.

Khiêm nén giận, hỏi một câu mà chàng biết là chẳng để làm gì nữa trong lúc này:

"Mẹ đi đâu?"

Mẹ chàng đứng dậy, như một cách chấm dứt câu chuyện:

"Tôi tự lo được."

Thế nhưng trời ạ! Có cho kẹo thì Khiêm cũng không bao giờ nghĩ được cái "tự lo" của mẹ chàng là một căn phòng trống hoác, thuê lại của một gia đình đồng hương. Khi chàng bước vào, căn nhà nồng nặc mùi thức ăn xào nấu mỡ màng và ồn như một cái chợ nhỏ. Mẹ chàng nằm co trên tấm nệm cũ đặt ở một góc tối trong căn phòng tạm thời thuộc về bà. Ở góc đối diện, bàn thờ bố chàng đặt trên chiếc bàn con, sáng rực đèn nến. Cả căn phòng chỉ có bấy nhiêu thứ. Khiêm hốt hoảng, sự bất ngờ pha lẫn thất vọng chẹn lên cuống họng, làm chàng dờn dợn ở cổ, muốn nôn. Khiêm vuốt mặt, ngồi bệt xuống thảm trải nhà đã cũ mòn, hai tay vò đầu. Mẹ chàng cười chua chát:

"Cậu thấy nhé, tôi đâu có thể bày bàn thờ bố cậu ở giữa căn nhà tân thời của vợ cậu được?"

Cảm giác một cơn tức giận càng lúc càng phồng lên, căng cứng trong lồng ngực chàng, khiến Khiêm chỉ muốn xé toang ngực chàng ra và hét lên thật to cùng lúc với máu sẽ tuôn ra từ thân thể chàng, nóng hổi, bất lực:

"Mẹ giả dối! Mẹ biết đấy chỉ là cái cớ thôi, không phải sự thật."

Người đàn bà thông minh và bén nhạy đang ngồi trước mặt chàng hiểu được những ý nghĩ thầm kín trong đáy hai con mắt nổi những đường gân đỏ, trên đầu những ngón tay đang vò tóc rối bung của chàng, bà đay từng chữ:

"Cô ấy giả dối chứ không phải mẹ. Cô đóng kịch rất giỏi để lấy con ra khỏi căn nhà và tuổi già của mẹ."

Khiêm vỡ lẽ. Chàng nghe dội lên trong đầu âm thanh một câu nói đay nghiến khác, của Liên, vào một lúc hai vợ chồng cãi vã vì mẹ chàng:

"Mẹ anh giả dối. Bà ấy đâu có thương gì em, chỉ lợi dụng thôi. Bây giờ hết lợi dụng rồi, còn gì nữa mà phải tử tế?"

Câu nói này ám ảnh Khiêm, hiện lên mặt chàng lúc đối diện với mẹ. Thế ra chàng mắc kẹt giữa hai người đàn bà, lúc họ không đụng chạm nhau, thường vẫn nói là rất yêu chàng, chỉ sống cho chàng mà thôi. Khiêm thấy thoáng qua đầu cái ý nghĩ làm một bài tính trừ để loại bỏ bớt những điều đã được tô vẽ thêm nhiều phần, vì thói quen làm đẹp của con người. Hình như con người cứ tạo ra những biên giới ảo tưởng để tự giam hãm mình, tựa như những kẻ ngồi quanh chiếc bánh ngọt, mải mốt, màu mè mời mọc nhau, phật ý vì cung cách của người bên cạnh đến nỗi quên thưởng thức hương vị ngọt ngào của miếng bánh trước mặt.

*

Có lẽ cầm mãi cuốn sách đã mỏi tay, Liên bỏ nó xuống thảm rồi tắt đèn. Đợi đến lúc đó Khiêm mới lên tiếng:

"Hồi chiều anh vừa đến thăm mẹ."

Liên lặng thinh. Khiêm phân vân, không biết có nên nói thêm về bà với Liên hay không nên chàng cũng nằm yên. Một chốc, tiếng Liên cựa mình, nghe có chút dằn dọc, chắc vì câu chuyện nửa vời của Khiêm. Khiêm nói tiếp:

"Mẹ sống cực quá."

Sự im lặng tiếp tục. Khiêm thấy chán. Biết là sẽ không ngủ được, Khiêm ngồi dậy toan ra nhà ngoài. Bấy giờ Liên mới cất tiếng:

"Cũng tự mẹ vẽ chuyện thôi, thân làm tội đời."

Khiêm nén lòng, hỏi vớt:

“Em nghĩ mình có thể làm gì được?”

Liên cười khẩy:

“Ai mà làm gì được với mẹ anh! Có ông trời.”

Khiêm đứng bật dậy, cử động mạnh của chàng làm tấm nệm lắc nhẹ dưới lưng Liên. Nàng mở đèn, hỏi với theo Khiêm đã ra gần đến phòng khách:

“Anh làm cái gì thế? Anh có bao giờ nói được câu chuyện nào tử tế không?”

Khiêm quay vào, đứng giữa cửa, mắt chàng ánh lên vẻ diễu cợt. Những chữ chàng rành rọt buông ra nhảy múa lấp lánh, lẫn với ánh sáng của hai hàm răng hình như chàng cố tình nhe ra, trắng ởn:

“Cô có nói chuyện đâu? Cô chỉ thích cãi nhau thôi mà, tử tế ở chỗ nào, làm ơn chỉ dùm?”

Hai khóe mắt Liên đau rát, tưởng muốn rách. Nàng thở dồn dập, miệng há to như người ngộp nước. Khiêm quay lưng bước đi. Tiếng Liên hét đuổi theo:

“Anh đi luôn đi, đừng có mà về nữa nhớ.”

Nàng giật tung chăn trải giường, cầm cái gối của Khiêm ném ra ngoài rồi đóng sập cửa lại. Khiêm trố mắt nhìn người đàn bà vừa khuất sau cánh cửa, chập chờn hình dung ra cái cô gái ngoan hiền ngồi say mê đọc sách dưới ánh đèn nhà chàng một đêm nào, cái cô gái đã khiến chàng rung động toàn thân hôm đó và người đàn bà hung hãn vừa rồi đứng trước mặt chàng, lúc nào thì chàng đã trông gà hóa cuốc?

Có nỗi gì ảo não dấy lên trong lòng Khiêm, làm chàng buồn phiền không muốn cất bước đi đâu nữa.

Khiêm lục tủ tìm chai rượu. Chàng uống một mình cho đến lúc say mèm.

*

Sáng hôm sau, Khiêm thức dậy trong căn nhà trống vắng đến lạnh lẽo. Chắc hẳn Liên đã đi làm từ sớm. Nắng bên ngoài đang bắt đầu bốc hơi nóng trên các bệ cửa sổ. Không có tiếng chim hót như mọi khi nhưng hương thơm của mấy khóm hồng dưới sân thoảng vào làm Khiêm tỉnh táo hẳn. Chàng thấy mình nằm trên thảm, đắp bằng tấm vải ngày thường vẫn dùng để phủ lên bộ xa lông mới của Liên. Khiêm nhớ ngay đến cái góc nhà mờ tối nơi mẹ chàng đang ở. Hình như từ cái chỗ nằm tình cờ qua đêm này, chàng nhận ra căn cơ gốc gác của mình, cái cảnh đời chàng được sinh ra để thuộc về chứ không phải căn nhà ngăn nắp và tiện nghi đang bày ra nhạt nhẽo dưới mắt chàng.

Khiêm vuôn vai ngồi dậy, thu xếp gọn ghẽ các thứ xung quanh rồi đi tìm cuốn niên giám điện thoại để gọi đến hãng cho mướn xe dọn nhà.

CÁ NƯỚC NGỌT

Lúc Hãn ra đến bãi đậu xe của nghĩa trang, trời chợt tối xầm. Bầu không gian vừa nãy hưng hửng nắng nhạt một ngày cuối đông, xám đen như đổ mực. Gió xao xác lạnh, lăn tăn gợn lên từ mặt đất dưới chân đi, đuổi đám lá khô lạt rạt cuốn trên lòng đường.

Từ chỗ ngồi đằng sau tấm kiếng xe lấm tấm những hạt nước li ti màu bạc của cơn mưa đang tới, Hãn nhìn về phía anh vừa rời đi, thấy đám đông đang rã mỏng với thấp thoáng sau lưng họ màu sắc của những vòng hoa điếu tang hừng hực báo tin lò lửa vừa mở ra nhận lại tro bụi của người về.

Đối với việc Sơn tự tử chết, Hãn không biết anh ta đúng hay sai. Thật ra, trong ý nghĩ của Hãn, chết bằng bất cứ cách nào, ở bất cứ độ tuổi nào, thực chất của mọi cái chết đều giống nhau: lãng phí, vô nghĩa (chắc phải trừ ra những cái chết được tô vẽ với nhiều màu sắc và được cổ võ với nhiều âm thanh trong thời chiến tranh). Hãn muốn nhìn thấy ở cái chết của Sơn sự lựa chọn bỏ cuộc giữa lưng chừng một trò chơi bỗng nhiên hết vui.

*

Hãn và Sơn là đôi bạn cùng học ở trường đại học kỹ thuật Phú Thọ. Họ cùng vượt biên trong những hoàn cảnh khác nhau, cùng đến Mỹ trong những cơ may khác nhau. Định cư ở cùng quận Cam, cả hai gặp lại nhau trong lớp Anh văn của một trường đại học tổng hợp. Hãn có khá đông họ hàng thân thích ở gần trong khi Sơn tứ cố vô thân, mãi mấy năm sau này mới tìm được manh mối một người cậu họ xa đến Mỹ theo chương trình nhân đạo của chính phủ Hoa Kỳ.

Khi vừa hết trợ cấp xã hội, cả hai lăn lưng ra làm một trăm thứ công việc tạp nhạp để kiếm sống và tiếp tục đi học: bơm xăng, bán chợ trời, chiên khoai tây, chạy bàn các tiệm ăn, chặt thịt cá ở mấy cái chợ... Hãn tốt nghiệp cử nhân điện toán và Sơn trở thành viên chức quản chế trẻ vị thành niên phạm pháp thuộc hệ thống tư pháp Hoa Kỳ.

Bản tính đa cảm và trầm mặc, Sơn ít giao du bè bạn. Thú vui cuối tuần của Sơn là đi câu cá ngoài bờ biển và đem những thứ câu được về nhà ông cậu họ nấu nướng, ăn uống với gia đình này. Hãn và Sơn tuy khá thân cận nhau nhưng cả hai hiếm khi đi chơi chung vì thời buổi này, trong cái xã hội họ đang sống, những đôi bạn trai thường đi chơi chung hay bị nhiều con mắt nhòm ngó thiếu thiện cảm và dị nghị. Vả chăng, sau này, Hãn có bạn gái nên anh cũng ít có thời giờ dành cho Sơn như lúc họ mới gặp lại nhau. Tình thân giữa họ chỉ còn trong những lần điện thoại hỏi thăm nhau và nói đủ thứ chuyện trên trời dưới đất. Hãn cũng có đôi ba lần giới thiệu bạn gái cho Sơn nhưng dường như lối sống cách biệt, lặng lẽ, ít vồ vập của Sơn khiến anh không giữ được cô nào lâu bên anh, những cô thiếu nữ như anh thường mỉm cười mô tả: ồn ào, vội vã, cạn cợt. Sự xa xỉ duy nhất của Sơn là chiếc xe hơi mới, dàn âm thanh thật tốt để anh nghe nhạc và xem phim. Sơn chu cấp gia đình bên Việt Nam thật chu đáo. Anh để cha mẹ chọn lựa giữa việc theo anh qua Mỹ hay ở lại trên vùng đất quần cư từ bao nhiêu đời của giòng họ anh thì ông bà đã chọn ở lại, giải thích là ông bà đã lớn tuổi, đã quen nếp sống thô sơ của nông thôn nên rất e ngại phải dời cư đến một nơi quá văn minh và khác biệt. Vì vậy, Sơn gởi phương tiện về để cha mẹ anh trùng tu ngôi nhà hương hỏa và chính nơi ông bà đang cư ngụ cùng cô con gái út cũng sắp sửa lập gia đình.

Cuộc sống đều đặn của Sơn êm ả trôi. Anh đi làm ca đêm nên ông cậu họ nhờ anh hai buổi sáng trưa đến đưa đón dùm ba đứa con của ông bà, một gái hai trai, đi và về học. Đứa con gái khi tới Mỹ mới lên mười, hai em trai nó đứa lên bảy, đứa lên năm. Ba năm sau, hai đứa con trai vẫn còn mặc quần đùi, áo thun, bắn games ầm ầm, ăn uống nhoe nhoét thì con chị đã trổ mã, đỏm đáng, ra dáng thiếu nữ. Nó uốn tóc xoăn tít, nhuộm nâu, nhuộm vàng, nhuộm đỏ, đánh lông mày nhỏ như sợi chỉ, tô quầng mắt và tô son màu đen, mặc quần áo hở hang, cũn cỡn, có chỗ xé ra tả tơi. Sơn thường xuyên chứng kiến cảnh ông cậu bà mợ gầm thét, chửi mắng và thậm chí quai tóc nó mà đánh. Những lúc như thế, chàng chỉ biết dằng hai bên ra, lỉnh vào xe và bỏ về vì không biết phải can thiệp thêm bằng cách nào.

Những buổi sáng Sơn đến đón ba đứa trẻ đi học, anh đậu xe ngay cửa gara và bóp còi. Bao giờ hai thằng con trai cũng sẵn sàng túi lưng chạy ra trước, chỉ có hai đứa mà ồn nhắng lên như cái tổ ong vỡ. Cô chị mãi mới yểu điệu ra sau. Tính Sơn xuề xòa, nhẫn nại. Anh nhìn thấy những việc không vừa mắt nhưng anh cho là những chuyện đó không liên hệ gì đến anh nên anh kệ. Con đường từ nhà đến trường con bé chạy xe khoảng mười lăm phút, cả anh lẫn nó không ai nói với ai một câu nào. Thỉnh thoảng nhìn vào kiếng, anh thấy mặt nó nhơn nhơn, hai con mắt sắc ráo hoảnh. Trông nó không giống những đứa trẻ cùng tuổi khác. Bố mẹ nó đi làm cả ngày, tối mịt mờ mới bước chân vào nhà. Nói là đón đưa nhưng Sơn chỉ chở nó tới trường buổi sáng, lượt về nó đi quá giang với bạn.

Một hôm như thường lệ, Sơn chạy xe đến đón lũ trẻ đi học. Ngay từ tiếng còi báo hiệu đầu tiên, hai thằng nhóc đã nhào lên xe, vừa nhồm nhoàm ăn vừa líu tíu nói chuyện với nhau. Chờ mãi vẫn chưa thấy con chị ra, Sơn nhấn thêm một hồi còi rồi quay xuống ghế sau hỏi hai thằng nhóc:

"Chị Hai đâu? làm gì ở trỏng mà lâu quá dzậy?"

Hai thằng bé ngừng nhai, nhìn nhau rồi cùng nhún vai ra điều không biết, theo kiểu trẻ con Mỹ. Sơn bỏ chân xuống đất, đi vào nhà. Vừa qua khỏi chỗ ngoặt đầu cái hành lang còn mờ tối dẫn vào dãy phòng ngủ nhà ông cậu, Sơn giật mình thoáng thấy bóng người đứng nép vào một phía tường. Chưa kịp định thần, Sơn cảm thấy một bàn tay con gái, mềm ấm, thò ra nắm chặt cánh tay anh, kéo đổ người anh về phía trước cùng một lúc mắt anh nhìn thấy trong cái tranh tối tranh sáng lờ mờ, hai con mắt đen thẫm, mở to, long lanh, hừng hực, như hai hòn than đang cháy, chiếu thẳng vào anh. Sơn lao đao trên đôi chân không vững, thấy mình đè lên cái bóng người đứng nép sát tường, bàn tay chàng được dẫn đi, đè lên một bầu ngực đầy có cái núm nhọn hình như vừa nhô cứng lên sau làn vải áo mỏng. Mùi dầu gội đầu thơm ngát, mùi xà bông tắm, mát như còn đẫm hơi nước, phả lên mặt Sơn, làm tràn ngập anh một ham muốn rạo rực, vồ vập. Bàn tay anh tự động khép lại trên trái ngực khít khao, những ngón tay anh tỏa ra mơn trớn vùng da thịt ấm áp, lơ lửng, mờ mịt, trong cái đầu bốc lửa, cuồn cuộn sự thôi thúc của khoái cảm làm co thắt châu thân anh. Sơn nghe tiếng thở bừng bừng dội lên từ buồng ngực mình, tiếng kêu khẽ, rưng rức, như tiếng con chim nhỏ rúc trong cái tổ rơm anh bắt về nuôi ngày còn bé và, thình lình, tiếng còi xe của hai thằng nhóc gọi toáng lên ngoài sân trước. Có cái gì tuột ra khỏi thân thể anh, làm nó nhẹ hẫng. Sơn ngỡ ngàng, rời khỏi vùng cảm xúc nhức buốt, mơ hồ thấy ướt lạnh đâu đó trên mình cùng một lúc với sự bực dọc vô cớ khiến thân thể anh bải hoải. Mắt đã quen với bóng tối, Sơn nhận ra đứa con gái ông cậu vừa lách mình ra khỏi cái vách tường và đi về phía cửa. Nỗi sợ hãi như cơn sóng dữ bất ngờ tràn lấp chàng, buốt giá, xen lẫn với cảm giác hối tiếc như thể một chuyện gì ghê gớm vừa vô phúc xảy ra cho anh. Phải mất một lúc Sơn mới cất được chân lên để đi hết quãng hành lang ngắn, trở lại chỗ chiếc xe đang đậu chờ, quên cả sập cái cửa cho đến lúc hai thằng nhóc con hò hét nhắc anh.

Ngồi vào tay lái, Sơn vẫn còn hoang mang, chưa hoàn hồn. Anh khó chịu, nhìn thẳng con đường trước mũi xe nhưng trong khóe mắt anh hiện lên rõ mồn một khuôn mặt con ranh con sáng nay bư ra với son phấn, mái tóc quăn tít, nhuộm đỏ một cách đĩ thõa và hai cái lông mày tỉa sắc như sợi cước. Cơn giận lâm thâm ngấm lên đầu Sơn cùng với cảm giác bồn chồn, háo hức, như thể anh vừa mới trở thành một con người khác, lý thú hẳn ra, từ nay có sẵn trong tay cơ hội về một điều gì anh chỉ mơ hồ mường tượng và nó làm cho đời sống của anh lấp đầy được một khoảng hở trống trải.

Mọi việc rồi cũng qua. Sơn đã bình tĩnh lại. Những sáng sau, Sơn ngồi lì trong xe, chờ cho đến lúc con bé chịu đi ra. Mặt nó hếch lên, lạnh như tiền. Nó im lìm, điệu bộ lên xe, điệu bộ nhấc theo nó cặp giò mặc váy ngắn hở đến tận đùi trên, ngồn ngộn thịt. Mắt nó không nhìn ai, cũng không nhìn ngang nhìn ngửa.

Một buổi xế trưa, Sơn đang lim dim ngủ chờ đến giờ đi đón lũ trẻ thì một hồi chuông điện thoại bất thường lôi anh dậy. Đầu giây bên kia, ông cậu giọng run rẩy, đứt quãng, lập bập báo cho anh biết ông bà vừa được cán sự xã hội thông báo cho biết là đứa con gái trời đánh của ông bà vừa khai với nhà trường rằng nó bị cha mẹ bạc đãi, bắt làm việc quá sức, đánh đập nó, bỏ bê nó cho người bà con lợi dụng lúc đưa đón nó đi học để xâm phạm tình dục nó.

Nội dung cú điện thoại vừa nghe như một quả tạc đạn nổ trắng xóa trong đầu Sơn. Là một người hiểu biết rõ luật pháp nước Mỹ, Sơn chết lặng, toàn thân tê cứng. Anh ý thức tai họa ghê gớm đã xảy tới với anh, một cách phi lý và oan uổng. Quả nhiên, Sơn lập tức bị ngưng việc, bị điều tra và chờ ngày ra tòa. Bố mẹ con bé được gởi đi học các lớp huấn luyện kỹ năng làm cha mẹ, bị phạt phải đi làm việc công ích cộng đồng. Về phần nó, nó được đem ngay ra khỏi nhà, được giao cho bố mẹ nuôi do chính phủ đài thọ.

Không còn sử dụng được khả năng chuyên môn nữa, Sơn trở lại cuộc sống vô định trước khi tốt nghiệp đại học. Anh đi bán xăng, bán bánh donut, giao nhận quần áo cho các tiệm giặt ủi... Với cái án treo trên cổ, anh vẫn nuôi hy vọng công lý sẽ thấu hiểu nỗi oan tình của anh. Thật ra, công lý trong xã hội này thường ở với trẻ con được mô tả là những thiên thần trong trắng, mỏng manh, vô tội, dễ bị tấn công và làm tổn thương, ít nhất cho đến khi chúng tự chứng tỏ một bộ mặt khác. Tuy nhiên những kinh nghiệm chua chát này không làm thay đổi được ý niệm và cả sự kiện quả có nhiều người lớn phạm tội do tình trạng bất ổn về tâm lý của chính họ mà hậu quả thường trút lên đầu những nạn nhân yếu ớt như trẻ con.

Sơn kéo lê những ngay tháng khắc khoải, chỉ có Hãn an ủi và nâng đỡ tinh thần anh. Với công việc làm loại thấp, Sơn không có cơ hội làm quen, yêu đương rồi lấy một người vợ tử tế. Anh chỉ có thể hẹn hò, đi chơi với những người bạn gái mà mối tình của họ, nếu có, cũng không bao giờ là cưu mang số phận không may của người bên cạnh.

Hơn một năm trời trôi qua với biết bao thử thách, dằn vặt về mọi mặt, Sơn ra tòa nhận lãnh bản án xác nhận anh có phạm tội xâm phạm tình dục trẻ vị thành niên. Trở về căn phòng ở thuê, Sơn uống rượu say mèm, ngã lăn ra giữa đống chai và vỏ lon bia nhếch nhác, bốc hơi men nồng nặc khắp cả cái khoảnh không gian chật hẹp chỉ có một mình anh giữa bốn vách tường. Hãn ghé qua căn phòng ấy lúc chập tối. Anh ứa nước mắt, thu dọn bớt sự bừa bộn và đắp lên mình Sơn tấm chăn mỏng, không hề nghĩ rằng đó là cử chỉ thân thiết cuối cùng anh còn có thể làm cho người bạn xấu số của anh.

Chiều hôm sau, lúc Hãn ghé qua chỗ Sơn ở lần nữa thì căn phòng đã được dọn dẹp sạch sẽ. Chiếc giường nhỏ của Sơn được trải chăn phẳng phiu, dàn máy nhạc im lìm, tắt hết những đốm mắt xanh đỏ nhấp nháy mỗi lần Hãn tạt vào chơi với Sơn hoặc rủ Sơn đi chơi. Chủ nhà buồn rầu báo cho Hãn biết một đứa trẻ ở chung vô tình gọi chú Sơn dậy để mở dùm nó cái nắp hộp nhưng chú không dậy nên nó khóc ré lên, khiến người lớn phải chạy vào. Cảnh sát tới, đem thi thể Sơn về một nhà thương nào đó.

Hãn điện thoại cho cảnh sát và xưng tên. Anh được cho biết có một lá thư Sơn viết để lại cho anh trước khi được xem là Sơn tự tử bằng thuốc ngủ. Hãn đến sở cảnh sát nhận lá thư, trả lời một số câu hỏi. Trong thư gửi cho gia đình ông cậu, Sơn kể lại đầu đuôi câu chuyện, bày tỏ sự oan khuất, hối tiếc việc đã xảy ra và loan báo quyết định của anh. Trong thư gửi cho Hãn, ngắn hơn, Sơn chỉ nhờ Hãn lo liệu bán dùm anh chiếc xe, dàn máy, phụ lo thiêu xác anh bằng hình thức nào ít tốn kém nhất, nếu còn dư tiền, xin gửi dùm về Việt Nam cho cha mẹ anh. Anh cũng nói với Hãn đừng coi việc anh tự tử là do sự nông nổi nhất thời hay ý muốn được minh oan. Nếu cần minh oan, anh phải sống chứ cái thây ma của anh thì đâu có cần gì minh oan nữa? Tuy vậy, anh hy vọng cái chết dứt khoát của anh sẽ giúp hệ thống tư pháp xứ này minh oan cho nhiều người khác. Những con mắt điện tử hoạt động dưới những điều kiện vận hành cố định, có lúc cũng cần được thay thế bằng những con mắt người, có con ngươi, liên hệ với hệ thần kinh suy tưởng riêng, với tiếng đập vi tế của trái tim trong lồng ngực mỗi người, để nhìn thấu những uẩn khúc, cảm nhận được cả cái bất thường ngoại khổ. Nền "Văn Minh Thần Chết" ở đây tạo ra các tai ương đầy rẫy trên đường phố. Sơn đã đụng phải một tai ương như thế và chết tươi, chết đứng, vì một người bị kết án xâm phạm tình dục trẻ con sẽ không còn nơi nào để ẩn náu mà sống cho ra con người.

Hãn không biết Sơn sẽ giúp minh oan được bao nhiêu người khác trong trường hợp tương tự với anh, có lẽ may lắm thì việc anh chết thảm sẽ giúp vô hiệu hóa được cái tai ương nhuộm tóc đỏ, chạy rong trên đường phố, sản phẩm của nền Văn Minh Thần Chết như anh gọi tên theo cách nói của Đức Giáo Hoàng Gioan Phaolô đệ nhị. Nó đã đâm sầm vào anh trong một buổi sáng rủi ro không ngờ và tiêu hủy anh.

Nghĩ đến đây, hai mắt Hãn nóng như hơ lửa, đôi môi khô nứt, bong những cái vẩy cứng mặn chát, xót như ngậm muối. Sơn cũng như anh, là những con cá nước ngọt sống thảnh thơi trên mấy nhánh sông hiền hòa ở quê nhà. Bỗng dưng bị quăng ném ra biển khơi đầy sóng gió, những con cá ngắc ngứ bơi, mỗi con một cách, mất hút giữa dòng cuồng lưu. Bàn chân Hãn khi không nhấn sâu xuống chân ga, chiếc xe lao vút đi trong cái giật mình thảng thốt của một người chợt nhìn đâu cũng thấy sự bất trắc rình chờ.

MÙA PHỤC SINH

Thân tặng D. Chi

Anh yêu,

Em biết chắc rằng dù với bản chất nhậy cảm đặc biệt của anh, với trí tưởng tượng phong phú và hẳn là ký ức anh vẫn còn ghi đậm nét về người và cảnh vật ở nơi này, anh cũng không cách nào hình dung ra, càng không nghe được, tiếng đập hung hãn của cơn mưa đầu mùa đang trút xuống mái nhà mình đêm nay. Những đợt nước hắt rào rạt lên cửa sổ từng chặp, lùa qua các khe ván hở, đem sự ướt át vào tận bên trong căn phòng mọi khi anh thường ngồi làm việc khuya khoắt, bên cạnh cái ấm cà phê điện thơm lừng. Cái ấm cà phê thì vẫn ở chỗ cũ nhưng hương cà phê không còn, trái ngược với một điều lòng em đang cảm nghiệm: anh đã đi xa rồi nhưng hơi hướm của anh vẫn cứ lẩn khuất, ám vào từng hơi thở em.

Người ta thường nghĩ, nỗi lo âu khắc khoải làm cho thời gian dài ra. Đối với em, anh đi thấm thoát thế mà đã ba tháng từ lúc nào. Anh đã đến được cái bến bờ đầu tiên đúng như chúng ta cùng hy vọng và cầu nguyện. Từ đây về sau, những bến bờ khác của anh có khi không còn trùng lắp trong nỗi ao ước và mong đợi chung của hai chúng ta nữa.

Em hơi ngạc nhiên nhận ra sự tỉnh táo khác thường của em lúc này so với thời gian mình chuẩn bị chuyến đi gần một năm trời. Cả một quãng đời hơn ba mươi năm chúng ta chung sống cùng nhau, quả thật em đã chẳng có một cơ hội nào để mường tượng ra sẽ có một ngày anh không còn ở bên em nữa, kể cả trong gần hai ngàn ngày đêm anh cải tạo vắng nhà. Ở nơi em sinh sống là chòm xóm, tổ dân phố, ở nơi em lao động kiếm miếng ăn và sự dung thân yên ổn cho mấy mẹ con là trường học (mà em là cô giáo), em luôn được người đời nhắc nhở anh cho em vì anh là ngụy quân, vì em ràng buộc với anh không những bằng tình nghĩa riêng tư vợ chồng mà còn bằng món nợ máu nhân dân chúng ta không hề vay nhưng nay thì chế độ mới đem tròng vào cổ chúng ta và đòi thanh thỏa. Thật ra, trên hết những nhắc nhở cay đắng từ cuộc đời thường ấy, em biết chúng ta không rời nhau nửa bước vì ở hai đầu cái dòng sông Bến Hải cuộn theo đường đi mịt mù cát bụi của đoàn quân thắng trận, em ý thức chúng ta vẫn cần nhau, vẫn bám vào nhau như một chiếc phao cứu rỗi, vẫn luôn có nhau ở hai đầu sợi dây mong manh, căng hết cỡ, của hy vọng và tuyệt vọng, đứa này buông, đứa kia chìm theo. Cho đến lúc chúng ta bàn nhau việc để anh trốn đi một mình (tất cả vốn liếng còn lại của chúng ta chỉ là chút phương tiện ít ỏi đủ cho một xuất đi mà thôi) em cũng vẫn chưa thực sự hình dung ra cái cảnh chia ly nó như thế nào? Giả dụ ngày đó mà em tiên liệu được, chắc bây giờ mọi việc đã đổi khác, chắc em vẫn còn ngày ngày nhìn thấy anh lẩn quẩn trong bốn bức tường nhà như một chiếc bóng vật vờ, đêm đêm ngồi cắm cúi viết lách ở cái góc phòng kia, bên cạnh khung cửa sổ không chỉ đóng kín im ỉm mà còn lót những tấm bìa dày để ngăn ánh sáng lọt ra ngoài, kích thích những cặp mắt cú vọ rình mò của công an khu vực đi tuần tra. Và, anh ơi, nhất là vẫn còn... vẫn còn... nó, sinh vật bé nhỏ tội nghiệp vô cùng kia...

Như em đã nói ở trên, thế nào thì anh cũng không hình dung ra được cơn mưa đầu mùa ngất trời đang đập xối xả trên mái nhà của mình đêm nay. Cơn mưa càng lúc càng hung hãn, quất những đợt roi nước vun vút lên bốn phía cửa mục nát nhiều nơi vá bằng những miếng thiếc mỏng rỉ sét, cơn mưa nhuốm một chút ánh hồng loang trên nền gạch, từ nửa cái hình hài dập nát đang dãy dụa của con vật đáng thương...

Hóa ra trong căn nhà vắng vẻ từ ngày anh cất bước ra đi này, không phải chỉ một mình em mong nhớ anh. Nó, con vật yếu đuối nhỏ bé kia, một con thằn lằn trắng xinh đẹp, nhỉnh bằng một ngón tay em, một con thằn lằn cái (chắc thế), hẳn nó cũng như em, đã hằng đêm nhìn thấy anh ngồi thu lu trước cái bàn viết nhỏ, bên cạnh cái ấm cà phê điện thơm lừng, bên cạnh cái gạt tàn thuốc ngún lửa. Lúc đi, chắc anh không từ giã nó (anh có ngờ đâu, có biết đâu), cũng không ai, sau khi anh đi, nói cho nó biết ấm cà phê đã thôi không còn bốc khói, cái gạt tàn chỉ còn sót lại vài mẩu đuôi thuốc thừa nguội lạnh, để nó thôi đừng đến chầu chực nữa. Mà đã chắc gì nó cần biết những điều khôn ngoan, phải lẽ, như em vừa mới nghĩ ngợi ra bằng cái đầu óc con người cao cấp hơn nó của em?

Thỉnh thoảng em có nhìn thấy nó đấy chứ nhưng em không có lý do gì để bận tâm về nó, càng không bao giờ bận tâm về mối liên hệ giữa nó và anh. Nó xếp loại chung với cả trăm ngàn sinh vật vô danh, bé nhỏ, vẫn hiện diện đầy rẫy xung quanh em. Cho đến đêm nay, cho đến cái lúc cơn mưa đầu mùa, sau những tháng hè khô ráo, bất chợt ồ ạt té nước vào bốn phía căn nhà nhỏ của chúng ta, khiến em vội vàng kéo sập cánh cửa sổ lá sách, kẹp nó vào giữa khe gỗ sắc, cắt nó làm hai, nửa đuôi rơi tòm xuống nền gạch ướt, quằn quại, cong rướn lên từng chập, nửa đầu còn nguyên vẹn, ngắc ngoải, vắt vẻo, thò ra giữa hai cái nẹp cửa, hai con mắt nó nhỏ xíu, đen lánh, nhìn em ảo não.

Cơn mưa lớn, tiếng gió riết róng lùa qua các lùm cây ven vách tường, nỗi sợ hãi làm em lạnh buốt sống lưng, hai đầu gối run rẩy đập vào nhau. Em khuỵu xuống, cảm nhận một cách ghê khiếp cái lạnh ướt, khô cứng của những viên gạch bông lót nhà luồn thốc lên buồng ngực, đè nặng lên đấy, như một khối băng lớn. Bên dưới nó, trong em, mơ hồ tiếng đập xa xôi, mỏng và xao xác, của trái tim em bỗng như vừa lâm bệnh nặng.

Nó, con thằn lằn cái (em tin chắc thế) xinh đẹp bé bằng một ngón tay em, vừa mới chết tươi trong cái kẹt cửa, ở cái xó nhà tối tăm không một ai biết tới này, ngoài em. Hình như có một cái gì giống nhau giữa nó và em. Hình như em cũng vừa mới đứt làm hai khúc trong một cái kẹt cửa bất ngờ như nó, khúc đuôi ngoe nguẩy, khúc đầu thất lạc và máu từ vết thương trên thân thể em như con suối mùa khô, sẽ cạn dần, không một ai hay biết, không một ai chứng kiến, để xót xa, để kể lại cho anh nghe như em đang kể cho anh nghe về cái chết của con thằn lằn bên cái bàn viết của anh đêm nay. Nghĩ cho cùng, em chưa được bằng nó.

Cơn mưa đã ngớt từ lâu, đang tạnh dứt, chỉ còn tiếng tí tách thưa thớt của những giọt nước cuối cùng rơi ngắt quãng như những tiếng nấc. Hình như có một cơn mưa khác cũng vừa tạnh ráo trong cõi lòng bỗng nhiên quang đãng của em. Hoặc là em như người vừa cắm đầu chạy hụt hơi trong một cuộc đua dài ngày, bây giờ được ngồi yên để thở và tỉnh táo nhớ lại những gì đã xảy ra.

Anh ạ, đúng là phải đợi đến lúc con thằn lằn bị kẹp chết ở cái khe cửa sổ thì em mới nhận ra tình cảnh chia lìa giữa chúng ta. Những sợi dây thừng vẫn buộc chúng ta vào nhau đã tuột ở một đầu vì nơi anh đang đi tới và chỗ em đang ở, những cái giống nhau, những cái chung, vốn đã ít, ngày sẽ càng ít hơn. Khi chúng ta nghĩ về nhau, những cái mốc quen dường như phai dần hình dáng cũ. Em cũng vừa chợt nhớ ra là xung quanh em, ở cái khe cửa sổ những căn nhà khác, biết đâu đêm qua, đêm nay hay đêm mai, cũng có những con thằn lằn đáng thương chết một cách tình cờ, đứt đoạn, như con thằn lằn ở nhà mình. Em nhớ ra là cả hai chúng ta đã cùng nhau tính toán, cầu nguyện, sắp đặt, cách nào cho thật hoàn hảo, cách nào phải thực hiện xong, cuộc chia ly của chúng ta, thúc đẩy mơ hồ bởi nhu cầu thoát thân buồn bã và cấp thiết đến lạ. Thời đại chúng mình phải sống có nhiều điều kỳ dị. Em nghĩ ở cuối thế kỷ hai mươi này, câu chuyện cổ tích Thạch Sùng chắc cần được viết lại. Cái ông Thạch Sùng về sau hóa thân thành con thằn lằn, đêm đêm bò quanh quẩn trên mấy bức trần nhà, bình yên tắc lưỡi tiếc xót thời vinh hoa phú quí chóng qua nay phải được đổi thành người đàn bà Việt Nam nhọc nhằn, ai oán, đau khổ, vô cớ bị xô đẩy ra khỏi cái khung đời đang ấm êm hạnh phúc, bị quăng ném ra giữa trùng trùng giông tố để rồi sẽ bị chết tức tưởi giữa dở dang hương lửa đời mình.

Nhưng mà thôi anh ạ, sau cái chết phần hồn đau thương của họ, người đàn bà Việt Nam nào cũng hiển thánh hết vì họ sẽ hân hoan chấp nhận, sẽ tha thứ, sẽ vượt thoát mọi cảnh ngộ bất cứ xảy ra như thế nào và sẽ dày xéo họ, miễn là những người đàn ông của họ được cứu rỗi ở một phương trời tươi sáng khác, ở một vùng đất an lành khác.

Anh yêu,

Trong cái kẹt cửa sổ nhà mình, đêm nay, giữa cơn mưa của đất trời thịnh nộ, con thằn lằn xinh đẹp là hiện thân của em và của những người đàn bà như em, nó vừa mới được hóa kiếp. Nếu có một ngày nào chúng ta còn gặp lại nhau, anh ơi, đối với em, đó là mùa Phục Sinh bằng máu thịt huyền nhiệm đến cho những ai vẫn còn đủ niềm tin vào phép lạ.

Thân yêu.

DỞ DANG

Em yêu,

Em đã nói, đã ao ước, đã hẹn với anh nhiều lần là chúng ta sẽ có một ngày trở về thăm lại Huế. Bây giờ, anh biết rằng việc ấy sẽ chỉ mãi mãi là một giấc mơ trong trăm ngàn giấc mơ không toại của đời em.

Chúng ta có rất nhiều bạn Huế, những người ra đi từ một quê hương như chúng ta, những người đã chia chung với chúng ta (nhất là với em vì em ở lại Huế lâu hơn anh) một quãng đời, một đất trời Thần Kinh thơ mộng, thế nhưng dưới mắt anh, em là người mang nặng Huế trong lòng hơn bất cứ ai khác. Em nhớ từ bông phượng vĩ tàn rơi trên đường Trần Hưng Đạo mà em gọi là mảnh hồn đau của Huế, rã rời dưới bước chân người qua lại, bầm dập dưới vòng bánh xe lăn, mới bữa qua chói chang ở một đầu cành, sáng nay chỉ còn là cái xác thâm đen chết dí trên hè phố. Em nhớ từ chút sóng sông Hương đựng đầy nắng những trưa tan học, sáng long lanh dưới chân cầu Trường Tiền mà em ví với mắt những cô thiếu nữ Huế yêu rất rộn ràng trong trái tim lặng lẽ. Em nhớ cả cơn mưa Huế đem trải sự rét mướt vào lòng người, từ Đông Ba buồn qua An Cựu, từ Đập Đá ngó ngược Kim Long, từ Nam Giao mong về Tây Thượng. Em nhớ hơi ấm chiếc lồng ấp trong vạt áo mẹ già, mùi ruốc sả nơi gánh bún bò lúp xúp chạy theo chân cô hàng qua cầu Gia Hội, con cá rò trong trẻo như miếng ngọc vụn màu lam nhạt trên mâm cơm nhà ai. Em nhớ mùi thơm của bông cau, bông bưởi, mùi miếng lá chuối hơ lửa để gói mấy con cá cấn cá mại mẹ bới cho em ăn trưa trên thềm ngôi nhà thờ sau lưng trường học. Nhiều nhất và ray rứt nhất, em nhớ màu trăng ở Huế mà em thường nói là em không từng thấy trăng ở đâu đẹp bằng trăng ở Huế.

Ở Mỹ nhiều năm, em thường đòi anh đưa em lên đồi cao ngắm trăng. Đêm khuya, những con đường, những ngôi nhà ngói đỏ xung quanh đã thiếp ngủ, thành phố lấp lánh đèn màu ở dưới chân, em đứng co ro giữa một thinh không chan hòa thứ ánh sáng ướp lạnh trăng sao và sương mù của đồi núi đang thở. Em ôm lấy vai mình, nghiêng đầu như lắng nghe. Khi anh cầm tay em, hai bàn tay thường giá lạnh, em im lặng khẽ ngả đầu vào ngực anh, như để rơi một vật gì quá nặng mà em không còn mang vác nổi. Em nói:

"Anh ơi, trăng đẹp quá nhưng sao trăng ở đây không có màu xanh như trăng ở Huế? Không gian bao la nhưng không thơm, đêm lộng lẫy vô cùng nhưng không có tiếng nói nào dội vào lòng em... "

Em yêu,

Anh không trả lời được những câu em hỏi vì anh cũng mất Huế in hệt em. Màu trăng trong ký ức em là màu xanh của cỏ cây non trẻ, của hy vọng thanh xuân; hương thơm trong trí nhớ em là hương thơm của bông sứ, bông lài, của ngọc lan, thiên lý, của lá chanh, bồ kếp gội đầu; tiếng nói trong lòng em là tiếng đêm huyền nhiệm của trời đất giao tình, của chim chóc đi tìm nhau, của côn trùng hồi sinh réo gọi, của trái tim em thổn thức đợi chờ. Chúng ta không còn những thứ đó ở đây, ở cái tuổi tóc trên đầu chúng ta đã nhuốm bạc, bước chân chúng ta đã ngập ngừng và em ơi, chúng ta chỉ còn nhau trong nỗi cô đơn của thân phận mỗi người mà tình yêu có lúc tưởng chừng đã ràng buộc chúng ta vào nhau đời đời kiếp kiếp.

Em nói với anh em yêu Huế vì cái thành phố ít đổi thay ấy dạy cho em sự thủy chung, vì nó giữ của em hai báu vật thiêng liêng là tuổi thơ và tình yêu. Những ngày gần đây, trên giường bệnh, em nói em yêu Huế cũng giống như em yêu anh, nhìn thấy nhau hằng ngày trong tâm tưởng, gắn bó thịt xương vào đời nhau nhưng đường càng đi, khoảng cách càng xa, cho đến một lúc người đứng bên này, người đứng bên kia dòng sông thời gian, tay buông tay, vòng sinh tử đứt lìa.

Em yêu,

Em dặn rằng nếu em không còn kịp về Huế, anh hãy về một mình, đem theo chút tro than của em, rải ở khu vườn nhà cũ, để em được hít thở lại hương hoa của bông trái và cỏ dại, cái mùi nắng ngạt ngào trên những giây phơi quần áo thơm băng phiến, để em lại nhìn thấy cha quanh quẩn bên mấy cội mai vàng, để em lại nhìn thấy mẹ tất tả trong gian nhà rộng, dấm dúi nơi này nơi kia cho em quả trứng gà vàng hươm hay trái mãng cầu vừa chín tới, để em lại được ngồi tựa cửa, duỗi hết cả hai chân trên mấy bậc thềm đầy trăng mà nhớ anh.

Em cũng dặn anh để dành tro than của em để rải một chút nữa trên sông Hương, dòng sông như một dòng lệ sầu đau khóc giữa phố phường tịch mịch, dòng sông như một giấc mơ huyền hoặc ám ảnh những ai đã nhìn thấy nó một lần và khi chia xa, nhớ về, lòng ai cũng xót như muối xát.

Em yêu,

Anh sẽ đem em về để em được tắm mát trên dòng sông thiêng của tuổi thơ em, nơi em đã đi những bước chân chập chững vào đời và những bước chân vụng dại trong tình yêu với anh. Nếu anh suốt đời là mây bay như em thường ví von, từ nay, bóng anh sẽ đổ xuống nơi nào em vui chơi trên vùng thủy mộ đã cất giữ linh hồn và thể phách em.

Em còn dặn anh rải tro than của em trên đỉnh đèo Hải Vân để em được nghe tiếng sóng vỗ, được nhìn biển trải mình đến tận chân trời, được chờ đợi anh ở một nơi em biết, sau cùng, anh sẽ về. Em kể chuyện năm em lên ba, mẹ đem em qua đèo Hải Vân để đi nghỉ hè. Em lên cơn sốt nặng, tưởng chết. Mẹ khóc, thề rằng nếu em không thể về cùng, mẹ cũng không về, mẹ sẽ gieo mình xuống vực đèo để theo em. Trời đất động lòng, cho em gắng gượng được để hai mẹ con cùng sống. Em yêu ơi, thời đại chúng ta không còn thần thoại nữa, anh đã thề với riêng mình như mẹ em ngày xưa nhưng chắc là lần này em không còn gắng gượng được nữa để chúng ta cùng nhau về qua đèo Hải Vân lần cuối.

Anh thật không biết mình sẽ sống như thế nào sau khi không còn em bên anh nữa. Những con đường mình đã qua, những vạt cỏ mình đã nằm, rồi đây chỉ còn một mình anh lang thang đi tìm lại dấu chân xưa. Căn nhà này, chiếc cầu thang kia, đã từng nhìn thấy em khỏe mạnh, tươi tắn, vào ra, lên xuống, đã từng chứng kiến những ngày em nằm bệnh, yếu ớt, suy nhược, đã cất giữ của em thanh âm những tiếng cười ngắn ngủi và những hạt lệ khóc thầm sau lưng anh, chính anh đã chia sớt cho chúng một phần linh hồn anh để cả cái không gian này và những vật vô tri ấy sẽ cùng với anh thương nhớ em khôn nguôi.

Anh sẽ để y nguyên cái ghế dựa đặt bên cửa sổ, nơi em đang ngồi yên lặng ngắm mấy khóm hoa mà có một hôm, em hốt hoảng gọi, nhờ anh cắt bỏ dùm em những bông đã tàn úa. Anh còn nhớ lúc đó mặt em tái nhợt, thân hình em run rẩy, khiến anh vội vã ôm chặt em vào lòng anh để vỗ về. Từ đấy, anh đã thay em chăm sóc, cắt tỉa mấy chậu hoa trong mảnh sân nhỏ, cho em bầu bạn những lúc không có anh kề cận.

Em yêu,

Cái buổi bình minh rực rỡ nắng hồng khi chúng ta cùng lên đường qua đã lâu. Thời gian đã đủ để con cái chúng ta lớn khôn và bước vào hành trình của riêng chúng. Đến lúc chúng ta kịp ngẩng mặt nhìn nhau thì hoàng hôn đã dâng đầy hai mắt, buổi chiều đời người đã ập tới, thảng thốt nỗi lo âu của một chia cách gần kề. Bây giờ kiểm điểm lại, thật sự anh không có gì nhiều để cho em, chưa kể là cũng đã có những lúc anh làm em rơi lệ. Bây giờ, anh hiểu rằng chính em là người đã luôn luôn châm cho đầy ly rượu tình nghĩa của chúng ta bằng chính dòng máu tinh cất từ trái tim trong trẻo của em. Chính em làm nên hạnh phúc to lớn của anh trong những nghĩ suy về bản thân mình vì anh luôn nhìn thấy trong mắt em, không ở đâu khác, cái hình ảnh toàn vẹn về mình mà anh mơ ước có, mà anh không thực sự có bao giờ, cả những nỗi bi thương anh dấu tận đáy lòng và ngỡ là không một người nào sẽ thấu hiểu mà chia sẻ cùng anh.

Em yêu,

Em đang thiếp ngủ hay em đang lịm vào cơn đau, anh làm sao biết được thần thức của em đang ở nơi nào trong trời đất bao la này? Khi cánh tay anh không còn được làm nơi gối đầu cho em nữa, thân thể anh, trái tim anh, vẫn cứ mãi là nơi ẩn náu ấm áp, êm ái, đợi chờ riêng một mình em. Anh sẽ không còn ngạc nhiên tại sao nỗi đau mất dần em, tựa như trái phá, đã không nổ tung để làm tan xác anh, bởi vì, em ơi, có phải chúng ta đã thể nhập, đã thấm đượm vào nhau vượt qua hết mọi ngăn chia, hay là, tội nghiệp cho anh biết bao, chỉ bởi vì em vẫn còn đây, đôi mắt nhắm nghiền kia sẽ còn nhìn anh, bàn tay gầy guộc kia sẽ còn ở trong tay anh, mái tóc rối kia sẽ còn cho anh thở mùi hương quen thuộc, nên anh vẫn mơ hồ chưa cảm nhận được cả vũ trụ này rồi sẽ vô cùng trống rỗng khi em đã thực sự lìa bỏ anh.

Kể từ ngày em không còn khỏe mạnh bên anh nữa, con đường anh đi về sớm hôm trùng trùng ly biệt. Phố xá đông vui, dòng đời náo nhiệt, riêng mình anh biết rằng rồi đây, anh sẽ không còn bao giờ tìm lại được bóng hình em ở bất cứ nơi nào. Sự thiếu vắng ấy trùm phủ lên cả cõi nhân gian và lòng anh, bi thảm gấp ngàn lần kinh nghiệm sự chết mà anh đã từng biết, em ơi!

Anh hiểu thời gian càng lúc càng đẩy chúng ta đến bên bờ vực chia lìa. Anh muốn kết thúc những lời tạ từ cuối cùng này nhưng chắc là anh đành phải bỏ dở dang vì tất cả sức lực trong anh, em yêu ơi, vẫn chưa chấp nhận được rằng chúng ta sắp sửa không còn nhìn thấy nhau.

Cali 4/98

PHÉP LẠ

Hang đá Đức Mẹ đối diện với cửa chính của ngôi nhà thờ mới xây nhìn xuống một vùng biển cát trắng và mịn. Một cái hàng rào sắt thấp quấn những giây hoa leo nhiều màu, tạo thành cái khuôn viên xinh xắn chạy ven chân sóng, ngăn cách hang đá với dải đất thoải dốc xuống tận mé nước.

Cả tuần lễ nay, cứ mỗi khi cụ Hân lững thững thả bộ đến chỗ đầu con đường nhỏ rẽ vào hang đá, cụ đã lại thấy tấm lưng thanh mảnh của người đàn bà dáng vẻ Á đông, quì dưới chân Đức Mẹ. Mái tóc mầu đen mun dài chấm vai, phơ phất mấy sợi mỏng, khiến toàn thân bà ta trông sinh động như một pho tượng sống. Sự có mặt bất ngờ và đều đặn hàng chiều của người đàn bà gieo vào lòng cụ Hân nỗi băn khoăn khó hiểu.

Cụ Hân định cư ở cái thành phố xa xôi, hẻo lánh này từ nhiều năm, lúc thoạt đầu vì cụ có liên hệ họ hàng với Cha quản nhiệm nhà thờ. Cụ có ba người con thì hai người ở miền Đông. Họ đưa cụ về nơi khí hậu ấm áp này với người con trai út bị khiếm tật cả hai chân, phải ngồi xe lăn từ lúc lên năm.

Cuộc sống khép kín, ít giao du với thế giới bên ngoài của hai mẹ con thật thích hợp với chốn thiên nhiên quạnh quẽ này. Từ đây về đến khu có đông người Việt Nam xa khoảng hơn ba chục dặm, qua hai xa lộ, nên cụ không mấy khi thấy người đồng hương lai vãng. Họa hoằn lắm mới có một cặp làm lễ cưới vì lý do một là họ không tìm được nhà thờ gần dưới phố vì thời giờ gấp rút, hai là cô dâu hoặc chú rể thích cảnh trí nên thơ vùng ven biển.

Khi đến gần người đàn bà, cụ Hân ý tứ quì cách xa bà ta vài sải tay. Cụ giữ dáng điệu tự nhiên, làm như không bận tâm gì về sự có mặt của bà ta tuy cụ không ngớt ngấm ngầm quan sát bà bằng trực giác sắc sảo của cụ. Gió từ mé biển thổi lên, đưa thoảng qua mũi cụ mùi thơm từ thân thể bà ta phảng phất với mùi hoa cỏ xung quanh. Lòng cụ chao nhẹ, như có chút thổn thức khiến cụ bỗng nhiên bối rối vô cớ. Cụ làm dấu, đọc kinh và lần chuỗi bên cạnh người đàn bà tuyệt đối im lặng, sự im lặng của một sợi dây đàn căng hết cỡ làm cụ Hân như nghe rõ mồn một tiếng những cử động gượng nhẹ của cụ dội lên nó.

Nắng vạc dần trên nóc gác chuông nhà thờ, buổi chiều tái xanh và bắt đầu trở lạnh. Cụ Hân vịn tay vào cọc rào để đứng dậy, sửa soạn về. Trong khóe mắt cụ, người đàn bà vẫn ở tư thế quì bất động, khuôn mặt thanh tao, mướt như một bông hoa huệ, ngước lên tượng Đức Mẹ, y như lúc cụ mới tới. Chiều hôm sau, lúc cụ đến hang đá theo lệ thường hàng ngày, nhìn thấy người đàn bà, cụ cứ có cảm tưởng bà ta vẫn ở chỗ đó từ hôm trước. Cụ biết cảm tưởng ấy không đúng nhưng cụ đoán chắc rằng bà ta hẳn phải có tâm sự gì nặng nhọc lắm? Ngẫm nghĩ một lúc, cụ cười thầm vì sự lo toan, suy đoán vẩn vơ của cụ. Tuy vậy, chỉ được chốc lát, cụ đã lại thấy mình loanh quanh, luẩn quẩn vì người đàn bà xa lạ có lẽ cũng đang khấn khứa Đức Mẹ như cụ nhưng với niềm trông cậy nhiều lần tha thiết hơn. Mặc dầu băn khoăn thế, cả cụ lẫn người đàn bà không ai bày tỏ một cử chỉ làm quen qua những buổi chiều dị thường lập đi lập lại đã hơn tuần lễ nay như một đĩa nhạc bị nứt ở một chỗ hay như khúc phim bị mắc kẹt, cứ chiếu đi chiếu lại hoài ở một đoạn.

Chiều hôm qua, lúc cụ sửa soạn đi ra hang đá Đức Mẹ thì trời bất thần đổ mưa. Cơn mưa ngớt nhưng không tạnh hẳn nên cụ đành phải ngồi nhà. Nhìn những tia chớp loằng ngoằng chạy như những sợi lân tinh nháng lên vòm mây xám ngoét phía chân trời, cụ bâng khuâng hình dung ra người đàn bà chắc thế nào cũng bị ướt vì cơn giông thình lình. Cụ thấy mình chép miệng than thở *"cơ khổ, chẳng biết có chạy vào nấp mưa ở cửa nhà thờ không?"*

Chiều hôm sau, ra tới nơi, cụ Hân đã lại thấy người đàn bà trong vị thế bất động như mọi khi, có khác một chút là bữa nay bà ta cầm chặt trong tay cái khăn mùi xoa nhỏ mà thỉnh thoảng bà đưa lên thấm thấm cái mũi xụt xịt (có vẻ như bà ta đã cố hết sức kìm hãm tiếng động vì sợ làm phiền người bên cạnh). Chính những tiếng động nhỏ đầu tiên này ở người đàn bà đã chọc thủng tấm màn yên lặng, cứng và lạnh như bằng sắt, ngăn cách bà với cụ Hân trước đây. Khi cụ Hân với tay qua cái hàng rào sắt thấp để kéo dịch lại gần cụ cái chậu hoa mà cụ muốn cắm thêm vào đấy mấy bông loa kèn cụ vừa hái từ khu vườn sau nhà, cụ nói khẽ với người đàn bà:

"Cảm phiền cô nhá, cho tôi bê cái chậu hoa."

Trái với vẻ bề ngoài chừng như lặng lờ, chậm rãi, người đàn bà nhanh nhẹn nghiêng hẳn nửa người qua cái hàng rào sắt, nhấc bổng cái chậu hoa đem đặt trước mặt bà cụ

"Để cháu làm đỡ cụ."

Giọng nói người đàn bà nhẹ mà không êm, lao xao chút bất an trong những âm bồn chồn dồn đuổi. Bà ta chăm chú cắm mấy bông loa kèn của cụ Hân vào chậu, sửa sang vài chỗ rồi lại nhấc bổng cái chậu hoa đặt vào chỗ cũ. Bà yên lặng, không lộ vẻ muốn bắt chuyện nhưng cụ Hân không bỏ lỡ cơ hội:

"Cô phải cảm, chắc tại hôm qua mắc mưa?"

Người đàn bà thấm khăn mùi xoa lên mũi, cười gượng:

"Vâng, chắc thế."

Cụ Hân không kềm hãm được ý muốn gần gũi thêm người đàn bà xa lạ có một vẻ gì không ngớt gợi lên nỗi bứt rứt trong lòng cụ nên cụ lân la hỏi tiếp:

"Cô ở mãi đâu mà lên tận đây cầu nguyện?"

Tuy hỏi ráo riết thế nhưng mắt cụ tránh không nhìn người đàn bà, áng chừng để bà ta bớt e ngại mà trả lời câu hỏi của cụ, nhân tiện, cụ đảo tầm nhìn quét một vòng qua chỗ bãi đậu xe trống hoác.

Tiếng người đàn bà lơ lửng, miễn cưỡng:

"Cháu ở xa, vừa dọn về Cali."

Câu trả lời ngang phè của người đàn bà như cái dấu chấm đặt xuống câu chuyện có chiều dằng dai của cụ Hân nên cụ nín lặng, nhặt nhạnh vài cái lá rụng vương vãi trên mấy bậc thềm hang đá rồi làm dấu và sửa soạn ra về. Bước được hai bước, cụ lại cảm thấy có cái gì níu kéo sau lưng cụ, một cách gay gắt, thúc bách đến kỳ lạ, nên cụ quay lại, nói nhỏ bên tai người đàn bà:

"Nhà tôi cách đây có một quãng, ngay dưới cuối con đường dốc lên nhà thờ. Lúc nào cô đi qua, mời cô ghé lại ngắm hoa."

Người đàn bà nghiêng khuôn mặt đẹp như tượng, đôi mắt trong trẻo ánh lên cả cái màu chiều tối thẫm đang nhuộm tím không gian hoàng hôn xung quanh.

"Cháu cám ơn cụ."

Nhiều buổi chiều tiếp theo trôi qua. Chắc chắn người đàn bà có đi qua nhà cụ Hân, có thể đã thấy cả khu vườn đầy hoa nhà cụ nhưng bà ta không ghé lại như cụ Hân đã ân cần mời mọc. Hai người đàn bà, một già một ở độ tuổi trung niên, cùng một tín ngưỡng, cùng một niềm trông cậy, quì gối cách nhau một sải tay, cùng dâng lời cầu nguyện lên một người đàn bà thánh thiện hơn họ nhưng cả hai vẫn ở cái vị trí của hai người lạ mặt, có lẽ với cả sự lạnh nhạt hoặc nghi ngại trong lòng.

Có hôm cụ Hân bạo dạn gói mấy quả táo hái từ vườn nhà cụ đem tặng người đàn bà. Cụ nói:

"Cây táo nhà tôi mới bói vài quả đầu mùa, tôi hái tặng cô cả cành lá cho đẹp."

Đôi vai mỏng của người đàn bà hơi co lên. Bà lúng túng buông hai bàn tay đang chắp lại trước ngực, cố dấu vẻ bực dọc của người bị đặt trong một tình huống bất ngờ và khó xử. Không có ai khác ở chỗ này ngoài họ nhưng giọng nói của người đàn bà cứ hạ thấp xuống, thì thầm:

"Phiền lòng cụ quá, cháu xin cụ..."

Bà không kịp nói hết câu vì cụ Hân đã nhắm chặt cả hai mắt và bắt đầu lần chuỗi.

Cách đấy ít lâu, một buổi tối, cụ Hân đang ngồi xem phim Tàu thì chuông cửa nhà cụ reo, lập bập, đứt quãng. Hơi ngạc nhiên vì cụ không chờ đợi ai đến thăm vào cái giờ đã muộn này, cụ miễn cưỡng đứng dậy. Khi cánh cửa mở ra, trong vùng không gian tối mờ phản chiếu ánh đèn từ bên trong hắt ra, dát bạc lên mấy sợi mưa mỏng bay lấp lánh phía sau, khuôn mặt người đàn bà quen thuộc ở hang đá Đức Mẹ hiện ra trước mắt cụ như một bông hoa lạ. Một ánh nhìn bối rối hướng về cụ, một giọng nói trong nhưng không cao, có những âm ngập ngừng, gãy vỡ, như thể người nói vừa cất tiếng vừa ngại ngùng vì nghe được trong cái âm vực mỏng của tiếng nói mình nỗi cô quạnh đến mủi lòng:

"Thưa cụ, thật cháu làm phiền cụ quá..."

Cụ Hân mở rộng thêm cánh cửa:

"Cô hẵng vào nhà đã rồi cho tôi biết cô cần gì?"

Người đàn bà rụt rè bước hẳn qua ngưỡng cửa, ánh mắt đảo một vòng xung quanh căn phòng chỉ có một mình bà cụ với rất nhiều khung tranh và giá vẽ.

"Thưa cụ, cháu là Loan. Mọi bữa cháu đều ra đến trạm xe buýt kịp chuyến xe cuối lúc 7 giờ 15. Không hiểu sao bữa nay cháu chờ mãi mà không có xe. Bây giờ đã gần chín giờ..."

Cụ Hân chỉ vào chiếc ghế bành, nhẹ nhàng mời khách:

"Cô cứ ngồi xuống đã."

Cụ mỉm cười, như muốn vỗ về nỗi lo âu của người trước mặt:

"Thế cô cần xe về, phải không?"

Loan ấp úng:

"Thưa... thưa cụ..."

Hai đầu gối Loan chụm sát vào nhau, kẹp chặt hai bàn tay nàng dấu ở giữa, khiến toàn thân nàng co rút lại như người có điều gì xấu hổ hay vì muốn che đậy sự hở hang đâu đó trên mình.

"Cháu chỉ có đủ tiền cho một lượt xe buýt thôi."

Nói xong câu này một cách khó nhọc, hai má Loan ửng đỏ. Hình như sự bối rối của Loan lây sang cụ Hân, cụ đứng đờ ra một giây rồi như người sực tỉnh, cụ mỉm cười vồn vã:

"Cô không phải lo, tôi giúp cô cuốc xe về dưới phố được mà."

Cụ nghiêng đầu, mắt lim dim nghe ngóng tiếng cười nói lao xao đâu đó bên trong cụ:

"Nhưng tôi không biết làm cách nào gọi một chiếc taxi đến đây cho cô, cô có gọi được không hay để tôi nhờ cậu con trai của tôi?"

Loan níu tay bà cụ:

"Thưa cụ, hay là cụ cho cháu ở nhờ cụ đêm nay, sáng sớm cháu ra đón xe buýt, như vậy đỡ phiền cho cụ hơn."

Bàn tay còn lại của cụ Hân vỗ vỗ lên tay Loan:

"Cô muốn thế càng vui. Căn nhà này chẳng mấy khi có khách cả."

Cụ trở nên linh hoạt và sống động hẳn:

"Phòng rửa mặt ngay bên phải cô. Để tôi đi lấy quần áo ngủ của tôi cô mặc đỡ... Cái ghế này kéo ra là giường."

Cụ Hân nói thế nhưng khi cụ trở lại phòng khách với đủ thứ vật dụng trên tay, cần cho một người ngủ qua đêm, Loan vẫn còn ngồi ở chỗ cũ, dáng điệu khép nép:

"Cụ cho phép cháu gọi nhờ điện thoại về nhà cho các con của cháu kẻo chúng lo lắng."

Đôi mắt cụ Hân ái ngại nhìn người khách bất ngờ:

"Cô cứ tự nhiên như ở nhà cô vậy."

Lúc cụ Hân trở ra lần thứ hai với tách trà nóng và đĩa cam cắt múi, cụ ngần ngại không biết nên nán ngồi lại với Loan (cụ cảm thấy như vậy hơi suồng sã) hay nên cáo từ để Loan được thư thái một mình. Thế nhưng lần này chính Loan đã giữ chân cụ bằng cách gợi chuyện:

"Cháu quấy rầy cụ, thật đường đột quá."

Nàng ngập ngừng:

"Cũng may mà có cụ chứ nếu không, cháu chẳng biết làm sao đêm nay..."

Nàng cười dịu dàng, mắt như có ngấn nước dưới ánh đèn:

"Chắc Đức Mẹ giúp cháu qua tấm lòng rộng lượng của cụ."

Câu nói bất ngờ của Loan như một ánh chớp chói lòa trong thần trí mơ màng của cụ Hân. Cụ chợt hiểu ra nỗi băn khoăn cứ ám ảnh cụ mấy tuần lễ nay kể từ khi cụ nhìn thấy Loan lần đầu tiên bên hang đá Đức Mẹ. Cứ trông bề ngoài, cụ biết chắc người đàn bà này có nỗi lo toan khó nhọc lắm trong đời sống, khó nhọc đến nỗi cô không còn biết nương tựa vào ai để lo toan giúp cô ngoài Đức Mẹ. Trong mơ hồ, cụ bỗng dưng cảm thấy như có sự thôi thúc kỳ lạ trong lòng cụ về một điều gì không rõ ràng nhưng nó khiến hồn trí cụ lâng lâng. Dường như cụ vừa được vinh hạnh nhận lãnh Đức Mẹ trao vào tay cụ cái trách nhiệm tháo gỡ người đàn bà xinh đẹp kia ra khỏi cảnh ngộ bế tắc của bà ta.

Cụ từ tốn gợi chuyện:

"Ngày nào cô cũng lên Hang đá Đức Mẹ, tôi hỏi khí tò mò, cô cầu xin điều gì thế?"

Loan ngẩng nhìn cụ, đôi mắt mở to, bất động một vẻ đau đớn khó tả:

"Cháu vừa gãy đổ gia đình bên miền Đông, một mình đem hai đứa con còn thơ dại về đây, ở tạm nhà người quen..."

Nhìn thấu hoàn cảnh gieo neo của Loan, cụ Hân hỏi thêm:

"Cô định làm gì để sinh sống và nuôi con?"

Loan vò cái khăn rửa mặt trong tay, mắt nhìn mông lung vào khoảng không:

"Ở bên kia, cháu có một cửa tiệm nhỏ bán thức ăn nhanh cho công nhân quanh vùng. Trước đó, cháu là một trợ y làm ở bệnh viện tỉnh."

Chỉ cần một tích tắc đồng hồ để phép lạ thực sự xảy ra trong lòng cụ Hân. Cụ nghe mình thở phào nhẹ nhõm:

"Bây giờ thì cô đi ngủ đi. Đừng lo nữa, tôi sẽ giúp cô gây dựng lại cái cửa tiệm nhỏ ấy."

Nói xong, cụ dứt khoát đứng dậy đi vào nhà trong sau khi chỉ cho Loan chỗ tắt đèn.

Đêm hôm ấy, ở nhà cụ Hân, giấc ngủ của Loan chập chờn tiếng những hạt mưa dai dẳng, lạnh lẽo, nhỏ giọt không dứt ngoài hàng hiên và, có lúc, tiếng những vòng bánh xe lăn mơ hồ qua căn phòng lờ mờ ánh sáng ngọn đèn đường rọi vào.

Sáng hôm sau, Loan thức dậy sớm và vội vã ra về, không đợi chào cụ Hân.

Vài ngày tiếp theo đó, Loan không lên nhà thờ. Lòng nàng bứt rứt nỗi lo sợ như thể một chuyện gì khó hiểu đã xảy ra mà Loan không biết phải cư xử thế nào để cho sự thể được minh bạch. Những ý nghĩ rối ren đuổi nàng chạy lòng vòng, nửa không muốn trở lại cái nơi mà nàng chắc chắn sẽ gặp lại cụ Hân, nửa xót xa tiếc rẻ một điều gì không thuộc về mình nhưng rõ ràng đó là một cơ hội tốt đẹp cho mẹ con nàng đang lúc cùng quẫn.

Ngày thứ tư, tâm trí bồng bềnh, Loan đáp chuyến xe buýt buổi xế trưa, đi lại lộ trình cũ lên khu nhà thờ ven biển. Lúc sắp sửa qua nhà cụ Hân, chân Loan quíu lại. Nàng bước chậm, bàn tay cầm cái ví nhỏ đè lên ngực. Cảm giác bối rối, tựa như nỗi xót xa thân phận, bỗng dưng khiến Loan ứa nước mắt. Nàng lưỡng lự, không biết có nên nhìn vào cổng nhà cụ Hân hay không nhưng rồi nàng cũng đi qua được quãng đường khó khăn ấy để đến quì dưới tượng Đức Mẹ, như thường lệ. Tuy vậy, bên trong mình, Loan tự biết nàng đang run rẩy, hồi hộp, chờ đợi tiếng bước chân cụ Hân làm xao động khẽ những viên sỏi rải xung quanh lối vào Hang đá. Sự vắng lặng mênh mông của buổi chiều đang xuống trên khuôn viên nhà thờ, vẻ đẹp bình yên và trong sáng tỏa ra từ chân dung Đức Mẹ, dần dần trả lại lòng Loan sự thư thái, giúp nàng an tâm cầu nguyện. Mặc sự lo lắng của Loan là thế, cụ Hân không xuất hiện. Lúc đứng dậy sửa soạn ra về, tay vuốt lại vạt áo, Loan nhìn mông xuống con đường dốc trắng xóa, vắng tanh, đến tận chỗ nó gấp khúc như bị cắt lơ lửng giữa khoảng không mà vẫn không thấy bóng dáng cụ Hân, Loan thở nhẹ, lòng rưng rưng thất vọng.

Khi cái hàng rào gỗ sơn trắng nhà cụ Hân lọt vào tầm mắt Loan, nàng khựng lại. Cụ Hân mặc cái áo len ngắn tay mầu xẫm, đang đứng tựa vào cái cổng gỗ thấp nhà cụ, rõ ràng là đang chờ Loan. Từ lúc này, Loan để mặc sức nặng thân thể nàng đẩy nàng tuột xuống con dốc, đến ngay trước mặt cụ Hân. Mắt nàng chạm vào hàm răng có cái cầu bằng bạc của cụ Hân đang cười với vẻ mừng rỡ:

"Mấy hôm không thấy cô. Cô có đau ốm gì không?"

Thấy Loan lúng túng lắc đầu, cụ nhích gần thêm rồi hắng giọng nói tiếp:

"Tôi cũng ngờ ngợ là đã làm cô sợ vì sự đường đột của mình. Lúc ban nẫy, tôi thấy cô đi qua đây nhưng tôi không gọi, sợ cô phân tâm..."

Cụ thấp giọng xuống:

"Tôi xin phó thác mọi việc trong tay Đức Mẹ, kể cả việc cô có trở lại đây hay không."

Cụ Hân quay lưng, bước hẳn vào sân và Loan thấy nàng tự động đi theo bà cụ. Lúc Loan đặt bước chân thứ nhất lên bậc thềm nhà, nàng nhìn thấy một đôi mắt sâu, to và đen lạ thường, chiếu thẳng vào mắt nàng. Cảm giác chung của nàng trong một thoáng về khuôn mặt chứa đôi mắt ấy là cái gì cũng đậm nét, mạnh và sắc sảo. Trong một thoáng tiếp theo, nàng nhận ra khuôn mặt ấy là của một người đàn ông ngồi xe lăn, bộ ngực đầy sau chiếc áo thun chật, đôi vai vuông. Trong một thoáng tiếp theo nữa, nàng khẽ rùng mình, người chao đi như bước hụt vào khoảng không. Nửa thân trên của người đàn ông như cái túi căng phồng bị thắt nghẽn, đứt lìa với nửa thân dưới mơ hồ hai cái que xương mỏng, khiếm nhã, bất động, dưới lớp vải quần thừa thãi, vô dụng. Phần thân thể hư hao của anh ta có cái gì thân thiết khiến Loan choáng váng, lòng quặn thắt, nghĩ đến phần thân thể hư hao của chính nàng, ở một nơi kín khuất, không ai nhìn thấy, không ai biết, ngoài nàng.

Đôi mắt sâu, to và đen ấy xoáy vào Loan, dừng lại trong mắt nàng, như chờ đợi, như một trao gởi bỗng dưng và vô lý, trĩu nặng trên hai vai nàng, chẹn lên ngực, khiến Loan không thở được. Chỉ đến khi, bằng phản xạ, Loan gật đầu chào, đôi mắt ấy mới rời đi trên chiếc xe lăn quay lưng về phía nàng. Loan nghe tiếng cụ Hân thoảng nhẹ trong không gian căng cứng sự bất ngờ:

"Đấy là cậu con trai tàn tật của tôi."

Bước hẳn vào nhà trong, cụ ngậm ngùi nói tiếp:

"Những tranh vẽ cô thấy là đồ chơi của nó."

Chỉ vào cái ghế bành, cụ Hân bảo Loan:

"Cô ngồi xuống đây. Tôi đi lấy nước để chúng ta uống."

Lúc bà cụ trở ra, Loan đứng dậy đỡ cái khay ấm chén trên tay bà cụ, đặt xuống cái bàn nhỏ rồi lại ngồi vào cái ghế bành, tâm trí rộn ràng, lãng đãng một điều gì, như gần, như xa. Nàng im lặng. Tiếng cụ Hân lại cất lên:

"Nói thật với cô, tuổi tôi chẳng biết dùng tiền vào việc gì nữa. Tôi muốn giúp cô là người trông cậy ơn Đức Mẹ..."

Loan nghĩ thầm:

"Vâng, quả là cháu có trông cậy ơn Đức Mẹ" nhưng nàng nghe mình trả lời cụ Hân cách khác:

"Cháu rất cảm kích lòng tốt của cụ song cháu không có ý định buôn bán nữa. Cháu đang xin đi làm lại việc cũ ở một nhà dưỡng lão dưới phố."

Cụ Hân hơi ngỡ ngàng, cụ hỏi vớt:

"Thế, buôn bán không tự do hơn là đi làm ư?"

Cái cảm giác dịu dàng nãy giờ thấm đượm trong lòng Loan, khiến ánh mắt nàng nhìn cụ đằm thắm:

"Cháu nghĩ đi làm thì hợp với hoàn cảnh cháu lúc này hơn."

Nàng nói tiếp, giọng tự nhiên tha thiết, khiến nàng ngượng như một người sợ người khác biết mình làm dáng:

"Cháu chỉ hơi tiếc là mai kia đi làm, cháu sẽ ít có dịp lên đây thăm cụ."

Nghe điệu nói khoan thai mà dứt khoát của Loan, cụ Hân cảm nhận sự quả quyết nơi người đàn bà đang ngồi đối diện cụ. Cụ cười gượng:

"Thì cô cũng lên viếng Đức Mẹ vào cuối tuần chứ."

Ngưng một chút, cụ nài ép khéo:

"Nếu lúc nào cô đổi ý thì gọi tôi nhé."

Nhìn cụ Hân rót nước trà vào hai cái tách, Loan chợt có cảm giác rất lạ là nàng quen thuộc với những vật dụng này quá, hình như chính nàng sẽ rửa dọn những thứ ấy và đem cất chúng vào cái ngăn tủ trong nhà bếp chứ không phải cụ Hân.

Hai người ngồi nói chuyện loanh quanh một chốc rồi Loan cáo từ ra về, mang theo trong tâm trí nàng đôi mắt to, đen và sâu, đã bất ngờ xuất hiện, làm chói chang lòng nàng một cảm giác hạnh phúc và hoan lạc kỳ lạ.

Tấm thân vạm vỡ chỉ có một nửa của người đàn ông hay tuổi xuân thì hoang phế của một người đàn bà như nàng, có số phận oan khiên giống nhau. Con đường trở ra bến xe buýt, dưới chân Loan, lao đao, bồng bềnh, làm nàng nhớ lại những buổi trưa mùa hè của tuổi thơ, nằm bế con búp bê trên chiếc võng mềm mà mẹ nàng mắc giữa hai thân cau trong khu vườn rộng, ấp nó sát vào ngực, thầm vụng vờ cho nó bú, vừa ru vừa nói nựng với nó in hệt một bà mẹ trẻ. Những ngày thơ ấu ấy, hạnh phúc làm mẹ một con búp bê của Loan hồn nhiên và dễ dàng, nó không giống với kinh nghiệm làm mẹ sau này nàng trải qua, mà trước hết, là kinh nghiệm làm vợ một người đàn ông.

Loan hơi tự chế riễu mình vì cái ý nghĩ hay là nàng đã lại yêu cái đôi mắt với ánh nhìn lạnh buốt, trên chiếc xe lăn chiều nay ở nhà cụ Hân? Loan cố nhớ lại kỷ niệm khi nàng gặp, yêu rồi kết hôn với Thước. Cho dù bây giờ hai vợ chồng đã bỏ nhau, Loan không muốn làm như những người khác, chối bỏ sự lựa chọn và niềm hoan lạc trên cùng khắp hồn xác nàng một thời. Không, nàng không có nỗi ân hận nào về những tháng năm ân ái cũ, cũng không lầm lẫn gì khi về làm vợ Thước. Chỉ là ngày đó họ ít hiểu nhau quá và càng không tự hiểu mình. Tình yêu của họ như hoa trái đầu mùa mà thể tạng non yểu đã làm cho ung thối từ những thử thách đầu tiên của thổ ngơi và thiên nhiên.

Tan vỡ rồi, Loan vẫn còn nguyên vẹn sự hăm hở của một người đàn bà Trời sinh ra để yêu đương và được yêu. Giữa sự vất vả, lo toan của đời sống, Loan mơ hồ biết nàng đã lại lập tức lao vào một tìm kiếm khác, không phải những mừng vui mong manh, những lo âu dằn vặt, xanh tươi và chua chát, của cuộc hôn nhân đầu đời, cũng không nhất thiết là tình yêu với một người đàn ông khác nhưng chắc chắn là một cái gì bù đắp vào nỗi thiếu thốn trong lòng Loan.

Tuần lễ sau đó, Loan được nhà dưỡng lão nhận cho đi làm. Công việc bận rộn, sinh hoạt già nua của những thân người cằn cỗi lẽ ra không còn lý do gì để bám víu vào cuộc sống đã khô cạn mọi nguồn sinh khí dành cho họ, ít nhiều đem sự nguội lạnh vào lòng Loan, giúp nàng dằn được nỗi nhớ nhung con đường dẫn lên Hang đá Đức Mẹ, cái hàng rào gỗ sơn trắng nhà cụ Hân và đôi mắt một người không ngớt làm Loan bồi hồi, giao động.

Trưa thứ bảy, ra ca, Loan về nhà tắm gội xong là vội vàng đáp xe buýt lên nhà thờ. Nàng không ở đây lâu như thời gian trước vì nàng cần dành thời giờ ghé vào thăm cụ Hân và người đàn ông có đôi mắt chiếm trọn thần trí nàng suốt bảy ngày vừa qua.

Như vài lần trước, cụ Hân ra mở cổng, đón Loan bằng nụ cười rộng làm cụ trông trẻ hơn với cái cầu răng bằng kim loại trắng:

"Cô đã đi làm chưa mà suốt tuần không thấy cô lên đây?"

Loan ngập ngừng nghĩ thầm *"ngoài cụ ra, có còn ai mong cháu nữa không?"*

Thấy Loan đứng yên, cụ Hân có vẻ băn khoăn:

"Cô và hai cháu bình yên cả chứ?"

Loan lại nói thầm bên trong nàng *"Chỉ có cháu không bình yên."*

Những khoảng yên lặng của Loan đủ để cả hai người vào đến cái hàng hiên có bậc tam cấp mà giờ này, lúc Loan đặt mũi giầy lên bậc thềm thứ nhất, nàng vẫn còn nguyên cảm giác bàng hoàng của một buổi chiều tuần trước, khi mắt nàng chạm vào ánh nhìn lạnh buốt từ đôi mắt một người đàn ông ngồi xe lăn.

Sau cùng, Loan cũng cất được tiếng nói để trả lời cụ Hân:

"Thưa cụ, cháu đã đi làm rồi."

Cụ Hân thân mật cầm tay Loan:

"Thế thì tôi mừng cho cô lắm. Vào uống với tôi tách trà."

Yên vị rồi, Loan nhìn quanh quẩn căn phòng khách bày biện đơn sơ với rất nhiều chỗ để những bức tranh vẽ dở dang. Gian nhà tuyệt đối không một tiếng động khiến Loan có cảm tưởng nàng đang ở một chỗ nào không thật. Mãi một lúc sau, Loan mới nghe tiếng cái ấm nước bắt đầu sôi, rít lên như một hồi còi nghe rất xa. Loan biết cụ Hân đang ở trong bếp nhưng nàng muốn được cất cao giọng hỏi *"thế còn đôi mắt kia thì ẩn nấp nơi nào trong căn nhà?"* Loan nghe tim nàng đập thổn thức và tiếng những cái tách trà chạm khẽ vào đĩa.

Những chiều thứ bảy sau, ở hang đá ra về, bao giờ Loan cũng tạt vào nhà cụ Hân, với hy vọng nhìn thấy lại đôi mắt không thôi ám ảnh nàng kể từ cái buổi chiều bất ngờ xảy ra hơn tháng trước. Nàng bực dọc và buồn bã vì nàng không toại nguyện. Đôi mắt trên cái thân thể chỉ cường tráng một nửa, vừa chói lọi, rạo rực sức sống, vừa âm u niềm tuyệt vọng khốn cùng, làm Loan cứ bồn chồn mỗi khi nghĩ tới nó, làm gợn lên trong lòng Loan nỗi ham muốn được hòa nhập nàng trong một san sẻ tận cùng.

Mùa hè trôi qua rất nhanh, mùa thu ngắn ngủi bay vèo cùng những chiếc lá phong vàng úa, mùa đông sầm sập tới và khắp nơi người ta chuẩn bị đón Giáng Sinh. Chiều hôm nay, khi Loan gọi chuông nhà cụ Hân và khi nàng bước theo cụ lên mấy bậc thềm vào nhà, nàng đứng sững trên ngạch cửa căn phòng khách quen thuộc, nhìn thấy một bức vẽ mầu nước chân dung nàng đặt trên giá gỗ, lồ lộ giữa gian nhà. Đó là bức vẽ duy nhất hoàn thành, có chữ ký ở một góc, giữa những bức vẽ dở dang khác Loan đã từng nhìn thấy và nay đã được dọn sạch đi một nơi nào.

Loan nhận ra chính mình. Loan chỉ không ngờ đôi mắt người vẽ, trong một tích tắc đồng hồ giao thoa ánh mắt nàng (hay trong cả những mùa dài êm ả vừa trôi qua?) đã ghi nhận cả cái nốt ruồi nằm ấm áp trên cái trũng cổ của Loan.

Mất một lúc, cả cụ Hân và Loan mới nhìn nhau. Loan nghe tiếng cụ ngượng nghịu thốt lên:

"Cô vào uống với tôi tách trà."

Loan sực nhớ tới bộ ấm chén của cụ Hân mà một lần đã lâu, tự dưng Loan thấy chúng thân quen với nàng y như thể chúng thuộc về nàng vậy. Hình ảnh ấy khiến Loan bạo dạn kêu khẽ:

"Cụ để cháu đi đun nước và soạn ấm chén."

Còn lại một mình trong chiếc ghế bành rộng, cụ Hân cho tay vào túi áo len lấy chuỗi tràng hạt. Cụ nói thầm đủ cho mình nghe *"Bây giờ thì con hiểu chỉ có Mẹ làm nên phép lạ."*

DỌN NHÀ

Tôi ở Cali mười bốn năm, dọn nhà sáu lần. Lần đầu chỉ sau hai tháng kể từ lúc đặt chân xuống phi trường Ontario để về nhà người bảo trợ ở thị xã Riverside. Lúc bấy giờ, bốn mẹ con bà cháu tôi chỉ có hai cái vali đựng ít quần áo tạp nhạp mang theo từ Việt Nam. Tất cả người và của cải dồn gọn ghẽ trong chiếc xe Oldsmobile của cậu cháu họ xa, vì từ tâm, nhận đưa dùm gia đình tôi từ Riverside về Santa Ana thuộc quận Cam.

Lần dời đổi sớm sủa cái nơi tạm cư ngắn hạn này không để lại lòng tôi sự vướng bận nào, có chăng là vài buổi sáng mùa đông thức dậy, tôi phải hứng mấy xô nước nóng đem đổ lên cửa kiếng xe hơi của bà bảo trợ mà cơn rét đêm trước đã phủ lên đấy một lớp tuyết trắng mịn như muối. Có một hôm phòng vệ sinh trên lầu bị nghẹt. Mẹ tôi không biết. Cụ đi cầu xong, giật nước. Nước không thoát được, tràn ra sàn nhà, đem theo đồ dơ. Mẹ tôi vừa sợ, vừa xấu hổ, cụ đứng run rẩy, mặt tái xanh, nước mắt đầm đìa cho đến khi tôi chạy lên tiếp cứu.

Về Santa Ana, tôi chia với gia đình một người bạn căn nhà bốn phòng ngủ, có vườn rộng. Chính ở căn nhà thuê trả tiền hàng tháng này, tôi bắt đầu góp nhặt kỷ niệm trong quãng đời lưu lạc trên xứ Mỹ. Ngày nào tôi cũng rời nhà từ khi còn tối trời để đi quá giang xe một người hàng xóm đến sở làm sau khi úp lồng bàn cho mẹ tí cơm cá, tí xôi hay cái bánh giò. Buổi chiều quãng ba bốn giờ, lúc tôi xách cái giỏ cơm chỉ còn hai cái hộp không, bước vào khoảng sân xi măng trước hiên nhà, bao giờ tôi cũng bắt gặp đôi mắt mẹ, hiền hậu, lặng lẽ, mừng tôi về như thể bà đã đợi lâu lắm. Trên bực cửa sổ chỗ bà ngồi, những ngày tháng sau khi mẹ tôi ngã bệnh đột ngột phải nằm nhà thương và không bao giờ trở về nữa, vẫn còn nguyên cái khăn mùi xoa gấp tư gọn ghẽ đặt bên dưới cái ca uống nước bằng sành của bà. Cho đến khi mấy mẹ con tôi dọn ra khỏi căn nhà đó, cái góc cửa sổ ấy vẫn cứ ở lại trong trí nhớ tôi, như thể chúng và tôi chưa hề rời xa nhau. Vẫn cứ ở lại trong trí nhớ tôi cái bờ tường hẹp dẫn vào dãy phòng ngủ mà hằng đêm tôi nhìn thấy bàn tay bà lần mò, dựa dẫm bước đi. Vẫn cứ ở lại trong trí nhớ tôi cái tủ nhỏ ở nhà bếp, nơi mẹ tôi dấu mấy gói mì sợi (mà bà xuýt xoa khen ngon quá) để dành cho người con trai không thấy về thăm. Vẫn cứ ở lại trong trí nhớ tôi cái gốc cây phượng tím và lời tỏ tình chậm muộn của một người bạn cũ bên ngoài khung cửa sổ, chỗ tôi vẫn thường ngồi viết lách và nhìn mông ra quãng đường vắng lượn vòng qua ngôi nhà.

Nơi ở thứ hai tôi dọn đến là một căn chung cư tồi tàn trên đường Sycamore. Một phía tường của nó bọc theo bờ lề con đường nhỏ với ngôi thánh đường bên bờ lề đối diện. Mỗi sáng chủ nhật, tín đồ mặc quần áo đẹp, đàn bà trẻ con với nhiều tua đăng ten trắng mỏng, tấp nập đổ vào nhà thờ, là sự may mắn lạ thường của cả cái khu phố âm u, ảm đạm này. Căn nhà rất nóng trong mùa hè mà các cửa sổ không dám mở. Nhiều tháng sau khi rời bỏ nơi ở này, giấc ngủ ngắn hằng đêm của tôi vẫn còn chập chờn mộng mị nỗi sợ hãi lo âu chưa có đủ tiền thuê trả cho tháng tới. Vẫn còn trong cảm xúc của tôi chút bâng khuâng xao xuyến khi nhìn đứa con gái thứ hai rụt rè quàng cái ví xách lên vai trong lần đầu đi chơi với người con trai đã làm lòng nó bồi hồi rung động. Tôi rời khỏi căn chung cư này, mang theo những buổi sáng chủ nhật đoàn tụ của những gia đình người Mễ lũ lượt đổ về ngôi nhà thờ ẩn khuất dưới những tàng cây rậm, mang theo những bước chân non dại của con bước vào sạn đạo tình yêu, mắt trong veo niềm vui, lấp lánh hạnh phúc, tim rộn rã những giai điệu của buổi bình minh đời người, mang theo cái sàn nhà xơ cứng đêm đêm ngổn ngang chăn gối của những giấc ngủ muộn và những trở dậy cùng bóng tối vì đêm chưa hết và ngày chưa bắt đầu, mang theo cái ghế xô pha vải bọc đã bạc màu, có những chỗ trũng nhấp nhô và những cạnh lò xo chồi ra như mấy nhánh xương gầy.

Nơi ở thứ ba của tôi là một căn condo hai phòng ngủ ở gần trường đại học Rancho Santiago. Con gái lớn của tôi đang thực tập năm cuối học trình dược khoa, ban đêm đi làm thêm để giúp đỡ gia đình. Chúng tôi có một khoảng thời gian sống êm ấm bên nhau với những tiện nghi ít ỏi nhưng cũng khá tươm tất ngoại trừ vẫn còn phải dùng chung máy giặt sấy công cọng. Tôi có một khoảng sân nhỏ trồng vài loại hoa dễ nuôi. Những đêm có trăng, hoa lá lay động dịu dàng khiến đêm trở nên huyền ảo lạ. Mùa mưa, nước mưa lướt thướt tuôn rào rạt trên khung cửa kiếng ngăn thềm nhà với vuông sân, tựa như mưa rơi ở giữa căn phòng nhỏ chỗ tôi thường ngồi viết lách hay nghĩ ngợi vẩn vơ. Ở nơi này, con gái thứ hai của tôi bước vào ngưỡng cửa đại học và con gái thứ ba của tôi lần đầu biết đánh son môi và tô quầng mắt để dự lễ tốt nghiệp trung học. Cũng ở nơi này, tôi nhìn thấy sự khôn lớn của con cái, ý thức chúng như bầy chim đã đủ lông đủ cánh và sẵn sàng bay theo những đường bay mới trong bầu trời mông mênh cao rộng. Tôi làm quen với những nỗi thắc thỏm lo âu vì vòng tay mình không còn dài rộng đủ để đem sự an toàn đến cho con cái trên mỗi thước đường chúng đi. Rời bỏ căn nhà này, tôi mang theo ý niệm chua xót mỗi người có một thân phận riêng để sống cho dù con cái là máu thịt từ tôi mà hình thành. Tôi mang theo tiếng gót giầy quen thuộc của con gái lớn hàng đêm từ sở làm về, gõ hối hả ở cái khúc quanh dưới thềm cửa sổ, nỗi ngượng ngùng khi cô nhận cái hẹn lần đầu để một người bạn trai giàu có đến đón cô giữa khu xóm nghèo chật chội này. Tôi không có tài biến quả bí đỏ và lũ chuột chạy quanh mấy bờ tường tối thành cỗ xe song mã đưa con đi gặp hoàng tử của lòng nó. Tôi chỉ có những hạt nước mắt vô tích sự nhỏ xuống nỗi thiệt thòi và những cố gắng nhọc nhằn của con trên bước đường tiến thân lót trải bằng niềm tin cùng lòng kiên trì của riêng nó. Tôi rời khỏi nơi ở này, còn mang theo những sớm mai nắng lên xanh ngắt trên bờ rào, cây hoa hồng hàm tiếu, cây ớt sai trĩu quả non, chỉ qua một đêm, sáng hôm sau đã trơ cành, trụi lá, bầm dập dưới bàn tay nghịch ác của lũ trẻ láng giềng.

Căn nhà thứ tư của tôi nằm dưới chân đồi Laguna, có một khu vườn sau thoải lên dốc cao đầy hoa. Những đêm trăng cả khu vườn long lanh như ngọc, thơm nồng mùi dạ lý, lài và hoa hồng. Cả quãng đời trải qua ở đây, ba năm, mẹ con tôi bận rộn như một bầy ong. Đứa lớn ra trường, đi làm. Đứa út cũng đã vào đại học và sống xa nhà. Khi tôi dọn về ngôi nhà này, đồ đạc chưa kịp tháo ra, giường ngủ chưa kịp lắp ráp thì mẹ tôi qua đời sau bốn năm vật vã với bệnh nạn. Đêm đầu tiên, mấy mẹ con đi tìm căn phòng nào nhiều ánh trăng nhất thì giải chăn ra ngủ. Nửa đêm, tôi thức giấc vì tiếng một con chim lạ kêu buồn bã dưới đầu hồi. Qua khung cửa kính rộng, bóng những cành lá bạch đàn lay động, báo hiệu sự sống tồn tại trong cõi linh thiêng tịch mịch. Vài năm sau tang lễ, cháu ngoại đầu của mẹ tôi đi lấy chồng. Căn nhà rộng từ nay đêm đêm chỉ còn một phòng sáng đèn. Nó đã hoàn tất cái nhiệm vụ quan yếu là cung cấp một cái địa chỉ tử tế để đưa đón cô dâu, làm đẹp lòng hai họ trong ngày cưới. Như con đường đến một ngã rẽ mới, tôi lại dọn dẹp, đóng gói để sửa soạn dời tới một nơi ở vừa với túi tiền và hai người còn lại. Trong lần thay đổi này, tôi mang theo nhiều hành lý cồng kềnh hơn: một đứa con thực sự bước chân vào cuộc hành trình chông chênh của tình yêu và hạnh phúc, một đứa khác ngày càng hăm hở với những chân trời xa đầy thử thách và mời gọi. Tôi mang theo khu vườn treo trên cao, lồng lộng ánh trăng tuôn tràn trên mấy bụi xương rồng cắt lên sườn đồi những khối bóng vạm vỡ, tôi mang theo những con đường yên tĩnh chạy ngoằn ngoèo qua các ngôi nhà xinh xắn, in vết bánh xe và dấu chân thanh xuân của đàn con ba đứa sớm tối đi về, tôi mang theo cái tiệm cơm Thái Lan ở một góc phố vắng vẻ thường là nơi tiếp đãi bạn hữu ở xa tới thăm (mà nay vài người đã vĩnh biệt), tôi mang theo cái hồ nước mênh mông có những buổi chiều lất phất cơn mưa bụi làm nhớ quê hương đến ứa lệ, tôi mang theo những năm tháng tuổi đời rơi rụng, mãi mãi ở lại khung trời thanh lặng đó...

Nơi ở thứ năm của tôi là một căn townhouse nhiều tầng nằm ở khu phố cổ thị xã Tustin. Con đường trước mặt khu nhà trắng tươi vào những ngày nắng ráo, ít người và xe qua lại, như những con đường sáng mồng một Tết ở quê nhà. Khoảng thời gian tôi sống ở đây khá lâu so với những nơi trước, lại rơi vào cái quãng tuổi bắt đầu nếm trải chia ly của đời người nên chính ở đoạn đường này tôi đã tiễn đưa lần cuối nhiều người thân quí nhất đi về thiên thu. Có bạn đến đây một lần, hai lần, nhiều lần, trong một vài buổi sáng nắng chiếu rực rỡ qua khung cửa kính mở rộng để mùi hương từ mấy khóm hoa hồng thoảng vào, trong một vài đêm trăng đầy hay trăng khuyết mà lúc tiễn bạn ra về, lối đi xi măng lượn giữa hai bờ cỏ râm ran tiếng dế in bóng hình nhau, tựa như giấc mơ về một cảnh đời không thật.

Lần dọn nhà này, tôi tiễn con gái thứ hai bước vào cuộc hành trình đôi lứa. Thêm một lần xương thịt tách lìa, thêm một khoảng đời khăng khít mẹ con mất hút. Ra khỏi căn nhà đóng cửa lần cuối cùng, để lại sau lưng mấy cái chìa khóa cho người chủ mới, tôi biết mình cũng ra khỏi một đoạn đường không bao giờ còn cơ hội quay về.

Tôi vẫn biết sống là chọn lựa. Chọn lựa vào lúc dọn nhà là sự chọn lựa đau lòng giữa biết bao điều đã có lúc chúng ta chọn lựa ở lại cùng.

Trước hết là thư từ. Cầm lên tay chiếc phong bì cũ, gọi thầm một cái tên, nhìn lại một cái địa chỉ, có khi lòng thúc dục phải đọc lại đôi ba ý tứ bên trong trước khi quyết định xếp nó vào phía đi hay phía ở. Đi hay ở cũng là do duyên nghiệp nhưng phải chăng chặng đường lúc cuối đời của mỗi người đều ngày càng giảm bớt hành trang mang theo? Phong thư thì cũ nhưng sự đoạn lìa vào lúc này là một vết cắt mới nên xót xa và đầy thương cảm. Xong thư, đến sách báo. Chữ nghĩa ở đâu ra mà nhiều quá thể. Biết bao tâm huyết gửi gấm, trao đi, của những đèn khuya bóng lẻ, giữa những vật vã âu lo, hy vọng hay tuyệt vọng. Trang trọng là thế, thiêng liêng là thế, chuyện ngàn năm phút chốc cũng phù vân. Ba đứa con, hai mươi mốt năm đại học, vứt hết sách vào thùng rác tựa như cơm thừa canh cặn những bữa ăn đã nuôi chúng khôn lớn. Những cuốn sách dày, nặng, bìa da, chữ mạ vàng, đẹp quá, công phu quá, ném chúng đi thấy tay chân run rẩy, lòng run rẩy, cảm nghĩ như chữ nghĩa có linh hồn nên bưng chỗ này lại đặt xuống chỗ kia, không nỡ, không dám, cho đến khi mấy đứa con lạ lùng hỏi *"sao mẹ cứ loanh quanh mãi vậy?"* rồi chúng khiêng hết ra bồn rác công cọng. Tôi leo lên cái gờ tường cao, nhìn đống sách rơi ngổn ngang, lấm láp trong đáy thùng, có trang chi chít nét chữ của lũ con, biết rằng cũng như tôi, cũng như mọi người, trên dòng sông đời trôi chảy, ai cũng phải bỏ lại những bến bờ đã đi qua, ai cũng có những ngày tươi trẻ rồi sẽ vàng úa dần theo những trang sách cũ.

Quan niệm chữ nghĩa là của thánh hiền xưa kia được cha mẹ dạy dỗ, nhồi nắn, đến đây cũng đành vùi dập trong gió bão lạnh lùng ở quê người.

Ngoài ra, tôi còn có hai con mèo. Con Freddy ở với chúng tôi từ căn nhà dưới chân đồi Laguna. Nếu cứ tính một năm tuổi người bằng bẩy năm tuổi mèo thì năm 2000 này, nó bảy mươi mốt tuổi. Suốt cuộc đời, nó sống chay tịnh vì con gái tôi đã đem nó đi cho thú y sĩ rút móng tay và triệt giống. Mặc dầu tôi cực lực phản đối cung cách nuôi mèo được điều kiện hóa theo lối Mỹ, cô con gái thứ hai của tôi nhất định làm theo ý cô để cô có một người bạn nhỏ ít phiền lụy. Con Freddy rất đẹp mã. Bộ lông màu xám đậm pha trắng, dày mượt như nhung, đôi mắt hiền hậu. Vài tháng một lần, con gái tôi chở nó đi khám sức khỏe, tiêm ngừa bọ chét. Nó có thuốc gội đầu, xà bông tắm, bàn chải và lược riêng. Thời thơ ấu, tôi cũng có một con mèo nhỏ ở cái ngôi nhà rộng xa tít mù tắp tận xứ Huế chút xíu kia nhưng đó là một con mèo tự do. Nó được tung tăng chạy nhảy, khi lớn lên thì hẹn hò yêu đương ngay trên mái ngói những đêm vườn thơm hương bưởi. Tôi nhìn thấy mẹ hằng ngày trộn cơm với xương cá cho nó, có bữa chan cả canh. Tuy vậy, những lúc nó động tình, mẹ cầm sào đuổi nó, vừa đuổi vừa lầm bầm chửi, tiếng gào của nó và tiếng mẹ, tiếng cái sào khua ồn ào dọc theo mái nhà, là một cảnh tượng lạ lùng đối với tuổi thơ của tôi ngày đó. Có lẽ vì sự khác biệt giữa ký ức và thực tế trước mắt, bây giờ tôi chỉ "kính nhi viễn chi" con Freddy chứ không thân cận nó. Thỉnh thoảng con gái tôi đi nghỉ hè xa, tôi được ủy thác công việc dọn cứt và mở hộp đồ ăn cho nó ngày một lần. Liên hệ giữa tôi với nó trong ngôi nhà là thói quen nhìn thấy nhau ngày vài bận, đặc biệt vào lúc nửa đêm, khi chỉ còn tôi và nó thức trong cái im lặng bằn bặt say ngủ của người xung quanh và tạo vật. Có những hôm tôi ngỏ cửa để tưới cây hoặc tiễn bạn, nó lẻn ra đi rong chơi, nhanh thì chốc lát, một buổi, lâu thì vài bữa, lâu nữa chừng một tuần. Tuy vậy, sau mỗi cuộc rong chơi, bao giờ nó cũng nhớ đường quay về, nằm phục ở cửa, chờ thấy bóng người bên trong nhà là cất tiếng kêu xin vào. Cảnh tình ấy khiến tôi liên tưởng đến các đấng trượng phu đã có gia đình, thỉnh thoảng thấy nhớ tiếc trời cao đất rộng, thấy thèm muốn tự do thời độc thân, nên nếu có cơ hội thuận tiện là quí ông lẻn nhà đi hoang. Mặc dầu thế, con đường dẫn về ngôi nhà tổ ấm của họ đã trở thành một thứ bản năng có sức thôi thúc khó dứt bỏ, trước sau cũng có lúc họ quay về miễn là có một bàn tay mở cửa vì hiểu biết, độ lượng và tha thứ.

Vừa rồi là câu chuyện của con Freddy. Mặc dầu con gái tôi biết rất rõ rằng cô làm phiền mẹ với những lần nín thở qua sông để làm vệ sinh cái hộp bài tiết của nó, rằng tôi cực lực phản đối cung cách nuôi chó mèo mà lấy đi một phần đời sống thiên nhiên của chúng để phục vụ cho sở thích vui chơi của con người, vậy mà có một đêm đang làm việc khuya, tôi chợt thoáng nghe tiếng mèo con kêu, yếu ớt, nhão nhoẹt, quanh chỗ tôi đang ngồi. Nhìn không thấy gì, lắng nghe một chốc, ký ức tôi quay về những năm tuổi thơ, nhớ lại những lần xắn quần cho gọn, leo qua cửa sổ lầu, rón rén bước trên mái nhà, ra tận chỗ cái máng xối để bắt mấy con mèo con mới lọt lòng mẹ, cái đầu to tướng, lông lá ướt nhẹp, hai mắt nhắm tít. Tôi mang chúng vào nhà, lấy áo cũ lót ổ cho chúng nằm nhưng chỉ một buổi là mẹ chúng ngoạm cổ từng con một và đem chúng đi biệt. Lơ mơ với những kỷ niệm xa xưa ấy, tôi ra mở đèn ở bao lơn để nhìn suốt lượt các mái nhà lân cận. Không thấy động tĩnh gì, tôi quay vào, đóng cửa, tắt đèn rồi.. cũng quên luôn tiếng mèo con kêu trước đó.

Bẵng đi bao lâu tôi không nhớ rõ, một hôm đi làm về, thấy đủng đỉnh trên đầu cầu thang một con mèo nhi đồng, bộ lông to xù mầu hổ hoàng, hai đốm mắt đỏ như hổ phách, cái đuôi xòe ra như cái tàu cau quét lê trên thảm. Sửng sốt, tức giận, cật vấn cô con gái thì cô cười trừ và nói rằng đó là quà Giáng Sinh vị hôn phu của cô tặng cô, rằng cô đã nuôi nó từ lúc bé tí trong cái bồn tắm phòng bên kia. Hình như ông Trời sinh ra tôi để luôn phải chấp nhận những sự bất như ý và cam chịu nên kể từ đó, bộ bốn chúng tôi sống hòa hoãn trong ngôi nhà nhỏ bốn tầng, chon von như một cái tổ chim. "Tiến trình điều-kiện-hóa" lại tái diễn với nàng Tigger quốc tịch Ba Tư: rút móng, triệt giống, như vẫn xảy ra cho biết bao chó mèo được nuôi nấng bởi những người nghĩ là họ yêu súc vật nhưng lại chỉ sở hữu chúng như những món đồ chơi mà họ tùy nghi cắt xén, xử dụng, cho hợp với cách sống ở cái đất nước cực kỳ văn minh này.

Có lẽ vì bị nhốt từ bé trong cái bồn tắm lạnh lẽo, ở một chỗ không có ai lai vãng nên cô mèo Tigger lớn lên không thân thiện với người và luôn gầm gừ với đồng loại sống bên cạnh nó. Mặc dầu vậy, ngày tháng cũng êm đềm trôi cho đến khi cô chủ nó làm đám cưới và chuẩn bị sinh con đầu lòng. Kế hoạch chuẩn bị này gồm cả việc chúng tôi phải dọn ra một căn nhà lớn hơn. Con gái tôi đi mua một cái nhà gỗ nhỏ cho cô cậu mèo, để ở vườn sau, mấy tấm đệm bọc vải hoa cho chúng nằm. Song song với việc mua sắm, cô cũng đăng báo tìm người muốn nuôi chúng để sang tay, để chúng được tiếp tục cuộc sống ấm áp trên giường, dưới thảm, như lúc chúng ở với cô. Một bà Mỹ gọi đến, hỏi chúng tôi ở thành phố nào? *"Tustin xa Los Angeles quá, để tôi coi lại."* Một bà nữa hỏi *"Nó có thân thiện không?"* Khi nghe con gái tôi *"ư ừ"* trên điện thoại, bà cám ơn rồi gác máy. Một bà khác cự nự *"Tại sao mày đem cho chúng đi thế? Tao biết chắc rồi cuối cùng thì mày cũng dấn chúng vào chỗ chịu chết thôi!"* Bà rủa sả tưng bừng, nhân danh hai con vật đáng thương mà bà không từng nuôi một ngày và nay cũng không làm gì để cứu chúng khỏi chết nếu như quả thật bà nghĩ chúng sẽ phải chết khi rời khỏi chúng tôi. Rủa sả đã rồi bà cúp điện thoại. Đó là lòng nhân đạo ồn ào theo kiểu Mỹ.

Ở sân sau căn nhà mới của chúng tôi, con Freddy quen thói giang hồ, lập tức nhảy rào đi mất biệt. Mấy đêm ngày liền, vợ chồng con gái tôi trở về đợi nó ở ngôi nhà cũ nhưng nó không về đấy. Tôi biết nó không lạc đường vì mèo có khả năng nhớ dai. Hóa ra sau những lần giang hồ vặt trước đây mà nó lại về chầu chực xin vào là vì nó nhớ cái chỗ ở quen thuộc của nó, cái ghế nó hay nằm quấn mình trong tấm chăn mỏng, cái cửa sổ trên cao nó hay ngồi trầm tư nhìn xuống thiên hạ sự lao xao quanh bãi đậu xe, cũng có thể nó nhớ cả hơi hướm cô chủ nhỏ và cảm thấy không nỡ dứt tình. Thuở sinh tiền, bố tôi hay nói "nhân sao vật vậy". Chúng tôi dọn về một nơi ở mới không có chỗ nào cho nó, thế là nó đi luôn, không còn gì vương vấn nữa. Trong cái thị xã mênh mông này, nó ăn đâu, ngủ đâu, còn sống hay đã chết, lòng tôi xót xa nỗi nhớ, không phải chỉ riêng nó mà cả cái quãng đời đã mất cùng với nó. Còn cô mèo cái Tigger nhát cáy, nó không dám bỏ đi như con Freddy. Nó nằm run rẩy trong xó vườn, không ăn, không ngủ hai ngày liền, mình mẩy ướt mẹp trên vũng nước đái của chính nó. Con gái tôi quấn nó trong cái khăn bông, shampoo cho nó, chải và tỉa bớt bộ lông dày lấm láp bùn đất của nó, vuốt ve nó cả một buổi chiều gió hiu hiu trong khu vườn sau. Cảnh tượng ấy khiến tôi mủi lòng như khi phải chứng kiến những âu yếm vớt vát trước giờ chia tay của hai người bạn. Buổi tối đi làm về, tôi hé mành cửa tìm nó nhưng mảnh sân trống trơn. Ngọn đèn trên tường nhà soi rõ cái góc vườn bây giờ chỉ còn sỏi đá lặng lẽ. Sự mất mát nào cũng để lại đằng sau nó nỗi trống vắng thê thiết. Tôi nghe trái tim mình đập mệt mỏi trong cái buồng ngực chất chứa quá nhiều sự phiền muộn.

Lúc thay áo xong, ngồi xuống cái ghế dựa mới trong phòng gia đình để xem phần tin tức T.V lúc mười một giờ đêm theo một thói quen tôi có đã lâu, tôi ngạc nhiên thấy như là tôi vẫn ngồi ở căn nhà cũ, buổi tối cũ, với y nguyên cảnh trí cũ không suy suyển. Hóa ra cái gì đã một lần thâm nhập vào mình thì nó sẽ ở lại với mình mãi cho dù hình tượng nhìn thấy trước mắt có khi đổi thay hoặc không còn nữa. Tôi vui mừng nhận ra mình còn nguyên vẹn những cảnh đời từ lúc ký ức tôi biết ghi chép, hệt như thời gian là một dòng chảy nguyên vẹn từ khi con người cất tiếng khóc vào đời cho đến khi nó thong dong bước ra để về một nơi ở mới, có mất mát hao hụt gì đâu nếu không là những mất mát, hao hụt trong tư duy rời rã, đứt đoạn của con người tự giới hạn mình vào bài toán trăm năm?

Cali 6/2000

ĐOẠN CUỐI MỘT CHUYỆN TÌNH

Anh thân yêu,

Khi nghe tiếng anh trong ống điện thoại, em không nhớ rõ mình vui hay buồn. Hình như em ngạc nhiên, vì không bao giờ nghĩ rằng sau ba mươi năm lại có một ngày anh cầm cái điện thoại và gọi tên em. Ấy vậy mà bây giờ chính là anh, không phải một ai khác, đang nói cười với em qua ống nghe. Tiếng cười của anh không khác xưa, tiếng nói của anh không khác xưa, nghe kỹ, nhận ra thêm một chút bơ vơ, hụt hẫng, trong những thoáng ngập ngừng.

Rồi anh đến trên thềm nhà em, trong buổi chiều đìu hiu chút giá lạnh của sương mù vừa lên. Quả thật trước và sau cú điện thoại vừa rồi, em không một lần hình dung lại anh trong trí tưởng em. Đã lâu rồi, kể từ khi vết thương tình ái trở thành vết sẹo gắn liền vào đời em như định mệnh, đối với em, anh chỉ còn là một ý niệm buồn rầu. Ký ức về anh là cả quãng đời năm em mười bảy tuổi.

Ký ức về anh là một buổi tối khi Sài Gòn vừa lên đèn, anh đem em đi chơi trên đường Trần Hưng Đạo, anh đã ôm và hôn em, vòng ôm và những nụ hôn như sóng biển cuồng nộ, vùi lấp, mạnh mẽ, khuất phục, vô tình. Anh là thủy thủ, anh đến và đi như bóng mây. Anh là đại dương, rửa sạch mọi dấu chân trên cát. Anh là của những cuộc hải trình không ngừng nghỉ, luôn luôn thấy ở trước mắt những chân trời mới rộng mở. Còn em, em là một con ốc nhỏ, một ngày lạ lùng trong đời bỗng thấy mình chứa đầy biển mặn, thấy mình choáng ngợp vì một sự xâm chiếm bất ngờ và kỳ lạ, thấy mình sau đó, chỉ còn là một chiếc vỏ trống trơn, vô nghĩa, lăn lóc trên một bãi biển bỏ quên.

Em không biết như thế có phải là tình yêu không? Buổi tối hôm đó, khi chú Đ. đánh mắng em vì anh đã đưa em về đến tận dàn hoa giấy trước cổng nhà, em rất bàng hoàng, kinh ngạc, lần đầu tiên trong đời tự hỏi phải chăng hạnh phúc và đau khổ chỉ là hai mặt của một chiếc mề đay? Trận đòn ấy là vết mực in vào tâm hồn và thể xác em, không bao giờ phai.

Rồi anh bỏ đi. Ba mươi năm kể từ hôm ấy, kể từ một lần cuối cùng em nhìn thấy đâu đó trong đám đông của một con đường Sài Gòn xuôi ngược, cái lưng áo mầu xanh của anh. Em có đuổi theo, nhưng không đuổi kịp, em có gọi anh, nhưng anh không nghe. Và như thế, tình yêu với em chỉ còn lại trong trí nhớ cùng với nét mặt buồn rầu, đau đớn của chú Đ. lúc chú đánh em. Trong suốt những tháng năm dài về sau, hơi thở nào của em cũng là hơi thở mệt nhoài của một người luôn luôn bị đẩy chạy về phía trước, mải miết, u mê, đuổi theo một cái gì không có thật, một cái gì đã ngoài tầm với, một cái gì rõ ràng là của em nhưng lại không là của em, như cái bóng mình đổ về đằng trước vì mặt trời ở sau lưng.

Bây giờ anh đang đứng trước thềm nhà em. Buổi chiều mờ nhạt sương mù nên em không nhìn rõ tóc anh đã bạc chưa? Cảm giác trong em vẫn là cảm giác của ba chục năm đã qua. Hình như em không thấy anh đổi thay. Thật ra, đấy chỉ là cái nhìn của ký ức. Anh đã đổi thay nhiều lắm. Trong mắt anh, vẫn là cái lấp lánh của thời trẻ tuổi, đầy năng lực và đam mê, cái lấp lánh ngày xưa em ví với một mặt biển giữa buổi trưa mùa hè, mời gọi, chinh phục, thách đố lên đường. Bây giờ, chiều đã xuống, cái lấp lánh trong mắt anh là những đốm lửa trên một cành khô đang cháy ngọn lửa bình yên trong lò sưởi gia đình. Dáng anh không còn thon gọn. Trán anh đã có nếp nhăn. Khuôn mặt anh khắc khoải vì những chuyện đã xong và những chuyện chưa tới. Tóm lại, anh đã là một người đàn ông trên ngưỡng cửa tuổi già.

Có lẽ anh nhìn em bối rối. Anh muốn đo lường phản ứng của em, hiểu được những ý nghĩ trong đầu em. Em đã đưa hai tay để anh nắm, chưa muốn anh hiểu gì nhưng muốn gởi tới anh một dấu hiệu thân thiện để làm yên lòng anh.

Và giống như một buổi tối cách đây ba mươi năm, anh lại mời em cùng đi chơi ngắm phố phường. Anh đưa em lên một ngọn đồi, từ trên cao nhìn xuống, những con đường rực rỡ ánh đèn gợi nhắc dòng sông quê nhà trong đêm lễ Vu Lan, người ta thả đầy trên mặt nước những ngọn nến để dẫn dắt linh hồn người thân tìm về với gia đình trong mùa báo hiếu. Quán rượu là một ngôi nhà cổ bằng gỗ. Những cái rầm to màu đen chìa ra một hàng hiên lợp kính. Một cái đèn bão tù mù cháy trên mặt bàn ẩm khách không soi tỏ mặt người. Một ngọn đèn hằng nghìn watts từ một phía đầu hồi chiếu chếch vào gian phòng thì thầm tiếng người, tất cả khiến em có cảm tưởng mọi người đang ẩn náu ở đây để chờ cơn bão tan đi.

Chúng ta không nói chuyện riêng. Hình như cả anh và em đều tránh làm chẩy máu một vết thương đã liền miệng. Chúng ta nói chuyện về quê hương, về những người bạn cũ, về trời mưa, trời nắng và vào một lúc bất ngờ nhất, về căn bệnh của anh. Khi ra về, bãi đậu xe mông mênh gió lạnh, anh cầm tay em dắt đi, như trong một giấc mơ hiền hòa.

Anh nhìn em, cười hỏi:

– Vì sao người ta cứ muốn có một bàn tay để nắm?

Em trả lời:

– Hiểu theo một nghĩa tốt đẹp nhất, bàn tay là sự tin cậy, sự nương tựa, sự cảm thông, là cho và nhận, sau cùng, là sự tha thứ.

Anh nói:

– Em còn trẻ lắm. Đối với anh, đầu tiên nhất và mãnh liệt nhất, trên hết và trước tất cả những điều em vừa nói, bàn tay một người là sự sống.

Câu nói của anh làm tim em thắt lại. Đúng vậy, cả một buổi chiều, cả một buổi tối, em vẫn chỉ đối đáp với anh như với một người không có thực, sao em không bỏ cái ý niệm về anh trong em để nhìn thấy anh bây giờ thực sự là một người đã luống tuổi, đứng ngay trên cái đích cuối cùng của một cuộc chạy đua lâu dài, mọi hào quang chiến thắng đã tắt nguội, đấu trường đã vắng vẻ, chỉ còn mình với hư không xung quanh, muốn mở ra một mục tiêu mới thì sức lực đã hao mòn.

Anh nói tiếp:

– Anh là thủy thủ, đời sống của anh là con tàu. Mất nước, mất tàu, anh mất đời sống. Nhưng anh còn khả năng và ý nghĩa của sự hiện hữu, đó là sức khỏe và tương lai những đứa con mà anh phải cùng với chúng xây dựng.

Anh cười:

– Nay những cứu cánh cuối cùng ấy cũng đã hết. Em biết không, anh thường ra biển ngâm mình hằng giờ trong sóng nước, xin biển cuốn anh đi, để anh được yên nghỉ trong lý tưởng tình yêu đời đời của anh, nhưng có lẽ biển cũng chê, không còn dung nạp anh nữa.

Ôi! khoảng thời gian ba mươi năm, trong tình yêu, khi quay lại nhìn, quả thật tưởng không có gì đổi thay, chính ra đã quá nhiều để cho bao nhiêu thứ đủ thì giờ tàn tạ.

Anh hãy cứ cầm tay em như thế, vì không một ai biết cầm tay em như thế. Nếu quả thật bàn tay một người là tặng phẩm của đời sống, đấy là tất cả những gì em còn lại để cho anh, biết đâu sẽ chẳng là lần cuối cùng?

Anh hỏi về đời sống của em. Anh hỏi về căn nhà em ở, công việc em làm, về những nỗi buồn vui trong những ngày tháng anh ở xa. Căn nhà như anh đang thấy, có lẽ sự trống trải đã làm anh đứng ngồi không yên. Sở em làm như anh đang thấy, có lẽ công việc có tính cách tầm thường khiến anh mủi lòng muốn khóc (khi đưa em đến chỗ này, dọc đường anh nói đùa: *"để anh đi cho biết con* *đường lam lũ của em"*; anh hỏi đùa: *"chỗ nào em bị hỏng xe và đứng khóc gọi ông Bụt?"*) Tất cả những thứ gì em không thể che dấu được, anh đều nhìn thấy. Ngoài ra, đừng hỏi thêm em. Em vẫn đủ sức gánh vác đời em, miễn là anh đừng thêm trọng lượng vào gánh nặng ấy. Em có nói với anh một câu vào một lúc yếu đuối nhất, một câu mà sự ân hận trong vài ngày sau đó, đã làm anh và bạn bè thấy em hốc hác, tiều tụy:

– Nói cho em biết anh lặng lẽ chờ ở một ngã tư đường để thấy em đi qua, nói cho em biết anh ngồi ở một quán nước ba tiếng đồng hồ vì một cái hẹn không cần em đến, là độc ác, là nhẫn tâm, là bắt em chịu đựng quá sức mình, là lấy đi của em sự bình yên trong tâm hồn, sự ngăn nắp trong đời sống và sự giá lạnh đã chở che em và giúp em tồn tại.

Em cảm ơn anh muốn đem đến cho em thật nhiều hay một chút gì trước khi quá muộn. Thực ra, tất cả đều đã quá muộn, chỉ có một điều không muộn: đó là cái ý niệm về tình yêu em vẫn dành cho anh từ ba mươi năm, không thể thêm vào hoặc bớt đi, là môi hôn thơ dại đầu đời, là cảm giác thanh tân của cành non nụ mới vào một ngày mùa xuân rực rỡ nhất một đời người! Không, anh không thể đem lại cho em thêm một chút gì nữa để cọng vào những ngày tháng cũ. Kể từ lúc anh bỏ em đi không một lời tạ từ, em đã biết là không bao giờ nên trông đợi ở người, em đã học ở anh bài học đầu tiên của lòng kiêu ngạo.

Anh không ngờ hoặc là anh không tin, nên một lúc khác anh hỏi em:

– Này V, cái gì đẩy em đi tới phía trước? Các con em?

Các con em, đúng vậy. Nhưng ngoài mối hệ lụy tất nhiên này của cuộc đời, anh quên rằng chính anh không những đã rèn luyện cho em sức mạnh để đi tới, anh còn rèn luyện cho em sức mạnh để đi lên chiều cao. Cuốn sách đầu tiên bằng ngoại ngữ anh cho em ngày đó là cuốn sách nói về chiều cao của vùng đất quê hương, nó như một thách đố nghiệt ngã, một ám ảnh dày vò em trong suốt thời tuổi trẻ. Và anh thấy, quả thật em đã tập trung tất cả sức lực em có để leo lên một ngọn núi cao nhất theo khả năng em, từ đấy nhìn xuống, biết mình đã đi đến tận cùng của nỗi cô đơn, từ đấy nhìn xuống, chỉ còn biết xót thương và đem cho, không còn biết đón nhận. Em rất mệt mỏi. Nhưng em vẫn cầm cự từng ngày. Em vừa biết ơn vừa thù hận bài học anh cho em. Nó vừa nuôi dưỡng em thành người, vừa hủy hoại em cùng một lúc.

Có lẽ anh sẽ buồn và thất vọng vì hình ảnh người học trò bất đắc dĩ của anh. Có lẽ em đã tiêu hóa những kiến thức anh cho một cách sai lạc. Nhưng đấy là con người thật của em hiện nay.

Cho dầu tuổi đời đã chồng chất hai vai anh, cho dầu bệnh tật và sức khỏe có lúc đã đưa anh kề cận nỗi chết, anh vẫn còn giữ nguyên trong tim óc anh tham vọng đi tới những chân trời mới, đi lên những chiều cao mới. Có những thoáng giây bất chợt, em nhìn thấy lại nơi anh hình ảnh người trai trẻ năm xưa, nhanh nhẹn như một con beo, chính xác như một mũi tên, mạnh mẽ như biển khơi. Anh muốn dồn cho em những nỗ lực cuối cùng đáng yêu ấy, than ôi! em đã chết ngộp vì những chiều cao choáng váng rồi! Em cũng biết là anh muốn nhìn thấy nơi em sự nối dài đời sống anh, em phải làm sao đây? Có lẽ em chỉ còn biết hứa với anh mà thôi.

Anh thường nhìn em băn khoăn:

– Mai mốt anh lại đi, không yên tâm về em.

Em cười, phá anh:

– Để anh yên tâm lâu quá rồi, nay nhất định làm anh thao thức thôi!

Em nói đùa đấy, xin lỗi anh. Hơn bao giờ hết, anh phải được yên tâm về mọi người, mọi việc. Từ chỗ em ngồi nhìn sang chỗ anh sau tay lái xe, em ứa nước mắt cảm nhận tất cả sự phũ phàng của thời gian và sự hạn chế của một kiếp người. Anh thân yêu, em để cánh tay ân cần, gượng nhẹ của em trên vai ghế anh, anh hãy gởi lên đấy những nỗi ưu tư, phiền muộn vô ích đang dày vò tim óc anh, anh hãy ngủ một giấc bình yên như trong bài thơ của Huy Cận năm xưa anh chép vào tập thơ của em:

Ngủ đi em, mộng bình thường
Ru em sẵn tiếng thùy dương mấy bờ

Ở đây không có tiếng thùy dương, chỉ có tiếng sóng biển vỗ êm vào bờ cát mịn. Vầng trăng nhạt thếch trên một bầu trời cuối đông hiu hắt không còn gọi dậy thủy triều hung hãn nữa. Anh nhắm mắt một lúc rồi cười chua chát:

– Thật cải lương, vì anh bỗng muốn cứ thế này mà chết luôn, đừng dậy nữa.

Có lẽ suốt cả cuộc đời, anh luôn luôn là hiện thân của sự dằng co giữa thực tế và mơ mộng.

Mình không nói gì nhiều nữa trong vài ngày ngắn ngủi còn lại. Thỉnh thoảng chiếc xe của anh bỏ em xuống hè đường hiu quạnh, sau khi cả anh và em đều khách sáo chúc nhau qua một đêm ngon giấc. Mọi sự có vẻ như lập lại một thời đã qua và sẽ lập lại cả nỗi biệt ly ngày nào. Chỉ khác một chút là lần này anh có từ giã em. Chỉ khác một chút là chúng ta sẽ không còn một lần tái ngộ sau ba mươi năm. Quả thật hạnh phúc và đau khổ luôn luôn theo nhau như bóng với hình.

Sau cùng thì em hiểu rằng em đã rất cố chấp mà nghĩ là em đã nhận của anh quá đủ trước đây ba mươi năm để bây giờ không còn nhận thêm được gì. Em nhận thêm của anh rất nhiều: hình ảnh anh trên bậc thềm nhà em, trên con đường em đi làm hằng ngày, ở một góc quanh bất ngờ và trong những hồi chuông điện thoại, bàn tay anh trên vai em vỗ về vết thương tuổi dại, ước muốn tình cờ của anh muốn nhìn thấy với em bờ bến cuối cùng của một đời thủy thủ... Trong ít ngày ngắn ngủi, anh đã đền bù cho em quá nhiều, anh đã làm em trở thành giầu có, anh đã chắp cho em đôi cánh rộng để bay thênh thang trong trời hạnh phúc. Với anh, quả thật luôn luôn là những chiều cao bát ngát, là những bất ngờ không hẹn hò, không lý do, rất trọn vẹn và rất hư không.

Một câu rất dễ thương của anh:

– *Ừ, thế thôi, cũng thế thôi!*

Em chỉ còn một điều yêu cầu anh: hãy yêu quí bản thân mình. Vào lúc chúng ta từ biệt nhau, em không thể không nói với anh điều này, tuy anh thấy dường như em không hề quan tâm đến nó, cho chính em.

Sau tất cả những gì anh đã làm vì mọi người, sau tất cả những gì anh đã để lại cho đời và cả vì anh đã gặp lại em, anh phải giữ gìn sức khỏe. Em vẫn biết chúng ta sẽ không còn đủ ba mươi năm cho một lần tái ngộ thứ hai, nhưng em ước ao biết bao mỗi buổi sáng khi em thức dậy, biết chắc rằng không gian em đang thở vẫn còn hơi thở của anh.

Sau hết, em chúc anh lên đường bình yên. Đừng làm em khóc, vì rồi đây những buổi chiều ở nơi này sẽ rất buồn. Mỗi khi đi làm về, bước ra khỏi xe, em sẽ nhìn suốt dọc hai hàng phố vắng quanh nhà để tìm anh. Em sẽ dừng lại một lát trên bậc cửa để chào hỏi anh, và em sẽ như một người lẩn thẩn, chìa ra phía trước bàn tay em nay chỉ còn hư vô đón nhận. Em sẽ một mình đi đến khu công viên có hồ nước và rừng cây hoang vu, đứng co ro nhìn những con vịt xấu xí bơi lội nhởn nhơ như hôm nào đã cùng nhìn với anh. Em sẽ ghé vào cái quán điểm tâm nhỏ, hỏi xem anh đã ngồi ở đâu trong buổi sáng nắng ấm này?

Đừng lo cho em. Dù có lần gặp lại hay không, trước sau anh vẫn chỉ là một ý niệm đã thâm nhập vào đời sống em như một thực thể không tách rời. Thế thôi.

3-87

Mọi thư từ liên lạc:

***

Nhà xuất bản Văn Mới
1528 S. La Cienega Blvd.
Los Angeles, CA 90035
Tel: (310) 559-0413
Fax: (310) 659-2627

Giá: $10.00

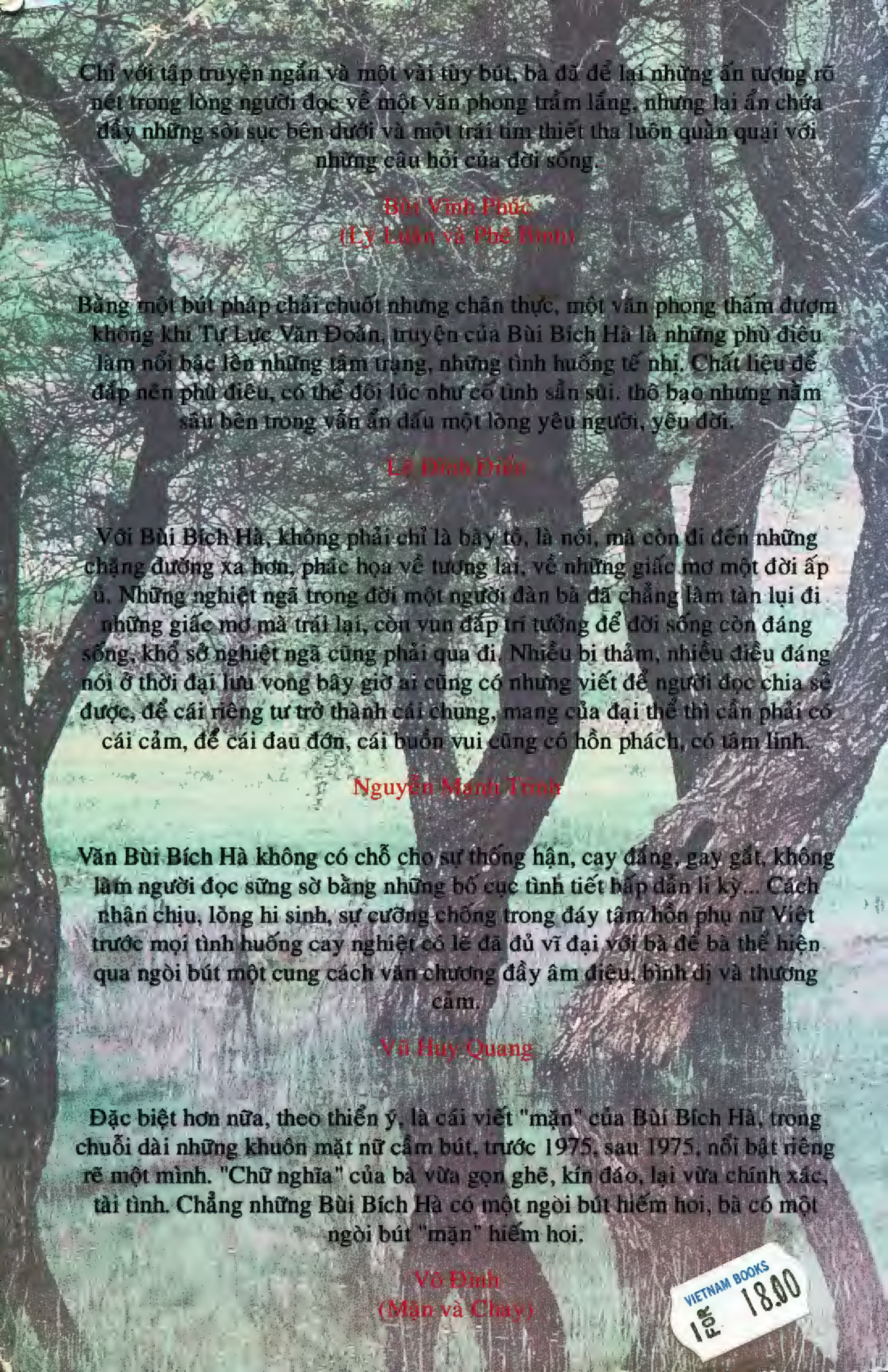

Chỉ với tập truyện ngắn và một vài tùy bút, bà đã để lại những ấn tượng rõ nét trong lòng người đọc về một văn phong trầm lắng, nhưng lại ẩn chứa đầy những sôi sục bên dưới và một trái tim thiết tha luôn quằn quại với những câu hỏi của đời sống.

Bùi Vĩnh Phúc
(Lý Luận và Phê Bình)

Bằng một bút pháp chải chuốt nhưng chân thực, một văn phong thấm đượm không khí Tự Lực Văn Đoàn, truyện của Bùi Bích Hà là những phù điêu làm nổi bậc lên những tâm trạng, những tình huống tế nhị. Chất liệu để đắp nên phù điêu, có thể đôi lúc như cố tình sần sùi, thô bạo nhưng nằm sâu bên trong vẫn ẩn dấu một lòng yêu người, yêu đời.

Lê Đình Điểu

Với Bùi Bích Hà, không phải chỉ là bày tỏ, là nói, mà còn đi đến những chặng đường xa hơn, phác họa về tương lai, về những giấc mơ một đời ấp ủ. Những nghiệt ngã trong đời một người đàn bà đã chẳng làm tàn lụi đi những giấc mơ mà trái lại, còn vun đắp trí tưởng để đời sống còn đáng sống, khổ sở nghiệt ngã cũng phải qua đi. Nhiều bi thảm, nhiều điều đáng nói ở thời đại lưu vong bây giờ ai cũng có nhưng viết để người đọc chia sẻ được, để cái riêng tư trở thành cái chung, mang của đại thể thì cần phải có cái cảm, để cái đau đớn, cái buồn vui cũng có hồn phách, có tâm linh.

Nguyễn Mạnh Trinh

Văn Bùi Bích Hà không có chỗ cho sự thống hận, cay đắng, gay gắt, không làm người đọc sững sờ bằng những bố cục tình tiết hấp dẫn li kỳ... Cách nhận chịu, lòng hi sinh, sự cưỡng chống trong đáy tâm hồn phụ nữ Việt trước mọi tình huống cay nghiệt có lẽ đã đủ vĩ đại với bà để bà thể hiện qua ngòi bút một cung cách văn chương đầy âm điệu, bình dị và thương cảm.

Vũ Huy Quang

Đặc biệt hơn nữa, theo thiển ý, là cái viết "mặn" của Bùi Bích Hà, trong chuỗi dài những khuôn mặt nữ cầm bút, trước 1975, sau 1975, nổi bật riêng rẽ một mình. "Chữ nghĩa" của bà vừa gọn ghẽ, kín đáo, lại vừa chính xác, tài tình. Chẳng những Bùi Bích Hà có một ngòi bút hiếm hoi, bà có một ngòi bút "mặn" hiếm hoi.

Võ Đình
(Mặn và Chay)

VIETNAM BOOKS
1 FOR 18.00